

NĂM THỨ 6 – NGÀY 1-6-1962

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *Anh quốc với chủ nghĩa
thực dân* • BÙI HỮU SÙNG *nên bỏ hay nên sửa
chương trình Triết ở bậc Trung học* • NHƯ
PHONG *trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc Việt Nam
mười lăm năm dưới bóng cờ đỏ* • NGUYỄN
HIẾN LÊ *phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt
Nam* • TRẦN HƯƠNG TỬ *Marcel, hiện sinh và
huyền nhiệm* • TRỊNH THIÊN TỬ *nguồn lợi của
đại dương* • PHONG GIAO *kinh nghiệm đời văn
của E. Caldwell* • CÔ LIÊU *hứa hẹn bình minh* •
VÂN TRANG *thằng cháu tôi* • THÁI TUẤN —
NHAN CHI *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm
hội hòa* • TRĂNG THIÊN *đọc « Hương rừng Cà
mau » của Sơn Nam* •
THU THỦY *Nam Tư và
Djilas* • TIÊU DÂN *có gì
thầy đòi nơi Krouchtchev* •

130

Một sự may mắn !!!

Nếu **« VERIGOUD »**

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quý vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« VERIGOUD »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu
Quý vị bởi Hãng :

**SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES
DE L'INDOCHINE**



*CÁC HIỆU BUÔN ĐỪNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN
VỚI GIÁ 65 \$ MỘT CHAI*

BÁCH

KHOA trong số này

Số 130 ngày 1-6-62

HOÀNG-MINH-TUYNH	Anh quốc với chủ nghĩa thực dân.	3
BÙI-HỮU-SÙNG	nên bỏ hay nên sửa chương trình Triết ở bậc Trung học.	9
NHU-PHONG	trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc Việt Nam mười lăm năm dưới bóng cờ đỏ	17
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt Nam	33
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	Marcel, hiền sinh và huyền nhiệm	43
TRỊNH-THIÊN-TỬ	nguồn lợi của đại dương	53
PHONG-GIAO	(dịch Erskine Caldwell) kinh nghiệm đời văn	61
CÔ-LIÊU	hứa hẹn bình minh (truyện rút ngắn « Promesse de l'aube » của Romain Gary)	65
VÂN-TRANG	thằng cháu tôi (truyện ngắn)	85
THÁI-TUẤN — NHAN-CHÍ	trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa	91
TRÀNG-THIÊN	đọc « Hương rừng Cà mau » của Sơn-Nam	101
THU-THỦY	Nam Tư và Djilas	105
TIÊU-DẪN	có gì thay đổi nơi Krouchtchev ?	108

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Nước Pháp với chủ nghĩa thực dân</i>	HOÀNG-MINH-TUYNH
<i>Rút vài kinh nghiệm ở chương trình Pháp</i>	
<i>Dự thảo một chương trình mới</i>	BÙI-HỮU-SÙNG
<i>Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục</i>	
<i>Việt-Nam (4)</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ
<i>G. Marcel, Hiện-sinh và Huyền-nhiệm</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Thử bom H. trên thượng tầng không khí</i>	CÔ-LIỆU
<i>Mánh lới điều tra (3)</i>	TRẦN-THÚC-LINH
<i>Tìm hiểu Nhật-bản qua thi-ca</i>	ĐOÀN-VĂN-AN
<i>Góp ý về cú pháp</i>	ĐỖ-HỒNG-VŨ
<i>Bên lề nghệ thuật : Đồ đạc</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Tòa khám sứ</i>	BỬU-KẾ
<i>Viếng thăm báo Figaro</i>	MINH-ĐỨC
<i>Đỡ dề đêm</i>	NGUYỄN-HỮU-PHIỄM
<i>Về dẫu (truyện dài)</i>	VÕ-PHIẾN
<i>Teddy (dịch Salinger)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Quảng đường lội</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU
<i>Con Tư diêm</i>	VŨ-HẠNH

Chủ-nghĩa thực-dân « chấm dứt nhiệm-kỳ » ?

2

ANH QUỐC

VỚI CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

HOÀNG-MINH-TUYNH

LÃ N H vực thuộc địa của Anh Quốc, lúc này, có thể đại quan thu tóm lại được bằng những con số dưới đây : 2 triệu dặm vuông, 43 triệu dân số. Con số các thuộc địa thu hồi độc lập ngày càng gia tăng, khiến « đề quốc » Anh ngày càng bị thu hẹp. Tuy nhiên « đề quốc » ấy vẫn diễn trình trước mắt thế giới như một cộng đồng dân tộc và nhân chủng đáng làm cho mọi người phải kiêng phải nể, một cộng đồng mà hiện tại và tương lai tùy thuộc trực tiếp Hoàng triều Anh. Các lãnh địa « nội thuộc » này gồm những miền, xứ trước đây người Anh hoặc đã chiếm được, mua được hay sáp nhập được và vẫn thuộc chủ quyền Hoàng triều Anh. Ngoài ra, lại có những lãnh địa bảo hộ, những quốc gia bảo hộ và những « trust territories » do Anh Quốc quản trị nhân danh Liên-Hiệp-Quốc. (1)

Cương thổ thực bao la, rải rác rộng khắp hoàn cầu, nhưng 3/4 nằm tại Phi Châu và gồm một số quốc gia dị biệt về mọi mặt, dân số cũng như diện tích. Bên miền Bắc Rhodesie (288.000 dặm vuông), có hải đảo Pitcairn trong Thái-Bình-Dương (2 dặm

(1) Theo danh từ chính thức của người Anh thì xứ bảo hộ là những xứ Nữ Hoàng Anh nắm giữ chủ quyền theo một thỏa ước ký kết với nhân dân nước ấy do các tù trưởng hay vua chúa đại diện. Có một vài xứ vừa theo qui chế thuộc địa, vừa theo qui chế bảo hộ, điểm khác nhau là người sinh tại thuộc địa được hưởng qui chế công dân nước Anh, còn người sinh tại xứ bảo hộ là những công dân bảo hộ có thể nhập quốc tịch Anh trong một vài trường hợp.

Các quốc gia bảo hộ (Zanzibar, các quốc gia Mã Lai trước ngày liên hiệp, Tonga) ở dưới quyền các vị lãnh tụ hay vua chúa đã ký kết hiệp định với Anh Quốc. Về phương diện hành chính, không có gì khác nhau giữa thuộc địa, bảo hộ và các quốc gia bảo hộ, cũng có trường hợp như trường hợp Koweit và các miền thù hiến, *emirats* trong vịnh Persique, tuy có ký kết hiệp định với chính phủ Anh, nhưng vẫn không chính danh thuộc thành phần thuộc địa Anh.

vuông) ; 25.000 người ngụ trên 2 dặm rưỡi vuông tại Gibraltar trong khi 3.000 người sống rải rác trên 5.000 dặm vuông tại quần đảo Falkland. Trong đảo tí hon Tristan-Da-Cunha thuộc đảo Sainte-Hélène, gần đây đã rút hết dân số vì sợ nạn Hòa Diệt Sơn phun lửa, tình hình dân số được chính thức công bố như sau : « 257 người nam phụ lão ấu, 8 người đần, 18 người đi, 10 người sinh, 1 người chết, 1 người lập hôn thú ».

Một cuộc kết tập, gồm đủ mọi dân tộc và mọi nòi giống (Da đen, Mã-Lai, Da đỏ, Trung - Hoa, Âu Tây) thuộc đủ mọi thứ văn minh, có những mức sống cao thấp rất khác nhau, đã khiến người Anh phải vận dụng tinh thần thích ứng một cách cực kỳ linh động để tìm ra những phương thức chính trị và hành chính thích hợp. May mà đó là sở trường của họ vốn được tiếng là một dân số hết sức thực tế, thích sự kinh lịch hơn lý luận suông. Người Anh vốn không ưa lễ thói tập trung quyền hành và đồng hóa dân tộc.

Trái lại, họ trọng chủ trương phân tán quyền hành và phát triển các cộng đồng địa phương ; họ phân biệt giai cấp nhưng không kỳ thị chủng tộc. Trong đế quốc của họ, người Anh không bao giờ giáo hóa người bản quốc theo lối của người Pháp : « Tò tiên chúng ta là người Gaulois » ; đối với người bản quốc họ luôn luôn giữ thái độ : « Kính nhi viễn chi », đề ở xa nhưng vẫn kính, kính nhưng

vẫn đề ở xa ; họ dụng tâm không thi hành chính sách thân dân như người Pháp.

Quá trình giải trừ chính sách thực dân

Chúng ta khó lòng kể hết được những chính thể người Anh đã đem ra thi hành cho mỗi lãnh địa họ đã thu đoạt được. Ở mỗi nơi họ tùy theo tập quán địa phương, trình độ chính trị và kinh tế của nhân dân mà đưa ra một thể thức ám đông, ám hợp. Tuy nhiên, ở đâu chúng ta cũng thấy họ mưu cầu cho các dân tộc một cuộc phát triển, chứng tỏ họ có thiên năng đưa vào những đổi thay quan trọng kịp thời trong một khuôn khổ bất di bất dịch. Ở nơi nào họ cũng đặt một viên Toàn quyền bận áo thêu, đội mũ lông, đại diện cho Nữ Hoàng, chịu trách nhiệm về việc cai trị trong xứ trước vị bộ trưởng Anh... Song trên thực tế, quyền hành của viên thượng quan hào nhoáng ấy vẫn bị giảm đi lần lần. Trong nhiều thuộc địa, viên toàn quyền có thể phủ quyết các đạo luật của các nghị hội địa phương, viên ấy có thể dành quyền thông qua cho Nữ Hoàng Anh Quốc, không dèm xia đến khuyến cáo của cơ quan hành pháp địa phương và đôi khi có thể gián tiếp bắt buộc một nước chấp nhận luật pháp đã lựa chọn cho. Nhưng đó chỉ là những quyền hành « trên giấy tờ », ngày càng đi tới chỗ không thích dụng nữa.

Thực tế, quá trình giải trừ chính sách thực dân tiến theo gần cùng một nhịp ở mọi nơi, trừ ra một vài

lãnh địa quá nhỏ hẹp, có tài nguyên quá ít ỏi, không bao giờ có thể tính đến chuyện độc lập được. Do đây, ta thấy người Anh có khi đưa ra một cơ quan lập pháp trong đó chỉ thấy có những nhà đại diện «chính thức» hay «quan thức», như các viên công-chức cao cấp hay các vị thân hào do toàn quyền đề cử. Ở một trình độ khác cao hơn, các nghị sĩ dân cử được bầu vào nghị viện lập pháp trên căn bản một cuộc bầu phiếu hạn chế, nhưng ngày càng mở rộng để có thể ngày kia đi tới một cuộc bầu phiếu trực tiếp và phổ thông. Tiến triển cũng thấy thể hiện song song trong cơ quan hành pháp, trước hết hoàn toàn do chính quyền đề cử, rồi sau mới lần lần mở rộng cho các nghị sĩ dân cử mỗi ngày mỗi thêm đông. Các nghị-sĩ « quan thức » bây giờ mới nhường chỗ cho các nghị-sĩ dân cử. Quốc gia nhờ vậy đạt tới trình độ tự trị, « self-government », nghĩa là trình độ có cơ quan hành pháp hoàn toàn do dân bầu ra, chịu trách nhiệm trước một cơ quan lập pháp cũng do dân bầu ra. Chỉ duy có quốc phòng, ngoại giao còn nằm trong tay các nhà cầm quyền Anh. Khi nào các trách nhiệm cuối cùng này được giao phó cho nội các thì quốc gia trở thành độc lập, và nếu muốn, có thể trở thành hội viên của Liên-Hiệp Anh, *Commonwealth*. Chính sách giải trừ thực dân từng giai đoạn như trên đã được nhiều chính phủ Anh đưa ra thi hành theo nhiều phương thức, nhưng tựu trung ở đâu, nhân dân cũng được dẫn dắt tới chỗ tự

đảm nhiệm lấy các trọng trách quản trị theo trình độ khác nhau. Hiện nay có 23 lãnh địa, trong đó các vị bộ trưởng đều là những nghị-sĩ dân cử, và trong 29 nghị viện lập pháp, các nghị-sĩ dân cử chiếm đa số. Tóm lại, về đại quan, sách lược chính thức của nước Anh đã thể hiện theo đúng mục tiêu mà một cuốn Bạch thư ân hành năm 1948 đã ấn định như sau : « Dắt các thuộc địa tiến tới tự trị có trách nhiệm ở trong Commonwealth, trong điều kiện bảo đảm cho các dân tộc liên hệ được hưởng một mức sống xứng đáng, và tránh khỏi áp bức dù từ đâu tới... ».

Phương thức trên, người Anh dụng ý để cho lòng lèo, vì họ muốn cho các phương thức lập hiến của mỗi quốc gia được tùy tiện đổi thay theo hoàn cảnh và sắc thái riêng biệt và người Anh xưa rầy thường vẫn không muốn thiết lập quan hệ mẫu quốc — thuộc quốc theo những phương thức quá cứng rắn hoặc một kiểu mẫu nhất định. Tuy nhiên không phải vì vậy mà chính phủ Anh không chính thức cam kết dẫn các thuộc địa của họ tới tự trị, rồi tới độc lập. Trước hết họ nỗ lực giáo hóa và huấn luyện các cán bộ địa phương mà một phần rất lớn được theo học các viện đại học Anh trước khi trở về thay thế các viên chức thuộc ngạch « Overseas Civil Service ». Sau đó, họ nỗ lực viện trợ kinh-tế và tư cấp kỹ thuật. Trong khoảng thời gian từ 1946-1964 chính phủ Anh đã dự trù một khoản tín

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN « CHẼM DỨT NHIỆM KỲ ? » ...

dụng viện trợ và tư cấp 315 triệu Anh kim. Tổ chức « Colonial Development Corporation » cũng chuẩn bị một số tín dụng và có thể vay thêm để tài trợ các dự án phát triển kinh tế và thương mại. Nhà nước có thể nâng đỡ và bổ túc cho tổ chức này bằng cách cho vay tiền dài hạn, mà không ngăn trở sáng kiến và hành động của khu vực tư doanh. Thực ra, mặc dù theo đuổi chính sách « giải trừ thực dân », bộ « Colonial Office » vẫn không thiếu việc làm và trách vụ của bộ vẫn ngày một gia tăng trong địa hạt kinh tế và xã hội.

Những nông nổi khó khăn

Vai trò của « Colonial Office » trên bình diện chính trị rất mực quan trọng. Trong những năm gần đây, một số khá nhiều vấn đề đã được đặt ra bó buộc chính phủ Hoàng Gia Anh vận dụng hết mọi khả năng để làm kẻ trọng tài, hộ vệ, hay khởi xướng ra những phương thức chính trị mới.

Loại khó khăn thứ nhất là loại khó khăn thuộc quan hệ giữa người thực dân và người Phi Châu. Vấn đề chủ yếu đặt ra trong Liên Hiệp Trung Ương Phi Châu là nơi hiện đang phát sinh một tình trạng gần giống với tình trạng Algérie : đó là một thiểu số người da trắng tích cực hơn, phú túc hơn, lại có nhiều thế lực chính trị hơn tại Luân Đôn, muốn kiểm soát duy trì những đặc quyền đặc vị của họ và dùng mọi thủ đoạn chống lại một đa số người Phi Châu đang nóng lòng đòi kiểm sát các cơ quan lập pháp

và hành pháp. Công việc của chính phủ rất phức tạp vì phải làm sao phân chia cho đồng đều các trách vụ mà không làm mất lòng phe thiểu số cũng như phe đa số. Miền Bắc Rhodesie và Nyassaland là hai xứ bảo hộ, song miền Nam Rhodesie lại là một xứ thuộc địa tự chủ. Tại Kenya chính phủ Anh chăm lo thực hiện những bảo đảm cần thiết cho quyền lợi của giới chủ điền Anh để củng cố nền kinh tế trong nước đang có nhiều triệu chứng đi tới chỗ suy bại. Tóm lại vai trò của chính phủ Anh hiện nay là vai trò điều giải, tìm thể dẫn dắt người Phi-châu hướng về tự chủ và sau đó tiến tới độc lập, nhưng đồng thời phải bảo vệ quyền lợi của nhóm người thiểu số da trắng.

Loại khó khăn thứ hai là loại khó khăn có liên hệ đến sự giao tranh và đối lập giữa chính những đám dân chúng bị đô hộ, đẩy người Anh tới chỗ phải thủ vai trọng tài. Đó là trường hợp xứ Kenya là nơi vị bộ trưởng thuộc địa Anh đã phải can thiệp bằng cách đưa ra một giải pháp tạm thời để cứu vãn hội nghị lập hiến lâm vào chỗ bế tắc gây ra bởi cuộc xung đột giữa phe Kadu, chủ trương phân lập và liên kết, với phe Kanu chủ trương thống nhất chính quyền trung ương. Đó cũng là trường hợp của Ouganda là nơi người Anh vấp phải sự cạnh tranh giữa một số tiểu quốc đồ kị nhau khiến giờ độc lập bị ngưng trệ không ít. Trên một đại lục khác, tại Guyane thuộc Anh, người Anh cũng phải can thiệp, đứng

làm trọng tài để bắt buộc các nước có những chủng tộc khác nhau phải ký kết giao hòa.

Loại khó khăn thứ ba là loại khó khăn phát sinh do tình trạng yếu kém về kinh tế và nhân số của những lãnh địa phải vật vả lắm mới đạt tới độc lập do bởi thiếu những căn bản chính trị và kinh tế. Đây là những vấn đề hết sức tế nhị, muốn giải quyết được êm đẹp, cần phải thi hành chủ trương liên kết, liên hiệp nhiều miễn lại, mà qui về một mối. Sự thất bại của cuộc liên hiệp các miền Tây Antilles chứng tỏ chủ trương liên kết, liên hiệp thực hiện không phải dễ dàng. Trong trường hợp trên đây, xứ Jamaïque và xứ Trinité ưa được độc lập hơn là phải ủng hộ về kinh tế cho các đảo kém phồn thịnh khác ở trong một cuộc liên hiệp chỉ đem lại cho họ những ích lợi về tinh thần. Cuộc liên hiệp cũng làm phát sinh ra những vấn đề chủng tộc như ta từng thấy xảy ra trong Liên hiệp Trung Phi và như khi người ta đưa ra dự án thiết lập tại Mã-Lai, kết hợp xung quanh Mã-Lai, (có chân trong Commonwealth) ba lãnh địa miền Bornéo : Brunei, Bắc Bornéo và Sarawak, cùng với Tân-Gia-Ba. Trong vụ này, người Anh đang phải tìm cách tạo ra một thế quân bình giữa những người thuộc nòi giống khác nhau, đặt biệt là giữa người Mã-Lai và người Trung Hoa.

Tân-Gia-Ba hiện nay là một « quốc gia », có đầy đủ chủ quyền nội bộ,

nhưng lại để cho chính phủ Luân-Đôn đảm nhiệm những trách vụ quốc phòng và ngoại giao.

Trường hợp Tân Gia Ba gần giống với trường hợp các thuộc địa « pháo đài », fortresses : như Gibraltar, Malte, Aden là những nơi vì lý do an ninh, người Anh muốn duy trì một cuộc kiểm sát tương đối chặt chẽ. Tuy nhiên, bởi có những đổi thay trong kỹ thuật tác chiến, nhất là từ khi hỏa tiễn xuất hiện, người Anh cũng có ý muốn thi hành công cuộc giải trừ thực dân tại những địa điểm này.

Tóm lại, vấn đề tuy phức tạp và phiền hà, chính phủ Anh dường như vẫn muốn giữ vững chủ trương và lập trường của mình. Họ đặt mục tiêu chính yếu vào sự giải trừ thực dân nhằm hướng dẫn các lãnh địa tiến tới tự chủ, rồi tới độc lập, mỗi khi hoàn cảnh chính trị và kinh tế cho phép họ làm được. Căn cứ vào những kết quả đã thu lượm được, người ta có thể coi người Anh như đã thành công trong công cuộc của họ, mặc dù thành công không được hoàn toàn. Họ còn đang trải qua cuộc thử thách lớn lao nhất xưa rấy là cuộc thử thách tại Rhodésie, nơi hiện đang đặt ra vấn đề « thuộc địa » theo nghĩa cổ chấp nhất, với hai phe da trắng và da đen đối địch nhau dữ dằn và trầm trọng, khiến cuộc xung đột hầu như khó lòng tránh khỏi.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

nên bỏ hay nên sửa chương-trình Triết ở bậc Trung-học

BÙI-HỮU-SÚNG

LẦN giở cuốn « Enseignement de philosophie » (dạy Triết học) của Unesco, tôi thấy hầu hết các nước tiên tiến trong khối tự do không giảng dạy Triết học tại bậc Trung học. Ở nước Đức, quê hương của các triết gia trứ danh như Kant, Nietzsche, Heidegger chỉ có giảng Triết văn (Lectures philosophiques) không dạy môn Triết. Ở nước Mỹ, ở vài tiểu bang có dạy môn Xã-hội học tại Trung học nhưng đây là một khoa học nhân văn không phải là một ngành của Triết. Đa số quốc gia lại đưa hẳn Tâm lý học lên Đại học Khoa học (Tôi viết *khoa học* chứ không phải văn-khoa vì môn này được coi là một khoa học thực nghiệm tách ra khỏi Triết). Tóm lại, khuynh hướng chung của các nước là coi « Triết học » là môn của bậc Đại học và cho « triết » là một khoa học. Theo một bài diễn văn của Lalande, có nước, tại « Đại học triết học » (fa-

culté de philosophie) lại dạy Toán, Lý hóa bên cạnh Triết; Kỹ sư Đức và Thụy-Sĩ đều gọi là Tiến sỹ Triết-học; ở nước Anh, nhà vật lý học kêu là « a natural philosopher ».

Duy chỉ có ở Việt-Nam và ở Pháp, tại bậc Trung-học, mới dạy Triết học nghĩa là dạy Tâm lý học, Luân lý học, Đạo đức học, Siêu hình học và kèm theo giảng tác-phẩm « Triết » (ở đây, tôi nhìn tổng quát, nên không phân biệt rõ ban A, B, C, D).

Ở Việt-Nam ta, từ 1945, nghĩa là từ chương trình Hoàng-Xuân-Hãn, chúng ta bắt đầu giảng Triết bằng Việt ngữ nhưng vẫn áp dụng chương trình Triết của Trung học Pháp. Có lẽ hồi ấy còn cần giữ giá-trị cho bằng Tú tài Việt tương đương với Tú tài Pháp và các giáo sư đều xuất thân ở trường Trung học Pháp hay đã học qua Triết học Pháp. Sau người

NÊN BỎ HAY NÊN SỬA CHƯƠNG TRÌNH TRIẾT....

ta mới thêm vào chương trình một phần Triết học Đông Phương. Nhưng đa số sách Triết bày bán ngày nay vẫn theo sách của Cuvillier, Foulquié, Huisman v.v... Tư tưởng Triết của giáo-sư Pháp (đừng lẫn với Triết gia Pháp) còn đề nặng lên trên tư tưởng thanh niên Việt-Nam.

Gồm phần lớn Triết học Pháp và phần nhỏ Triết học Đông-Phương, chương trình của ta quá nặng. Năm vừa qua Bộ Quốc-Gia giáo-dục đã sáng suốt xén bớt một phần Luân lý học và một phần Đạo đức học. Nhưng đây chỉ là một biện pháp nhất thời. Niên khóa tới và trong tương lai, ta sẽ áp dụng chương trình « Triết » nào ? Có nên rút kinh nghiệm của các nước ngoài nước Pháp và bãi môn Triết ở Trung học chẳng ? Người Pháp đã nhận thấy chương trình Triết — chương trình mà nước ta áp dụng — đã lạc hậu và, do sắc lệnh ngày 18-7-1960, một chương trình mới của họ đã ra đời. Không lẽ năm tới, ta cứ theo phân chương trình cũ của Pháp. Hay là ta áp dụng chương trình mới của Pháp ? Hay ta hãy thiết lập ra một chương trình mới hợp với tầm hiểu biết của thanh niên và tình trạng Việt-Nam trong hiện tại ?

Vấn đề trọng đại, không một cá nhân nào giải đáp được vì nó quyết định một phần lớn tương lai văn hóa của Việt-Nam và tương lai của các thế hệ đang lên. Nó đòi hỏi sự tham gia ý-kiến của đông đảo phụ huynh học sinh, giáo sư Trung, Đại học và các bậc học giả. Trước sự cải tổ chương trình của người, trước một số đông thanh niên (có lẽ ới 1 vạn) sắp lên lớp đệ Nhất theo

Triết học, trước thềm niên học mới, tôi chỉ vội vàng đặt vấn đề không dám trả lời thẳng vào vấn đề.

*
* *

Trong khi chờ đợi ý kiến của các độc giả cao minh, tôi xét dưới đây mấy vấn đề phụ, chung quanh vấn đề trọng đại kia để gọi là góp một phần nhỏ về tài liệu :

I) — Điềm qua chương trình hiện hành.

II) — Rút vài kinh nghiệm ở chương trình mới của Pháp.

III) — Thử đưa ra vài nguyên tắc ngõ hầu tiến tới việc dự thảo một chương trình mới.

I. — ĐIỀM QUA CHƯƠNG TRÌNH HIỆN HÀNH

Chương trình hiện hành gồm một phần lớn thoát thai từ chương trình Pháp và một phần rất bé nhỏ, tức là Triết học Đông phương. Thế là chương trình này nặng hơn chương-trình cũ của Pháp về phần « Đông Phương » và, nguyên về điểm này, ta đã phải kịp thời bãi bỏ hay bằng cách này hay cách khác làm nhẹ chương trình đi, để tránh sự lao tâm cho học sinh. Huống hồ, trong hai, ba năm nữa một giáo-sư chỉ đủ tài dạy phần « Đông phương » nhưng khó lòng phụ trách được phần Triết của Pháp.

1. — Sẽ thiếu giáo sư Triết.

Mấy năm nay, kết quả khả quan là vì số học sinh học Triết còn ít và nhất là nhờ được số giáo sư học lực cao, có vị

đã qua Pháp, qua Bỉ, đồ Cử nhân, Tiến sĩ Triết, thấm nhuần được tư tưởng duy lý của Pháp. Ta phải cảm phục cái công của các vị đã vừa giảng dạy vừa khổ tâm nghiên cứu danh từ, soạn và dịch những sách rất quý, rất cần để đặt mấy viên đá đầu tiên cho nền Triết học giáo khoa (philosophie scolaire) của nước ta. Còn một năm nay trở đi, số học sinh tăng lên theo đà gia-tốc, các tỉnh sớm muộn cũng cần mở lớp đệ Nhất; một số giáo sư sau này sẽ giỏi về Việt văn, Anh văn, Hán văn, nhưng ít chịu ảnh hưởng của Descartes, của Montesquieu hay Pascal sẽ không đủ tài dạy nổi 4/5 chương trình, phần Triết vay mượn của Pháp. Ta phải nhớ chương trình Triết của Pháp là đại thành (le couronnement des études secondaires) của mấy năm học từ Đệ Lục của họ lên đến đệ Nhất. Hãy coi văn chương của họ, từ một đoạn văn của Montaigne của Pascal đến của J. J. Rousseau đến mang ít nhiều tư tưởng lý trí của Pháp rồi. Để dạy « Triết » cho đứng đắn, phải nắm vững được tinh thần « nhân bản lý luận của Pháp », rồi bỏ sách vở đi, ngồi đàm thoại thân mật với học sinh về những vấn đề xảy ra hằng ngày trong đời học sinh để dần dần đưa học sinh vào Triết. Triết lý, nghĩa gốc là đàm đạo. Ta hãy nhớ đến Đức Khổng Tử nói chuyện với môn đệ của ngài (qua luận ngữ), đến Socrate đàm đạo với thanh niên ở ngoài đường, đến Alain giảng bài cho nhóm học sinh như A. Maurois tại trường trung học Rouen. Tôi còn nhớ thời đi học Triết, giảng về tri giác (la perception) giáo sư hỏi chúng tôi: « Ai vừa đi qua cửa lớp đây? — Thưa Thầy, đây là Ông thư ký của nhà trường? — Sao các anh biết là ông thư

ký mà không phải là Ông giám thị? ». Gần tan học, vào 6g30, trời mưa, tối, Ông hỏi « bây giờ ra lấy xe đạp, (giáo sư cũng đi xe đạp) trời tối đen sao anh nhận ra xe anh, khác xe của bạn, xe của tôi? » Có giảng triết như vậy mới mang ý nghĩa sống vào đời sống, như mang luồng điện dương gặp luồng điện âm. Trong tương lai, tôi sợ không còn những giờ Tâm-lý học đàm thoại linh động như vậy nữa. Cũng thêm rằng phần Luân lý học hiện giờ đòi ở giáo-sư văn-chương một trình độ khá cao về Toán, về Lý-hóa và Vạn-vật mới đảm đương nổi như là ít ra cũng phải hiểu cơ-học ba-động, thuyết tương đối của Einstein v. v... Sau này, nếu cứ giữ nguyên chương trình có lẽ cán bộ « Triết » chỉ chăm lo đọc cho thuộc bài toát yếu, để đọc lại cho học sinh và nhắc đúng thí dụ sẵn trong sách vở không dám thay vào một thí dụ tương tự. Có cán bộ sẽ nhầm lẫn cả danh từ, đọc sai cả tên triết gia Descartes (Dess-cartes). Hình như Voltaire có nói một câu khôi hài: « Người nghe không hiểu người nói và người nói cũng không hiểu điều mình nói, thế là họ ngồi triết lý với nhau đấy ». Trong tương lai tôi e có giáo sư khi học trò không hiểu một đoạn nhờ giảng lại, thầy lại cứ nhắc đúng những câu vừa nói xong, không dám đổi một danh từ và không đưa ra một thí dụ khác vì thầy chưa thấu triệt. Nói thế không phải là chê bai một số giáo sư của ngày mai nhưng để chứng minh rằng sớm muộn môn « Triết » hiện nay, nhất là phần triết mượn của Pháp, không còn hợp với thể hệ giáo sư sau này nữa vì ảnh hưởng Pháp ngày nhạt mờ đi, mà tư tưởng mới của Việt-Nam cũng cần thoát

NÊN BỎ HAY NÊN SỬA CHƯƠNG TRÌNH TRIẾT

ly để đón luồng Triết khác, nhiều sinh khí hơn.

Tốt hơn hết là ta sẽ bỏ lớp đệ Nhất ở Trung học, mang nó lên Đại học và biến thành lớp « hướng dẫn Đại học ». Nghĩa là lập lớp sửa soạn thanh niên đi du học ở ngoại quốc hay lên Đại Học. Các học sinh tuần tú đã đỗ tú tài sẽ tập hợp lại đây và môn Triết sẽ do các vị danh tiếng và nhiều kinh nghiệm phụ trách bên cạnh các môn khác. Một kinh nghiệm: Ở Pháp, họ tập trung học sinh giỏi về Ba-Lê trong mấy trường Trung Học lớn và mở các lớp Math. Spéciales lères supérieures để luyện thi vào các ngành Đại Học và Triết giao cho những giáo sư lành nghề Cresson, Cuvillier.

Tôi gọi là lớp hướng dẫn vì lớp này có mục đích lựa chọn tùy theo năng khiếu sinh viên không để cho thanh niên kéo ụa lên các ngành Đại Học.

2. — Tinh thần chương trình không đáp lại sự mong muốn của phụ huynh.

Chương trình không hợp với dân nguyện nữa. Thật thế đã đến lúc ta phải ý thức rằng bậc Trung Học sớm muộn cũng phải « đại chúng hóa » vì số học sinh quá đông, vì văn hóa của thế giới tự do chịu ảnh hưởng của điện ảnh, của vô tuyến truyền thanh, đều nghiêng về đại chúng (la masse). Bậc Trung Học không còn là cái lò đào tạo hạng thượng lưu trí thức theo như tinh thần của chương trình cũ của Pháp nữa. Các trường Trung Học không còn là một « nhà Văn Hóa » để một thiểu số con nhà giàu có tới lui làm việc một cách tài tử, theo đuổi cái học vô tư

(étude désintéressée) tìm cái đẹp trong Văn Chương, cái chân lý trong Khoa học, cái nghĩa đời người trong Triết học, cái hình bóng con người muôn thuở trong văn chương Cổ điển. Học xong, không cần thi đỗ để đi làm, họ sẽ trở thành một Triết gia, một nghệ sĩ, một văn sĩ như A. France hay A. Maurois.

Ở nước ta quan niệm « học » khác, tình cảnh khác. Đa số cha mẹ cho con theo Trung học là nhằm một mục đích thiển thiết thực. Cũng có một số ít nhằm gây cho con một ý thức tổng quát (une culture générale) nhưng các phụ huynh ấy đã cho con xuất dương hay theo các trường ngoại kiều. Sự thực bày ra đây, sự thực bắt ta sớm liệu từ bỏ cái tinh thần cũ của ban Trung học Pháp mà ta vẫn còn vương víu lúng túng gần hai chục năm qua. Vả lại chính người Pháp cũng thấy chương trình của họ lạc hậu, con cái họ xô nhau sang ban Khoa học, bỏ các lớp Triết, vậy ta cũng cần xét lại xem tinh thần của chương trình Trung học nói chung và tinh thần của môn Triết nói riêng còn hợp với lẽ phải của thường dân nữa không? Người soạn thảo chương trình nên theo ý nguyện của dân hay nhớ tiếc cái học cũ của mình? Đã đến lúc ta phải đoạn tuyệt với nếp tư tưởng cũ, rũ sạch những bụi lịch sử và nhìn thẳng vào hiện tại để khởi cho đúng mạch những sức đang lên của thế hệ ngay mai chưa?

3. — Chương trình Triết hiện hành không hợp với trình độ hiểu biết của học sinh.

Không hợp với khả năng một thiểu số giáo sư, không đáp lại dân ý, chương trình hiện hành sẽ cũng không hợp với trình

độ hiểu biết của thể hệ học sinh sắp tiến lên. Xin các độc giả hãy nhìn vào lớp Đệ Nhất năm tới. Tuy gọi là các cậu Tú nhưng họ trẻ hơn mấy năm về trước nhiều. Đang tuổi 17, 18 họ sống về ngoại giới, tính khí hăng hái bông bột, ưa đuổi theo những hình thái âm thanh mới, lạ. Nay bỗng giam cầm họ, mỗi tuần 9 giờ (ban C và D) trầm ngâm về cuộc sinh hoạt nội tâm, tìm hiểu những định nghĩa khô khan hay những thuyết lý xa thực tế, bắt họ bỏ hết cảm giác và hình ảnh để tập nghĩ bằng cách vận dụng những trừu tượng : thực là một cực hình tinh thần cho họ. Vừa mới tựu trường, bắt đầu học môn tâm lý, hỏi họ có hiểu nổi câu sau đây không : « Là một *khoa học*, chứ không phải là một *nghệ thuật*, mục - đích Tâm-lý học không phải là thực tiễn hay thẩm mỹ. Nó là *khoa lý thuyết* : biết sự vật bằng những *nguyên nhân gần xa* của chúng. Phương pháp của nó có tính cách *luận lý* và một phần *khách quan*, khá nghiêm ngặt ». Họ sẽ hiểu câu trên không ? Có phân biệt được những điểm khác nhau giữa « *Khoa học* » và « *nghệ thuật* » không ? Họ hiểu được mấy danh từ mà tôi gạch dưới chăng ? Câu này trích ở *đầu* một cuốn Tâm lý học, sách viết rất công phu và câu trên không ai có thể giản dị hóa hơn được nữa. Nhưng lỗi không phải ở sách, mà ở Tâm lý học mà các triết gia Politzer, Revel đã coi là môn học trừu tượng, phân tích tâm trí con người một cách giả tạo. Xin độc giả lại ráng sức đọc một đoạn nữa, trích ở một cuốn Đạo đức học (không phải lỗi ở soạn giả) xem độc giả có thấy khó hiểu cho con cháu chúng ta không :

« Cần lao là dịp để con người khám phá cái siêu hình trong mình. Cần lao : một phát xuất tinh thần nhập thể cũng là con đường chủ thể trở về với tinh thần như tư tưởng nhờ ngôn ngữ để phát biểu, làm cho chủ thể ý thức siêu việt tính của mình... » Thừa, vấn đề cần lao là bài học luân lý rất thông thường đã học từ lớp Ba trở lên. Năm nào con cháu tinh thần của Khổng, Mạnh cũng nhắc đi nhắc lại những ích lợi của sự làm việc. Nhưng chỉ vì ở lớp Đệ Nhất, muốn để cho « cần lao » có tính cách « Triết » hay « siêu hình » theo đúng chương trình Pháp mà bài luân lý thành tối nghĩa, « võ đầu » đến thế đấy. Trong một năm các học sinh thuộc hơn 1.000 trang tương tự như vậy, chúng ta phải phục cái sức chứa đựng rất giỏi của bộ óc của chúng. Thôi, chúng ta hãy thương đến đàn trẻ. Thầy tận tâm, sách tốt mà học sinh không « tiêu » được chỉ vì chương trình nặng và khó. Tóm lại môn Triết sẽ không hợp với thanh niên. Có người hỏi nếu khó, tại sao xưa kia học bằng tiếng Pháp nhiều người Việt theo kịp và chính môn Triết này đã tạo nên một Camus, một Sartre, một Beauvoir ? (Trả lời vào câu này là đi ra ngoài vấn đề vì phải nói tới tinh thần của nền Trung học của Pháp).

a) Đối với học sinh Pháp cách đây 20, 30 năm, lý trí Pháp còn ngự trị trên tư tưởng Pháp (và Việt-Nam) thì môn Triết không khó lắm. Ngay từ các lớp dưới, học sinh đã quen với Văn-chương *lý trí* của Montaigne, Pascal, Descartes, Voltaire, Montesquieu, Rousseau rồi ; dĩ chí kịch của Corneille hay của Racine cũng có năm màn như 5 phần của

NÊN BỎ HAY NÊN SỬA CHƯƠNG TRÌNH TRIẾT....

một bài luận thuyết (discours). Thơ của Pháp tới thời Lamartine, Hugo còn là một thứ thơ Lý trí. Lớp Triết học duy lý ở Trung học Pháp là kiểm điểm, là tổng hợp những điều đã học ở những lớp dưới. Còn ở Việt-Nam ngày nay, ngoài những giờ Khoa học, học trò ít khi vận dụng lý trí và trừu tượng. Thơ mà họ học trong bảy năm đa số là thơ trữ tình, trào phúng, tả cảnh; văn xuôi là miêu tả, tự thuật. Văn của ta rất ít phần luận thuyết. Hơn nữa, dân ta vốn sống về tình cảm, nghĩ nhìn theo cách bao quát và trực giác, không ưa phân tích hay lý luận như người Pháp. Bằng chứng: thơ của ta ngay thời cổ đã hay hơn thơ Pháp; học trò ta kém về văn nghị luận; văn-học sử ta không có triết-gia như Bergson hay Descartes. Mấy năm trước đây dân chúng kể cả trí thức « ngáy » Triết lý Mác Xít; theo ý tôi tính ham đọc tiểu thuyết và thích ca nhạc lãng mạn sôi nổi gần đây có lẽ cũng là một thứ phản ứng của tình cảm Việt chối dấy chống lại lý thuyết trừu tượng khô khan của Mác Lê trong mấy năm 1946-1950. Nếu có thì giờ đi sâu vào vấn đề hơn nữa, ta thấy Triết của Pháp là một cuộc tranh chấp giữa lý trí và tôn giáo, mà lý-trí chưa thành công hẳn, chưa giải thoát hẳn. Đưa sang Việt-Nam, vấn đề tranh chấp trên chỉ làm mờ tối thêm óc của học sinh vì họ không quen thuộc với những vấn đề lý-trí, tôn giáo, khoa học.

b) *Danh-từ Triết học đối với học sinh Việt khó hơn đối với học sinh Pháp.*

Đã đành khi bước vào một môn học mới nào, học sinh cũng phải làm quen với danh-từ của môn ấy. Nhưng trong

Triết, ở mỗi triết thuyết lại có một số danh từ riêng hay cùng một danh từ mà mỗi thuyết lại dành cho một nghĩa khác. Thành ra trong Triết vấn đề danh từ quyết định tư tưởng quá mạnh. Hơn nữa, khi dịch sang tiếng Việt, danh từ chưa được ổn định, một sự bối rối lớn làm hoang mang những bộ óc non trẻ. Ví dụ: Từ Tâm lý học qua Luận lý học, Đạo đức học không mấy môn là không nói đến chữ déterminisme; ở Pháp nghĩa của chữ ấy đã ấn định từ lâu, còn trong Việt ngữ thì chưa được nhất chí.

Xưa kia Trần-Trọng-Kim dịch nó là *định mệnh*, tới thời Việt-Minh học giả phe Duy Vật không chấp nhận cách dịch như vậy vì cho là còn ý nghĩa thần bí. Gần đây các giáo sư Triết soạn sách, người thì dịch là *hữu định*, người thì dịch là *tất định*. Trong bản dịch sách « Nhập môn nghiên cứu y khoa thực nghiệm » do bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, dịch giả, Ô. N. B. lại dịch là *định-hệ*. Thí dụ khác. Trong khi học sinh Pháp thường chỉ học một chữ hypothèse trong 6 năm Toán và 1 năm Triết, thì học sinh Việt học là *giả thiết* ở 7 năm Toán và *giả thuyết* ở năm Triết lý. Ta tưởng tượng nhà ta có đủ tự-vị Tây, Hán, Việt, nay con ta đi học Triết về hỏi ta những danh từ như xã-hội tình, nguyên tắc tức lý, môn qui-phạm v.v..., ta sẽ tra tự-vị nào để cắt nghĩa. Danh từ chưa được chính thức ổn định một cách chính xác mà xô đẩy học trò phiêu lưu vào một môn học đầy rẫy danh từ, thực quả làm tê liệt trí óc thanh niên. Tư tưởng họ đang ở thời kỳ phát triển mạnh ta cần mang lại cho họ những bài học thiết thực, cụ thể, minh bạch, linh động.

Và để trả lời câu hỏi ở trang trên, ta cũng nên biết thêm rằng Sartre, Camus, Beauvoir là thiên tài và học Triết ở Đại học. Còn thật ra, chương trình bậc Trung học Pháp đã trở nên khó đối với thể hệ học sinh Pháp ngày nay. Nhiều sách khai tâm đã phải ra đời để cổ bấc một nhịp cầu giữa Tú Tài I và lớp Triết của họ như *Conseils aux jeunes philosophes* của Robert Lenoble, *Initiation à la philosophie* của Marcel Deschoux v. v... Ấy thế mà môn Triết vẫn khó, chương trình vẫn bị la ó là lạc hậu. Phụ huynh Pháp lên tiếng phản đối, Quốc hội Pháp thảo

luận sôi nổi. Kết quả : chương trình cũ phải thay thế bằng một chương trình mới, ấn định bởi nghị định ngày 18-7-1960 của bộ Quốc Gia Giáo Dục Pháp. Pháp đã bỏ, mà ở nước ta chương trình ấy dĩ nhiên không hợp nữa, vậy ta có nên sớm liệu bỏ hay sửa đổi đi chăng ? Hay ta sẽ theo chương trình mới của Pháp ?

BÙI-HỮU-SÙNG

Kỳ sau : II. — Rút kinh nghiệm ở chương trình mới của Pháp.

TIN THƠ

ĐANG IN

TRỜI MỘT PHƯƠNG

của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

do tác giả xuất bản

— Gồm những sáng-tác mới nhất và một số thi-phẩm viết ra từ 20 năm nay nhưng vì lẽ riêng chưa thể đăng báo hoặc in vào các thi-tập trước được (THƠ SAY, MÂY v. v...).

— Bản đặc-biệt của TRỜI MỘT PHƯƠNG, chỉ in 100 cuốn, trên giấy CROQUIS thượng-hạng, cỡ lớn (30 cm X 20) có nền màu, bìa trên giấy BRISTOL cứng, do họa-sĩ HOÀNG-LẬP-NGÔN vẽ riêng cho TRỜI MỘT PHƯƠNG từ 10 năm trước (1952) — Kèm theo phụ bản in 2 giòng thủ-bút, 1 tấm ảnh mới nhất (cỡ 12 X 9), chữ-ký của tác-giả và dầu son khắc 3 chữ « TRỜI MỘT PHƯƠNG ».

— Bản đặc-biệt này, giá 100\$ chỉ dành riêng các bạn yêu THƠ yêu SÁCH ĐẸP đặt mua trước tại địa-chỉ tác-giả :

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, 345/2, Phan-Đình-Phùng — SAIGON
Bạn nào ở xa, xin gửi ngay bưu-phiếu về.

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION
et de
REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18. BEN BACH DANG — SAIGON

trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc Việt-Nam mười lăm năm dưới bóng cờ đỏ

(Đã đăng trên tạp san *The China Quarterly* — *Luân-Đôn* — số 9 tháng 1-3 năm 1962.
Bản tiếng Việt đã được ưng thuận đăng trên tạp chí *Bách-Khoa*).

(xem từ B. K. số 129)

NHU-PHONG

II. — PHONG-TRÀO GIÀNH TỰ-DO DÂN CHỦ TRONG HÒA-BÌNH

Cuộc chinh huân sơ bộ cho trí-thức và văn nghệ sĩ nhằm phục vụ cải cách ruộng đất vừa xong thì chiến tranh Đông Dương cũng chuyển sang giai đoạn cuối cùng. Sau những trận đánh ác liệt diễn ra trong đồng bằng Bắc-Việt ngập máu, nhất là trong lò sát sinh Điện-Biên-Phủ, Quân đội Viễn chinh Pháp cũng như Quân đội Nhân dân của đảng Lao Động đều kiệt sức. Hội nghị Genève 1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương từ tháng 7. Trong thực tế, việc lầy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời chia đôi hai miền Bắc và Nam, cũng như thời hạn tập kết 300 ngày cho nhân dân hai miền tự do lựa chọn nơi cư trú như đã qui định trong thỏa hiệp Genève

chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam, đã tỏ ra không có lợi cho giới trí thức và văn nghệ sĩ đã hợp tác với cộng-sản trong kháng chiến. Chính thể mập mờ ở miền Nam (1) với sự tồn tại của Quân đội Viễn chinh Pháp không thể coi là một đất hứa hẹn đối với họ. Hơn thế nữa, với lòng kiêu hãnh chất chứa trong tâm hình hài tàn tạ nó là kết quả của tám năm chiến đấu gian khổ, họ nhìn những người bạn cũ của họ rời miền Bắc ra đi như những kẻ trốn trách nhiệm, chạy theo kẻ địch mong hưởng chút bơ thừa

(1) Ghi chú của T.S. : Chính thể « Quốc gia Việt-Nam » trong « Liên hiệp Pháp » trước khi được thay thế bằng « Chính thể Cộng-Hòa ».

MƯỜI LĂM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

sửa căn. Những tin tức nói về chính phủ miền Nam được Mỹ và toàn thể các nước dân chủ Tây phương giúp đỡ về mọi mặt, khi đến với họ đã bị hoàn toàn xuyên tạc. Lại nữa chủ trương không rõ rệt của chính phủ miền Nam đối với trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc đã khiến cho một số người, dù không có chút cảm tình nào đối với cộng sản và cũng không kháng chiến một ngày nào, đã không chọn miền Nam. Đó là trường hợp những người như bác sĩ *Phạm-khắc-Quảng*, nhà trí thức đã từng bị Sở mật thám Pháp truy nã hồi 1943 vì tội tổ chức quyền tiền giúp tập đoàn bí mật chống Pháp của *Trần-Trọng-Kim Ngô-Dĩnh-Diệm*; như bác sĩ *Tôn-Thất-Hoạt*, người được coi như sứ giả của trí thức miền Bắc vào thăm thú miền Nam, đã chuyển cả đồ đạc vào Sài Gòn nhưng rồi sau lại trở ra Hà-Nội; như hàng trăm nhà văn, nhà báo, nhà giáo, và các nhà kỹ thuật khác đã từng có thái độ chính trị khá rõ rệt hoặc từng giữ những chức vụ quan trọng dưới chế độ Pháp và Bảo Đại.

Đổi lại, về phía chính phủ cộng sản, việc tiếp nhận quyền quản lý miền Bắc do Pháp trao lại và việc chuyển ngay lập tức bộ máy chiến tranh thành một bộ máy nhà nước để cai trị thời bình đòi hỏi ở họ những cố gắng hết sức lớn lao. Dù đã có sự chỉ dẫn của các cố vấn Trung Cộng và Liên Xô nhưng nếu không có sự hợp tác của giới trí thức trong nước thì đó vẫn là một trách vụ mà chẳng bao giờ họ hoàn thành được. Sớm biết

nhận định như vậy cho nên ngay từ trước khi được quyền trở về Hà-Nội vào tháng 9-1954, chính phủ Hồ-Chí-Minh đã phái rất nhiều cán bộ về trước để thi hành công tác vận động trí thức, cưỡng ép và dụ dỗ giới này, không để cho di cư vào miền Nam. Những văn nghệ sĩ trong hàng ngũ kháng chiến đã tỏ ra rất hăng hái trong việc tuyên truyền chống lại làn sóng di cư. Họ đã không thành công đối với quần chúng lao động thành thị cũng như với nông dân, nhưng trong một số trường hợp họ đã thắng lợi đối với những đồng nghiệp cũ của họ.

Suốt trong thời hạn 300 ngày giành cho đôi bên đủ thời giờ tập kết lực lượng và đôi vùng, chính phủ cộng sản miền Bắc đã tỏ ra rất rộng rãi đối với những văn nghệ sĩ, trí thức và những nhà chuyên môn của chế độ cũ chịu ở lại làm việc với chế độ mới. Những người này được trả đủ số lương hàng tháng mà trước kia họ vẫn lĩnh dưới chế độ cũ, trong khi những đồng nghiệp mới của họ ở vùng kháng chiến về vẫn chỉ được lĩnh không quá 100 kí lô gạo một tháng tính thành tiền. Để đến bù cho phái sau này, cộng sản đã giành cho họ đủ mọi vinh dự tinh thần. Chủ nghĩa « công thần kháng chiến cách mạng » do đó mà nảy nở rất mau. Nhà thơ cộng sản độc nhất là *Tô-Hữu*, Ủy viên ban bí thư của Trung ương đảng, đã nhắc lại câu nói của miệng của những trí thức công thần kháng chiến hồi 1955: « Đảng có thể lãnh đạo đánh giặc giỏi, nhưng bây

giờ là lúc xây dựng, đảng không thể lãnh đạo được nữa, hãy nhường chỗ cho trí thức!» (11)

Riêng đối với văn nghệ sĩ, khẩu hiệu của họ còn mạnh mẽ gấp bội: chính trị không thể chỉ huy văn học và nghệ thuật. Dẫn đầu khuynh hướng này là những văn nghệ sĩ trong Quân đội Nhân dân. Năm 1955, thi sĩ Hoàng-Cầm với tư cách là Tiểu đoàn Trưởng phụ trách Phòng Văn nghệ Quân đội, cùng Trần-Dẫn đại diện cho ngành Văn, Từ-Phác đại diện cho ngành nhạc và gần ba mươi văn nghệ sĩ khác lập một bản kiến nghị gửi Trung ương đảng « đòi bãi bỏ sự lãnh đạo của Tổng Cục Chính trị đối với văn nghệ sĩ trong quân đội » (12) Kèm theo kiến nghị này là một « Đề án chính sách văn nghệ », trong đó các văn nghệ sĩ trong quân đội đưa ra ba yêu sách chính: « trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, thành lập một chi hội văn nghệ trong tổ chức của quân đội, và hủy bỏ mọi chế độ quân đội hiện hành đối với những văn nghệ sĩ đang tại ngũ » (13). Coi thường phong trào này, Tổng cục chính trị chỉ thị hành một biện pháp rất giản dị là bắt giam Trần-Dẫn người thi sĩ quân đội đã bị coi như tác giả đề án chống lại đảng đó. Thi sĩ này tự cắt mạch máu ở cổ nhưng không chết và khi bình phục lại được tạm tha sau một cuộc « kiểm thảo ».

Một năm sau, nhân các biên cô xảy ra trong và ngoài nước, phong trào tranh đấu của văn nghệ sĩ và trí thức giành tự do dân chủ lại nổi lên công

khai và mãnh liệt gấp bội. Trong khi ở Liên-Xô Khrouchtchev lật đổ thần tượng của Staline nhân đại hội lần thứ 20 thì ở Bắc-Việt cuộc cải cách ruộng đất chuyển sang giai đoạn quyết liệt nhất. Theo đúng đường lối đã vạch sẵn do đảng Cộng-sản Trung - Quốc, đảng Lao-động Việt-Nam « phóng tay phát động quần chúng đánh đổ giai cấp địa chủ ». Từ làng này sang làng khác, những địa chủ cùng những người trong gia đình của họ đã bị những « tòa án cải cách ruộng đất » xử tội hết, đến lượt phú nông, rồi trung nông bị các « đội phát động » coi là địa chủ. Cảnh thảm khốc phơi bày khắp nơi khắp chốn. Có những tiểu đoàn trưởng trong Quân đội Nhân dân bị gọi từ địa điểm trú quân về làng, bị tước đảng tịch, tước quân hàm (cấp bậc), lột huy chương rồi bị đánh và bị kết án tử vì bị khép vào « tội con cái địa chủ ». Có những « em bé lên sáu tuổi » (14) bới rác rưởi tìm thức ăn vì cha mẹ đã phải « trả nợ máu » nghĩa là đã bị xử tử. Những người nổi lòng công phần đầu tiên trước những cảnh ấy chính là những người trí thức đã được liệt hạng công thần cách mạng và kháng chiến, đứng đầu

(11) Tạp chí Văn Nghệ, cơ quan của Hội Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật, số 13, tháng 6-1958 Hà-Nội; trang 17.

(12) Tạp chí Văn Nghệ, số 11, tháng 4-1956, trang 106.

(13) như trên, trang 79.

(14) Đầu đề một bài thơ của Hoàng-Cầm đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu, Hà-Nội tháng 9-1956.

MƯỜI LĂM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

là những nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà luật học, giáo sư đại học cùng sinh viên của họ.

Một tháng sau khi Khrouchtchev đọc bản báo cáo chính trị trước Đại hội lần thứ 20 của đảng Cộng-sản Liên-Xô, lại chính những văn nghệ sĩ trong quân đội Nhân dân Bắc-Việt, từng lập kiên nghị từ chối sự lãnh đạo của đảng đối với văn nghệ sĩ một năm trước, đã tự ý xuất bản một tạp chí báo hiệu cho phong trào công khai chống lại đảng. Đó là « *Giai phẩm Mùa Xuân* » phát hành tháng 3-1956. Việc đảng Cộng-sản Trung-quốc mở ra phong trào « trăm hoa đua nở » hồi tháng 5-1956 và sau đó vụ nổi loạn của thợ thuyền Ba-Lan tại Poznan đã làm sống lại ở miền Bắc Việt-Nam cái nguyên lý khiến tất cả mọi người chịu đựng gian khổ suốt tám năm kháng chiến chống Pháp : giành cho được tự do và dân chủ. Sự bối rối của đảng Lao-động trước tình hình hỗn loạn và nghèo đói cùng cực gây ra do cuộc cải cách ruộng đất đã tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức Bắc-Việt tiến thêm một bước nữa. Tháng 8, tập 1 của « *Giai phẩm Mùa Thu* » được phát hành với một hàng ngũ văn nghệ sĩ và trí thức đông đảo hơn, với một nội dung chống lại Đảng rõ rệt hơn. Tháng 9, để tránh trước một cuộc khởi nghĩa nhằm « lật đổ chế độ Dân Chủ Cộng Hòa và đảng lãnh đạo » có thể bùng lên, Trung-ương đảng Lao-động công nhận rằng « việc thực hiện cải cách ruộng đất đã phạm nhiều sai lầm nghiêm

trọng ». Ngoài việc hứa hẹn sẽ sửa chữa những sai lầm ấy, thông cáo của Hội nghị trung ương đảng lần thứ 10 còn tuyên bố sẽ « mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền tự do dân chủ và tăng cường chế độ pháp trị dân chủ » đồng thời sẽ « cải thiện đời sống công nhân, bộ đội, cán bộ và viên chức ».

Theo đúng mưu kế của Mao-Trạch-Đông với phong trào « Trăm hoa đua nở », đảng Lao-động Việt-Nam đề cho « các khuynh hướng được tự do tranh luận » trong một thời gian. Ngày 15 tháng 9 tuần báo *Nhân văn* được phép xuất bản số đầu với Chủ nhiệm là Phan-Khôi, một nhà báo già suốt đời dùng ngòi bút chống lại nền cai trị của thực dân Pháp ở Đông-Dương và đã từng chống gậy đi theo bộ đội để khuyến khích họ trong những cuộc hành quân chống Pháp thời Kháng chiến. Thêm vào đó tạp chí *Giai-phẩm* cũng ra những tập *Mùa Thu* số 1, 2 và 3 rồi *Mùa Đông*. Có một điều mà Đảng Lao-động không ngờ là tất cả những cây bút xuất sắc nhất về mặt nghệ thuật cũng như về mặt lý luận chính trị đã « đua tiếng » trong báo *Nhân Văn*.

Mọi khuynh hướng chống lại Đảng, từ khuynh hướng quốc gia thuần túy tin tưởng ở sự toàn thắng cuối cùng của một nước Việt-Nam tự do, đến khuynh hướng Cộng-Sản quốc gia và cả những người theo chủ nghĩa Cộng Sản xét lại, cũng đều có những nhân vật rất có uy tín làm đại diện. Họ là những « tiếng kèn đồng của cách mạng tháng 8 năm 1945, tiếng trống

trận của kháng chiến chống Pháp » như nhạc sĩ *Văn-Cao*, tác giả bản quốc ca của Bắc-Việt hiện còn dùng cho tới ngày nay. Họ là những nhà văn mà tác phẩm đã gắn liền với « chiến thắng vĩ đại Điện-Biên-Phủ » như *Trần-Dần*, tác giả cuốn tiểu thuyết « *Người Người Lốp Lốp* » (15) tác phẩm mà giới văn học Bắc Việt coi như độc nhất có giá trị suốt tám năm kháng chiến. Họ là những người từng tin theo chủ nghĩa của Marx từ mấy chục năm qua như giáo sư *Trần-Đức-Thảo*, thạc sĩ triết học, năm 1951 từng từ bỏ địa vị giảng viên tại trường đại học Sorbonne (Paris) để về nước tham gia kháng chiến, như nhà báo *Nguyễn-Hữu-Đang* người đầu tiên giữ chức Thứ-Trưởng văn hóa trong chính phủ Hồ-Chí-Minh. Họ là những người từ trước đến nay cố gắng giữ gìn để khỏi bị nhuốm một màu sắc chính-trị nào như họa sĩ *Trần-Duy*, như thi sĩ *Nguyễn-Bính* hoặc như giáo sư sử học *Đào-Duy-Anh*, giáo sư luật học *Nguyễn-Mạnh-Tường*. Họ là những nhà văn xuất sắc nhất của hàng ngũ kháng chiến miền Nam như *Đoàn-Giỏi*, như *Hoàng Huế*. Noi gương trí thức và văn nghệ sĩ đàn anh, sinh viên các trường Đại học ở Hà-Nội cũng xuất bản tạp chí « *Đất Mới* » làm cơ quan chống lại đảng.

Nhưng chỉ trong vòng ba tháng phong trào này bị dập tắt. Giữa tháng 12-1956 báo *Nhân Văn* bị đóng cửa, các tạp chí *Giai phẩm* và *Đất Mới* bị tịch thu, cấm lưu hành và tàng trữ. Những văn nghệ sĩ và trí thức cầm

đầu phong trào chống lại đảng bị tố cáo tội « âm mưu kêu gọi quần chúng hành động, biểu tình phản cách mạng lật đổ chế độ dân chủ cộng hòa và đảng lãnh đạo ». Chưa kịp noi gương nhân dân Hungari, những trí thức và văn nghệ sĩ cầm đầu phong trào chống lại đảng đã chịu chung số phận với đồng nghiệp của họ ở Trung Cộng như *Đinh-Linh* và *Trần-Xi-Hà*.

Đi tới một chính sách cải tạo trí thức và văn nghệ sĩ

Cơn sóng gió đã bắt hiểm nghèo, đảng Lao-động thấy rõ sự cần thiết phải áp dụng một chính sách cứng rắn đối với trí thức và văn nghệ sĩ đang ngăn ngừa sự sống lại của mọi khuynh hướng chống đảng. Trước hết, một hội nghị thu hẹp, giành riêng cho những đảng viên cao cấp có trách nhiệm lãnh đạo trí thức và văn nghệ sĩ, đã được triệu tập vào khoảng giữa tháng 12-1957. Mục đích của hội nghị này là « để thống nhất nhận thức tư tưởng trong hàng ngũ đảng về tình hình văn nghệ, phê phán báo *Nhân-Văn*, vạch phương hướng tiến tới » (a) Phương hướng tiến tới việc áp dụng chính sách mới của đảng vẫn theo một chiến thuật cổ điển : lùi một bước để tiến ba bước. Bước

(15) *Người Người Lốp Lốp*, phóng sự tiểu thuyết về những trận đánh ở Điện-Biên-Phủ, của *Trần-Dần*, trọn bộ 3 quyển, Nhà xuất bản Văn Nghệ 1954-55. Hà-Nội.

(a) Tạp chí *Văn Nghệ* (Hà-Nội) số 13, tháng 6-1958. Báo cáo Tổng kết cuộc Đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn — Giai Phẩm trên mặt trận văn nghệ; *Tố-Hữu*.

MƯỜI LĂM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

lời của đảng được thực hiện do một khóa hội thảo tổ chức trong tháng 1-1958 giữa hơn 300 trí thức và văn nghệ sĩ trong đảng và ngoài đảng. Trong cuộc hội thảo này đôi bên phê bình chỉ trích lẫn nhau để rồi đi tới thỏa hiệp là triệu tập Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai vào ngày 20 tháng 2-1958.

Trong khi những văn nghệ sĩ ngoài đảng chăm chú sửa soạn các đề án sẽ đưa ra trước Đại hội nhằm chiếm ưu thế cho khuynh hướng tự do thì các văn nghệ sĩ trong đảng được ráo riết học tập về chính sách đối với trí thức và văn nghệ sĩ. Tất cả những tài liệu quan trọng của Liên-Xô và Trung-Cộng nói về phương pháp quản chế trí thức và văn nghệ sĩ đã được dịch sang tiếng Việt để các cán bộ có nhiệm vụ lãnh đạo trí thức dùng làm khuôn vàng thước ngọc. Hai tài liệu căn bản đã được phân phát là « Báo cáo về vấn đề trí thức » của Chu-Ấn-Lai và « Bàn về vấn đề cải tạo trí thức » của Lương-Duy-Trực (16) đã được ban dịch tiếng Việt của Ban Tuyên huấn trung ương đảng hoàn thành từ thượng tuần tháng 11-1956. Bồn định lý về cải tạo trí thức do đảng cộng sản Trung-quốc đưa ra đã được đảng Lao-động chấp nhận hoàn toàn, theo đó trí thức và văn nghệ sĩ cần phải :

1) Thay đổi nhân sinh quan cũ, xây dựng một nhân sinh quan cách mạng.

2) Đứng trên lập trường của giai cấp vô sản.

3) Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Mao-Trạch-Đông.

4) Tự mình rèn luyện trong lao động thực tế.

Tuy nhiên, trước Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, những người thay mặt Đảng Lao-động không hề dả động đến vấn đề cải tạo trí thức và văn nghệ sĩ. Trái lại đảng còn cố ý làm cho trí thức và văn nghệ sĩ lầm tưởng rằng đảng đã chịu từ bỏ chính sách bắt buộc văn học và nghệ thuật phải đi vào con đường cộng-sản. Bài diễn văn của Trường-Chinh, viên tổng bí-thư của đảng Lao-động vừa từ chức, đọc trước đại hội này ngày 24 tháng 2-58 đã chỉ thu gọn đường lối lãnh đạo của Đảng trong đầu đề « Phần đầu cho một nền văn nghệ dân tộc dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã-hội » (17) Viên Thứ trưởng văn hóa là Tô-Hữu, người bị trí thức và văn nghệ sĩ chống đảng công kích nặng nhất trong mấy tháng trước cũng đã thay mặt Chủ-tịch đoàn của Đại-hội mà xác nhận như sau trong bài diễn văn bề-mạc ngày 28 tháng 2 :

« Trong công tác văn học nghệ thuật, trên lập trường chung vì lợi ích của Tổ-quốc, nhân dân, chúng ta có thể và có quyền có nhiều khuynh-

(16) Gồm những bài giảng của Lương Duy Trực tại trường Đại học Trung Nguyên (Trung Cộng). Nhà xuất bản Sự Thật (Hà-Nội) phát hành bản tiếng Việt ngày 10 tháng 2-1957.

(17) Tuần báo Văn Nghệ, cơ quan của Hội Văn Nghệ Việt Nam (Hà-Nội), số 162 tuần lễ từ 1 đến 7 tháng 3 — 1958.

hướng khác nhau. Mọi ý kiến, mọi khuynh-hướng nghệ-thuật đều có thể và cần phải tiếp tục thảo luận». (18)

Do đại hội này, một tổ chức mới lấy tên là *Hội Liên-hiệp Văn-học và Nghệ thuật* đã được khai sinh, quy tụ tất cả các hội sản có thuộc các ngành văn, họa, kiến trúc, nhạc, sân khấu, xiếc, điện ảnh. Trong ban chấp hành của tổ chức mới này, tất cả những văn nghệ sĩ từng có thành tích chống lại đảng trong năm vừa qua, đều được tham dự. *Văn-Cao*, người đã từng lớn tiếng nguyên rủa những đảng viên cộng sản: «Bao giờ chúng nó đi tất cả» (19) được bầu làm phó Tổng thư-ký thứ nhất của Hội Liên-hiệp này.

Hội Nhà văn, với tư cách là một hội viên của Hội Liên-hiệp văn-học và nghệ-thuật, được phép xuất bản một tuần báo lấy tên là *Văn*.

Số đầu tiên ra ngày 10 tháng 5-1957 tuần báo này chỉ ra được đến số 37 ngày 17 tháng 1-1958, thì bị thu hồi giấy phép. Mặc dầu đã thi hành đúng những nghị quyết của Đại hội văn-nghệ toàn quốc lần thứ hai, tuần báo *Văn* vẫn bị tố cáo là tiếp tục chủ trương chống lại Đảng. Mặc dầu đã chỉ xử dụng cái «quyền có nhiều khuynh hướng khác nhau» và đã chỉ «phân đầu cho một nền văn nghệ dân tộc dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội» cái tội chính của báo *Văn* chỉ là đã cho đảng

những tác phẩm của những văn nghệ sĩ có thành tích chống lại đảng hồi 1956. Sự thật chính là đến đầu năm 1958, đảng Lao-động thấy rằng cơn nguy hiểm đã qua hẳn và đảng cần phải áp dụng một chính sách mạnh hơn nữa để sửa soạn đưa miền Bắc Việt-Nam sang «con đường xây dựng xã-hội chủ-nghĩa».

Trước khi đóng cửa tuần báo *Văn* và huy động toàn thể bộ máy tuyên truyền của Đảng và chính phủ để phát động một phong trào quần chúng quét dọn những chướng ngại trên mặt trận tư tưởng, nghị quyết của Bộ Chính-trị ngày 6 tháng 1 - 1958 nhận định :

«Nhắm vào chỗ yếu của mặt trận văn nghệ, nhất là dựa vào sự mơ hồ về lập trường tư tưởng của số đông văn nghệ sĩ, những phần tử phá hoại đã tiếp tục hoạt động và tác hại một cách nghiêm trọng. Rõ ràng những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng đã nhận chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tấn công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ. Sự hoạt động của những phần tử phá hoại trong giới văn nghệ là một hiện tượng hết sức nguy hiểm, một vấn đề cấp bách cần giải quyết...»

Trong sáu tháng liền, từ tháng 1 đến tháng 6-1958 tại tất cả các cơ quan, các ngành và các cấp trên toàn miền Bắc, cán bộ và đảng viên bị bắt buộc phải tham gia cuộc «đấu tranh chống nhóm phá hoại trên mặt trận văn nghệ». Hàng trăm bài báo chỉ nói lên cùng một giọng thóa mạ bảy nhà

(18) như trên.

(19) Trong bài nhan đề *Anh có nghe thấy không ?* thơ của *Văn Cao* đăng trong *Giai Phẩm Mùa Xuân*, Hà-Nội, 1956.

MƯỜI LĂM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

văn và ba nhà trí thức bị coi là đại diện của khuynh hướng chống Đảng. Hàng nghìn bản kiến nghị, mang hàng triệu chữ ký của cán bộ, bộ đội, thợ thuyền, và nông dân được các cấp bộ đảng ở các địa phương gửi về trung ương đảng và chính phủ, đòi phải thẳng tay trừng trị những « phần tử phá hoại tay sai của địch đang phá hoại ta trên mặt trận tư tưởng ». Hai cuộc chỉnh huấn mở ra cho gần năm trăm văn nghệ sĩ từ ngày 26 tháng 1-1958 trong khi các cán bộ công an tư tưởng của đảng tiến hành kiểm-tra để bắt các « phần tử tác động tinh thần tay sai của Mỹ-Diệm » ẩn núp trong các Hội Mỹ-thuật, Hội Nghệ-sĩ Sân-khấu, Hội Nhạc-sĩ, đã cho thấy rằng ở các tổ chức này cũng có những hiện tượng như ở Hội Nhà văn. Tại các trường đại-học, nơi mà đảng coi như « pháo-đài phản cách-mạng », nhất là tại trường Đại-học Sư-phạm và các khoa Văn, khoa Sử, các giáo sư phải cùng sinh viên học tập đấu tranh tư tưởng để truy ra cho bằng hết « những đồ đệ và những thầy giáo theo lập trường quan điểm tò-rốt-kít » do các giáo sư *Trần-Đức-Thảo* và *Trương-Từu* truyền bá. Trong nhân dân, nhất là tại các thành phố, đảng cũng cho phát-động phong trào tố cáo những phần tử-sản phá hoại đã ủng hộ bằng tinh thần, hoặc bằng nguyên vật liệu cho viên cựu thứ-trưởng *Nguyễn Hữu Đang* và cho cựu « thân sĩ dân chủ » *Trần-Thiếu-Bảo* chủ nhà xuất-bản *Minh Đức*, để in các báo và sách chống lại đảng hồi 1956.

Một cuộc chỉnh-huân kéo dài từ ngày 3 tháng 3 đến 14 tháng 4-1958, tập hợp 304 văn nghệ sĩ và trí thức. Trong cuộc chỉnh huấn này mỗi người phải đọc một bản tự phê-bình kể rõ những tội trạng hoặc những sai lầm của mình trong thời gian điều khiển hoặc tham gia phong trào chống lại đảng, tranh đấu giành tự do dân chủ. Qua cuộc chỉnh huấn này, người ta được biết rằng một nhóm nhạc sĩ và thi sĩ do *Văn-Cao* đứng đầu đã tính đến việc trốn vào miền Nam Việt-Nam, rằng nhóm văn nghệ sĩ và trí thức theo chủ nghĩa cộng-sản xét lại do các giáo sư *Trần-Đức-Thảo* và *Trương-Từu* đứng đầu đã rắp tâm trốn sang một nước không cộng-sản « dù là sang Pháp cũng được » (20). Sau khóa chỉnh-huân này, « toàn thể 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa » đó đã cùng ký vào một thư chung để ngày 14 tháng 4-1958 gửi Trung ương đảng Lao-Động, tình nguyện hoàn toàn chấp nhận bốn định-lý cải tạo trí thức theo đúng đường lối của đảng (21).

Bốn ngày trước khi khóa chỉnh huấn này bế mạc, ngày 10 tháng 4-1958, Sở Công-an Hà-Nội đã bắt giam nhà báo *Nguyễn-Hữu-Đang*, nữ văn sĩ *Thụy An* tức *Lưu-Thị-Yên* và nhà xuất bản *Trần-Thiếu-Bảo* vì tội « trong năm 1956 bọn này đã núp dưới hình-thức văn-học và nghệ thuật để hoạt động chống các chính-sách của chính-phủ,

(20) Thư nhận của *Lê Đạt*, tạp chí *Văn Nghệ* số 12 tháng 5-1958, Hà-Nội.

(21) Tạp chí *Văn Nghệ*, số 12 tháng 5-1958, Hà-Nội.

chồng chề-độ và từ đó đến nay vẫn tiếp tục hoạt động phá hoại». (22)

Hơn hai mươi một tháng sau, vụ án này mới được đem ra xét xử. Nhưng trước phiên tòa án nhân dân Hà-Nội ngày 19 tháng 1-1960, vụ án này đã mất hết tính chất của một vụ án văn nghệ. Các bị cáo đã bị khép vào tội « làm gián điệp và làm cán bộ chiến tranh tâm lý cho Mỹ-Diệm ». Sáu người, trong đó có một nữ văn sĩ, hai nhà báo, một nhà đạo diễn kịch và một nhà xuất bản, đã bị kết án từ 5 năm đến 15 năm tù. (23) Báo *Văn học*, cơ quan mới của Hội Nhà Văn cho biết thêm rằng « những phần tử khác đã đồng mưu và cộng tác với bọn *Nguyễn-Hữu-Đang* nhẹ tội hơn, đều không bị truy tố trước tòa án và được đảng và chính phủ giúp đỡ cho đi học tập tại các trại cải tạo để trở thành những công dân lương thiện » (24). Về phần nhà văn lão thành *Phan-Khôi*, người lãnh đạo tinh thần của phong trào trí thức và văn nghệ sĩ tranh đấu giành tự do dân chủ năm 1956, người ta được biết rằng ông đã từ trần ba ngày trước khi xử án, thọ 72 tuổi. Bảy tháng sau, *Phan-Thao*, người con trai độc nhất của ông, chủ bút tuần báo *Thông-Nhật* cơ quan của Mặt trận Tổ quốc ở Hà-Nội cũng đi theo cha.

Cải tạo người cũ, đào tạo người mới

Từ giữa năm 1958 trở đi, sau khi đã « đánh tan những tư tưởng chính trị thù địch và những quan điểm văn

nghệ phản động », đảng Lao động đã không bỏ phí một thời gian nào mà trái lại đã dựa vào uy thế mới lấy lại được ấy để tiến hành ngay lập tức công cuộc cải tạo trí thức và văn nghệ sĩ sẵn có, đồng thời đào tạo những người mới hoàn toàn xã hội chủ nghĩa.

Tháng 6-1958, Hồ-Chí-Minh đích thân đến khai mạc lớp chính huấn chính trị dài mười tháng cho tất cả những nhân sĩ và trí thức cao cấp toàn miền Bắc. Tháng 7, trong khi Hội Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật tuân theo chỉ thị của Trung ương đảng, tổ chức cho toàn văn nghệ sĩ đầu tiên gồm 58 người đi « học tập trong lao động thực tế » tại các hầm mỏ, công trường và nông trường, thì Bộ Giáo dục cũng mở một khóa chính huấn 45 ngày cho toàn thể các giáo sư trung học trên toàn miền Bắc gồm 3.175 người. Tháng 8, lại một toán văn nghệ sĩ thứ hai gồm 148 người chia làm 32 đội bị gửi đi lao động ở khắp các nơi. Tháng 11, Bộ Giáo dục đã tổ chức tổng kết lớp huấn luyện chính trị cho hơn một nghìn giáo sư và giảng sư các trường đại học và chuyên nghiệp cùng với 15.000 sinh viên. Cũng trong tháng đó, toàn thể giáo sư và sinh viên trường Đại học Y Dược cũng bị chia

(22) Nhật báo *Nhân Dân* (Hà-Nội) ngày 19 tháng 4-1958.

(23) Nhật báo *Nhân Dân* (Hà-Nội) ngày 20 tháng 1-1960.

(24) Tạp chí *Văn Học* (Hà-Nội) số 80 ngày 5-1-1960.

MƯỜI LĂM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

thành 16 đội đi lao động sản xuất và giúp đỡ việc tổ chức vệ sinh ở các địa phương...

Một ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng lao động, phụ trách lãnh đạo trí thức là *Bùi-Công-Trùng* đã tuyên bố với toán văn nghệ sĩ thứ hai đi lao động trong năm 1958: « Đây là một tôi luyện thần thông mới để trở thành con người hoàn toàn mới. Sự luyện phép thần thông đó tất nhiên phải gian khổ và nó phải cắt đứt với cái gì rơi rớt của thời cũ » (25). Cái gì rơi rớt của thời cũ đó, đảng Lao động gọi là ý thức hệ tư sản. Các tài liệu nói về công cuộc cải tạo trí thức ở các nước Cộng-Sản khác luôn luôn được dịch sang tiếng Việt và đăng trên báo chí của đảng. Những tài liệu đó giúp cho các ủy viên chính trị có thêm lý luận để ngăn chặn kịp thời phản ứng của giới trí thức. Những đảng viên của đảng Xã hội Hà-Nội đã tỏ ra là những người khó cải tạo hơn cả. Họ chấp nhận một cách miễn cưỡng sự lãnh đạo của đảng Lao động nhưng không chấp nhận « nguyên lý giai cấp công nhân lãnh đạo » và họ cũng không thật sự tin tưởng ở khả năng lãnh đạo của đảng Lao động. Trong khi làm việc chung với những đảng viên đảng Lao động tại các cơ quan, những đảng viên trí thức của đảng Xã hội chỉ coi những ủy viên chính trị của đảng Lao động như những người đóng vai trò kiểm soát chứ không chịu rằng « chính trị là thông soái » (26). Để chặn trước những phản ứng của trí thức, các

ủy viên chính trị thường nhắc lại câu nói của *Gyula Kallai*, Tổng thư ký đảng Xã hội Công nhân Hungari: « Hiện nay người ta thường vin vào khẩu hiệu *thời đại nguyên tử* để đề cao vai trò lãnh đạo của giới trí thức. Ta phải nhận định rõ ràng thời đại nguyên tử không đánh dấu gì đến giai đoạn lịch sử của xã hội ». (27)

Kết quả ba năm cải tạo và phát triển

Từ năm 1958 đảng Lao động đã thi hành một « kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa 1958-1960 ». Về phần phát triển văn hóa, phương hướng của kế hoạch là « động viên và tổ chức mọi lực lượng văn hóa, khoa học, giáo dục, nghệ thuật nhằm giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nhân dân, cổ vũ mọi người ra sức thi đua xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nâng cao trình độ văn hóa kỹ thuật của nhân dân, đào tạo những trí thức trung thành với tổ quốc và với chủ nghĩa xã hội » (28). Chỉ tiêu kế hoạch đào tạo trí thức

(25) Tuần báo *Tổ Quốc*, cơ quan ngôn luận của đảng Xã-Hội Việt-Nam (Hà-Nội) số 114 ngày 1 tháng 11-1958.

(26) Tuần báo *Tổ Quốc*, Hà-Nội, số 125 ngày 16 tháng 4-1959; Xã thuyết.

(27) *Việc cải tạo trí thức ở Hungari*, tuần báo *Tổ Quốc*, số 125 ngày 16-4-1959.

(28) Báo cáo của Chính phủ Việt-Nam Dân chủ Cộng hòa do *Nguyễn-Duy-Trình*, Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đọc trước khóa họp thứ 9 của Quốc Hội tháng 12-1958. Nhà xuất bản *Sự Thật*, Hà-Nội.

và chuyên viên định rằng cuối năm 1960, các trường đại học sẽ có 9.300 sinh viên, tăng 81% so với 1957. Tổng số cán bộ đào tạo trong nước và đi học ở ngoài nước về tốt nghiệp đại học trong ba năm thi hành kế hoạch là 2.430 người. Về các công tác văn hóa khác, kế hoạch định rằng « xuất bản, báo chí, phát thanh, văn học, nghệ thuật, điện ảnh cần nâng cao nội dung xã hội chủ nghĩa ». Vì lẽ nội dung đó không thể lấy gì để đo lường được cho nên chỉ tiêu văn hóa độc nhất được ấn định chỉ là số sách xuất bản trong ba năm sẽ tăng 19 %, báo chí và tạp san tăng 40 %.

So sánh với những con số đưa ra mới đây thì dường như kế hoạch ba năm phát triển văn hóa đã đạt được một số chỉ tiêu. Bắt đầu vào năm học 1961-1962, tổng số người ghi tên theo học tại 5 trường đại học và 3 học viện là 18.598 sinh viên (trong số đó kể cả những sinh viên theo các lớp buổi tối và 3.000 sinh viên ở xa học theo lối hàm thụ) Như vậy tính ra số sinh viên đã tăng 36 % so với năm học trước, 1960-1961 (29). Về số sách xuất bản, các bản báo cáo chính thức đã không cho những con số rõ rệt và nhiều tài liệu đã đưa ra nhiều con số khác nhau. Tạp chí *Văn Nghệ*, tháng 9-1960, số đặc biệt kỷ niệm 15 năm thành lập chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã cho biết rằng trong thời gian từ đầu năm 1955 đến tháng 5-1960 đã có 514 tác phẩm trong nước và 153 tác phẩm dịch đã được xuất

bản. Tạp chí *Học Tập*, cơ quan lý luận và chính trị của đảng Lao động, lại cho biết rằng chỉ riêng trong năm 1959 đã có 1.070 tác phẩm được in ra thành 17.737.274 bản. Trong những loại sách xuất bản năm 1955 thì loại sách giáo khoa chiếm nhiều nhất, loại sách phổ thông (gồm chính trị, khoa học và văn nghệ phổ thông) chiếm trên một phần ba. Vẫn theo tạp chí *Học Tập* thì so với trước năm 1945, số sách xuất bản trong năm 1959 bằng 1.727 % năm 1939. (30)

Sức sản xuất trí thức và văn hóa biểu diễn bằng những con số như trên nghe có vẻ lớn lao nếu chỉ xét riêng trong phạm vi miền Bắc Việt Nam trong 15 năm qua. Nhưng tiếc rằng người ta không thể chỉ dựa vào một vài con số thông kê sơ sài mà định giá trị trí thức và văn hóa, nhất là những sản phẩm đó lại phải có « nội dung xã hội chủ nghĩa ». Tuy nhiên trong địa hạt văn học và nghệ thuật đã có những nhận xét đáng chú ý do những cán bộ lãnh đạo văn nghệ đưa ra.

Từ giữa năm 1958, đảng Lao động đã muốn loại hết những văn nghệ sĩ trưởng thành trong xã hội cũ để nâng những người mới, trẻ và thuần túy xã hội chủ nghĩa lên thay. Sau

(29) Nhật báo *Thời Mới*, Hà Nội, ngày 14 tháng 9.1961.

(30) Tạp chí *Học Tập*, cơ quan lý luận và chính trị của đảng Lao Động Hà-Nội, tháng 7-1960, bài *Nhìn qua công tác xuất bản của chúng ta* của Phạm-Xuân-Ry.

nhiều cuộc thi văn chương tổ chức liên tiếp tại các địa phương và trung ương, một Hội nghị những Người Việt Văn Trẻ đã được triệu tập vào tháng 4-1959. Trong tổng số 300 đại biểu mà phần đông là công, nông, binh và cán bộ cơ sở, đã không một cây bút nào được giới văn nghệ cũng như giới người đọc chú ý đến thật sự. Người ta chỉ nhắc đến tên một vài nhà văn trẻ như *Nông Trung* chỉ vì người này là một thanh niên dân tộc *Nhằng* ở núi cao xuống, như *Hoàng-Minh-Tốp* hoặc *Hoàng-Thị-Rủ* chỉ vì những nông dân và công nhân muốn đổi sang nghề viết văn này có những cái tên nghe thật lạ tai. (31). Tính số nền văn nghệ Bắc Việt 15 năm qua, một cán bộ lãnh đạo văn nghệ là *Hồng-Cương* đã cho biết : « Số sáng tác của những người viết văn trẻ được xuất bản đã chiếm tới 66 % trong tổng số tác phẩm do Nhà xuất bản Văn Học ấn hành, chiếm tới 90 % trong tổng số các tác phẩm được xuất bản của tạp chí Văn nghệ Quân đội và nhà xuất bản Quân đội Nhân dân » (32). Tuy nhiên trong bài « Mười lăm năm văn xuôi » viết đề đề tựa cho *Tuyển tập Văn Việt Nam 1945-1960* (33) nhà văn *Tô Hoài* đã nhận định rằng trong số rất đông đảo của những cây bút xuất hiện trong tám năm kháng chiến, người ta chỉ còn ghi lại được tên

sáu người là *Trần Đăng*, *Thép Mới*, *Minh-Lộc*, *Nguyễn-Văn-Bồng*, *Võ-Huy-Tâm* và *Vũ-Tú-Nam*. Và trong hàng nghìn nhà văn trẻ mới được giúp đỡ để vượt lên trong những năm gần đây, cũng chỉ có ba người được nói đến trong bài của *Tô-Hoài* là *Nguyễn-Ngọc*, *Nguyễn-Khai* và *Bùi-Đức-Ái*.

Không những số tác phẩm đáng giữ lại chẳng có bao nhiêu mà những tác phẩm đánh cắp cả nội dung lẫn hình thức của tác phẩm người khác lại càng không hiếm. Tạp chí *Văn Nghệ* số tháng 1-1961 đã nêu lên « hiện tượng xấu » này trong ngành thơ và đề nghị mở một phong trào phê phán thật nghiêm khắc. Một vụ ăn cắp tác phẩm quan trọng hơn cũng lại bị tạp chí *Văn Nghệ* tố cáo trong số tháng 4-1961. Đó là vở kịch « *Người con gái đất đỏ* » do đội Cải lương Nam bộ sáng tác và diễn tại Hà-Nội hồi cuối năm 1960. Vở này đã được báo chí cộng sản Hà-Nội khen ngợi nhiệt liệt. Nhưng đến tháng 2 - 1961, khi đoàn *Việt kịch Quảng Đông* sang diễn tại Hà-Nội thì mọi người mới vỡ lẽ ra rằng vở « *Người con gái đất đỏ* » chỉ là rập khuôn theo vở *Lưu Hồ Lan* của Trung Cộng với một vài chi tiết nhỏ được sửa đổi.

Sự thật, dường như chính những người lãnh đạo văn nghệ miền Bắc Việt-Nam cũng biết rõ giá trị thấp kém của những tác phẩm mới được chọn xuất bản gần đây. Lại cũng chính tạp chí *Văn Nghệ*, số tháng 3-1961 đã than phiền rằng các cơ quan xuất bản của đảng đã dịch và in sách nước ngoài

(31) Tuần báo *Tô Quốc* Hà-Nội số 125 ngày 16-4-1959.

(32) Tạp chí *Văn Nghệ* Hà-Nội tháng 9-1960.

(33) *Tuyển tập Văn Việt-Nam 1945-1960* Nhà xuất bản *Văn Học*, Hà-Nội, 1960.

nhiều quá mà phần lớn đó lại chỉ là những sách loãng xoàng. Sách nước ngoài thì quảng cáo không tiếc lời ngay cả đến những sách không lầy gì làm hay lắm, trong khi đó thì sách trong nước quảng cáo một cách quá dè dặt e ngại». Tạp chí này còn nhấn mạnh rằng tại sao «những tác phẩm cổ điển vĩ đại đã được nhân loại yêu mến hàng trăm hàng nghìn năm nay cũng chưa được dịch ra tiếng Việt» như những tác phẩm của nền văn học cổ Hy-Lạp La-mã, những vở kịch tuyệt diệu của Shakespeare?

Tiếng gọi bên sông Văn

Trong giới trí thức, văn nghệ sĩ và cán bộ lãnh đạo ở miền Bắc Việt-Nam hiện nay đang có một cuộc tranh luận hăng hái về một tác phẩm văn chương mới xuất bản. Đó là cuộc tranh luận chung quanh tập bút ký nhan đề *Sông Đà* (34) tác giả là nhà văn Nguyễn-Tuân, do Nhà xuất bản Văn học ấn hành tháng 7-1960. Nhà văn này là một trong những cây bút tư sản kỳ cựu đã hợp tác với những người cộng sản suốt 15 năm nay. Trong cuộc tranh đấu giành tự do dân chủ hồi 1956, tuy nhà văn này giữ thái độ trung lập nhưng cũng vẫn bị đảng đưa đi cải tạo tại khu tự trị Thái Mèo ở vùng rừng núi giáp biên giới Việt — Lào từ tháng 8-1958 cho đến giữa năm 1960. Nguyễn-Tuân đã viết tập *Sông Đà* trong thời gian cải tạo ấy. Dưới con mắt phê phán của các cán bộ lãnh đạo chính trị thì tác phẩm này chỉ được coi là «tương đối tốt». Người ta vạch ra trong tác phẩm

nhiều đoạn không hợp với chủ nghĩa xã hội và người ta cho rằng đó chính là những bằng cứ chứng tỏ rằng Nguyễn-Tuân chưa thật sự cải tạo. Lời phê phán về tác phẩm và về con người Nguyễn-Tuân đã được cán bộ lãnh đạo văn nghệ cao cấp là Nam-Mộc (35) đưa ra trong một bài mở xê dài 17 trang của tạp chí *Nghiên cứu Văn học* (36) số tháng 5-61. Theo cán bộ lãnh đạo này thì trong dư luận có một phái khen tập *Sông Đà* và một phái chê. Phái khen gồm một số nhà văn cùng những người đọc vốn có cảm tình với Nguyễn Tuân từ thời trước. Phái chê gồm có những người đọc là công nhân, nông dân và lao động trí óc trẻ, nghĩa là những con người mới hoàn toàn xã hội chủ nghĩa mà Nguyễn-Tuân nói đến trong tập *Sông Đà*.

Để trả lời luận điệu phê phán ấy, Nguyễn Tuân đã không tìm cách bênh vực trực tiếp cho tác phẩm của mình. Nhà văn này đã chỉ bày tỏ lập trường bằng cách viết một bài giới thiệu một tác giả của thế hệ trước. Đó là bài «*Thời và thơ Tú Xương*» đăng trong tạp chí *Văn nghệ* cũng số ra tháng 5-1961. Tác giả mà Nguyễn-Tuân giới thiệu là một nhà thơ trào lộng rất nổi tiếng sống vào cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này, thời kỳ mà người Pháp bắt đầu đặt chế độ thuộc địa ở Việt-Nam. Nói đến

(34) *Sông Đà*, bút ký của Nguyễn Tuân, Nhà xuất bản Văn học, Hà-Nội 1960.

(35) Nam Mộc, tên thật là Lê-Hữu-Kiểu, còn bút hiệu khác là Sơn Tùng.

(36) Tập san nghiên cứu lý luận, phê bình và giới thiệu văn học của Viện Văn Học Hà-Nội.

MƯỜI LAM NĂM DƯỚI BÓNG CỜ ĐỎ

thời Tú - Xương, Nguyễn - Tuân đã dụng ý so sánh cái thời mà các nhà thực dân Pháp đem súng đạn đèn để lập nên thông trị và bóc lột ở xứ này với cái thời hiện tại, thời mà những người cộng sản đang xây dựng một chế độ mà họ gọi là xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt-Nam. Về thơ Tú-Xương Nguyễn-Tuân đã giới thiệu một số những bài trong đó xã hội ươn hèn và lố lăng thời bấy giờ bị mặt sát thậm tệ. Cuối cùng, Nguyễn Tuân đặt trọng tâm vào một bài thơ ngắn trong đó nhà thơ của thế hệ trước tỏ lòng tiếc những cảnh cũ của quê hương đã mất đi vì sự thay đổi do người Pháp mang lại mà nhà thơ cho là không tốt đẹp. Đó là bài thơ tả một khúc sông đào bị lấp đi. Nguyễn-Tuân nói rằng bài thơ *Sông lấp* ấy tuy chỉ có bốn câu mà gồm đủ hai phần hiện thực và lãng mạn. Chuyển sang vấn đề hiện thực trong văn học và nghệ thuật, Nguyễn-Tuân đã nói thẳng đèn lớp người ngày nay ở miền Bắc Việt Nam, trong đó có một số người cứ muồn lần áp những người khác : « Thực ra cái lớp chúng ta đây cũng là một lớp người chưa thoát đờ ngang

cũng là vừa sang xong một vài chuyện, có những chuyện thuận chèo trót lọt, bền đông rộn lên như hội mùa, nhưng cũng có chuyện gian nan, tay lái không dẻo thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã chiêm hấn đi ».

Sau hết Nguyễn - Tuân đề nghị dựng tượng nhà thơ Tú-Xương ở thành phố Nam-Định. Nhà văn phác họa bức tượng nhà thơ mà thật ra là chủ ý bày tỏ thái độ của mình trước thời đại :

« Cho nên pho tượng Tú Xương của tôi có cái dáng điệu thung dung tự tại của một khách bộ hành sang ngang tin rằng sông bao giờ cũng có đò, tin rằng bên lạnh có mặt mừng đèn đầu đêm tối có đèn ác đèn mầy, thì cuộc sống tổ chức của Cái Thiện lúc nào cũng vẫn sẵn một bóng người du kích đưa mình vượt qua bờ. Mà nó đúng là pho tượng của một nhà thơ tự tin rằng khi mình đã cất nổi một tiếng gọi bên sông vẫn thì vẫn có tiếng đồng điệu vọng trả lời sang ».

NHƯ-PHONG

Tháng 12-1961

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

nhật báo **TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU —

3

Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo-dục Việt-nam

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

(xin xem từ B. K. số 128)

Áp dụng nguyên tắc kể trên mà phác qua vài nét chánh về chương trình Tiểu học và Trung học.

Định rõ nguyên tắc rồi, chúng tôi xin trình với độc giả đề nghị của chúng tôi. Chúng tôi chỉ phác những nét chính thôi không đi sâu vào chi tiết.

Một điểm chính trong chương trình của chúng tôi là *không hạn tuổi*, là *theo trình độ tinh thần của học sinh*, hễ trẻ theo nổi thì dạy, dù là nhỏ tuổi, không theo nổi thì cho xuống lớp dưới, dù là lớn tuổi, hoặc cho qua ban khác, dù có lời yêu cầu của cha mẹ xin được giữ lại.

Như tôi đã nói, chúng tôi tạm chia làm ba hạng trẻ :

— tinh thần dưới mực trung.

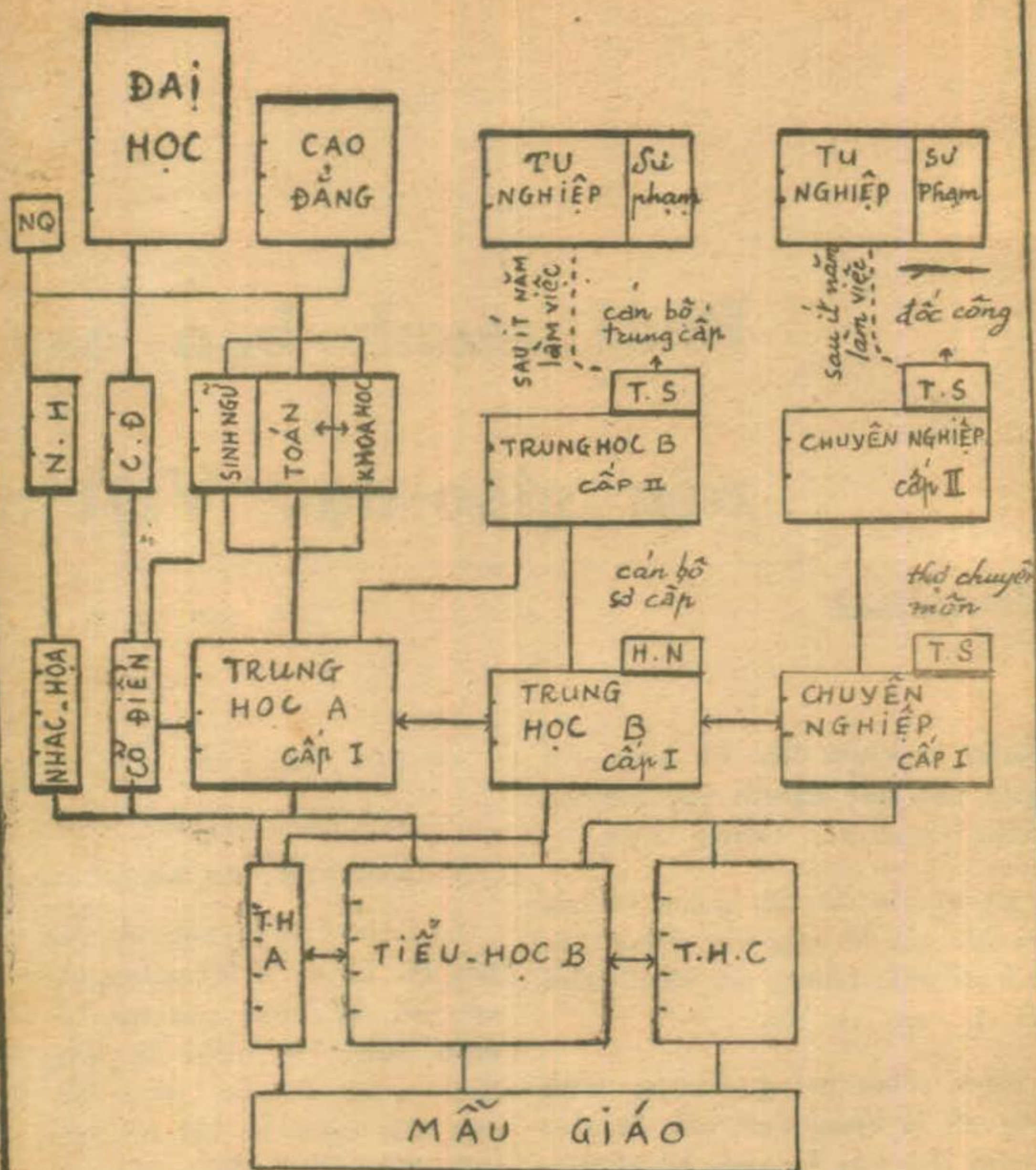
— tinh thần vào mực trung.

— tinh thần trên mực trung.

Các nhà Giáo, chẳng cần biết nhiều về tâm lý, hễ có chút kinh-nghiệm và tiếp xúc với trẻ trong một tuần lễ là có thể đoán được — mười lần đúng đến bảy tám — trẻ ở vào mực nào trong ba mực đó, ngay từ khi trẻ mới bốn năm tuổi. (Coi Bách khoa số 125).

Tôi tin rằng tại mỗi tỉnh lý, mỗi năm ít ra cũng có vài ba chục trẻ em thông minh đủ để mở một lớp năm cho chúng học riêng. Mở một lớp riêng khác cho những trẻ dưới mực trung ; và nhiều lớp cho những trẻ vào mực trung. Nếu giáo viên

LƯỢC-ĐỒ DỰ-ÁN



CHÚ - GIẢI

H. N. : học nghề

T. S. : tập sự

N. Q. : chuẩn bị đi ngoại quốc

→ chuyển theo một chiều

↔ chuyển theo hai chiều

Đều điểm là được chứng chỉ, khỏi thi
thi vô hoặc thi ra

xét trẻ làm, thì một khi thấy làm rồi, có thể cho trẻ đổi lớp, đương ở lớp trung bình thì cho lên lớp « thông minh » hoặc ngược lại. Tôi tưởng như vậy không phải là trái nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, tự do... mà còn có lợi cho trẻ, cho gia đình, cho quốc gia.

Vậy trẻ thông minh bốn năm tuổi có thể vào lớp năm được, (lớp năm A) nếu biết đọc, biết viết, biết làm toán cộng. Mà tám chín tuổi cũng có thể thâm vào lớp năm được, nhưng cũng vào một lớp riêng (lớp năm C); còn những trẻ trung bình, sáu bảy tuổi thì vào lớp năm khác (lớp năm B).

Ở thôn quê, vì học sinh ít không thể mở những lớp riêng như vậy, thì ông thầy có thể chú ý vào những trẻ thông minh và nếu có thể được, làng sẽ giúp phương tiện cho nó ra tỉnh học.

Tiểu học là nền học căn bản, chỉ có một chương trình chung cho toàn quốc, nhưng sự áp dụng chương trình phải mềm dẻo tùy theo từng miền (thôn quê khác thành thị, miền rừng khác miền biển...) và tùy theo trình độ của học sinh ở các lớp A, B, C, (Coi lược đồ dự án)

Chẳng hạn ở miền biển, về môn học thường thức, cho trẻ hiểu nhiều về nghề đánh cá, làm muối, làm nước mắm; ở miền ruộng cho trẻ hiểu nhiều về nghề làm ruộng, làm rẫy...; ở châu thành trẻ cần biết về máy móc, đời sống thành thị... Quy tắc là trẻ trong hoàn cảnh nào thì học nhiều về hoàn cảnh đó, còn những hoàn cảnh khác chỉ cần biết qua loa, như vậy học rồi mới có dịp hành.

Về các môn toán, sử, địa, viết ngữ, vẫn chỉ nên dạy những cái thiết thực. Chương trình toán tĩa bớt đi một nửa cũng không hại. Tại những lớp B và C, trẻ chỉ cần làm được những bài toán thường dùng trong đời thôi, đừng bắt chúng làm những toán lắt léo về phân số, động tử, tỉ trọng như hiện nay. Học sinh lớp nhất ở thôn quê mà biết tính được muốn đi ra quận mua vật dụng, chèo chiếc tam bản đi nước xuôi, về cũng nước xuôi thì mất mấy giờ, và ngày đầu tháng hay giữa tháng, phải đi từ mấy giờ cho kịp con nước, thì tôi cho là đã khá rồi. Tôi nhắc lại: cần phải thiết thực. Tôi biết nhiều thiếu nữ làm toán đại số, hình học thì giỏi mà không biết tính phải nấu thêm bao nhiêu lon gạo khi có thêm miệng ăn, thành thử bữa nào cũng dư cơm, rồi đổ đi. Cái học đó vô dụng.

Riêng trong các lớp A (thông minh) tùy trình độ của trẻ, ông giáo có thể dạy cao hơn chương trình một chút, nhất là về Việt ngữ, chứ không phải là về toán vì tuổi đó dễ học ngôn ngữ hơn là toán. Tại các châu thành lớn như Saigon, Nha-Trang, Huế, Mỹ-Tho... một số trẻ em rất thông minh có thể được học thêm mỗi ngày một hai giờ ngoại ngữ nhưng không bắt buộc, và phải đủ sức thì mới được học. Như vậy là để gây một hạng nhân tài tương lai cho quốc gia.

Nhưng dù ở lớp nào thì trẻ cũng phải tập vận động, dùng hai bàn tay và làm nhiều công việc thủ công. Các sách bàn về tân giáo dục, đã vạch rõ nhiều thí nghiệm ở Âu, Mỹ về điểm đó. Ta nên rút kinh nghiệm của họ. Sẽ cần thêm

thầy, thêm dụng cụ, vậy phải chuẩn bị trong một thời gian là 4, 5 năm, nhưng ngay từ bây giờ ta có thể cho áp dụng ngay ở thôn quê : trường ở thôn quê có dư sân để trẻ tập nuôi gà, nuôi vịt, và trẻ có thể mang đồ dùng ở nhà tới để vót tre, đan rổ, vá lưới, dệt một cán cuốc....

Chúng tôi nghe nói chính phủ đã mở một số trường Cộng đồng — chúng tôi không nhớ có phải tên như vậy không — mục đích là dạy cho trẻ em thôn quê những điều thường thức để áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày mà giúp gia đình làng xóm. Điều đó rất đáng khen, và những trường đó nên cho phát triển mạnh.

Tóm lại là phải vừa học vừa làm, và ngay từ Tiểu học, trẻ em đã làm quen với kỹ thuật phổ thông mà ông Nguyễn Đước đã đề nghị dạy ở hai năm Chuyển tiếp.

Nhưng theo đề nghị của ông thì kỹ thuật phổ thông đó không được tiếp tục những năm sau trong các ban Văn nghệ (Văn chương, Hội họa, Âm nhạc), như vậy e có chỗ còn phải bàn lại.

Chủ trương của chúng tôi hơi khác ông.

Hết ban tiểu học (cũng vẫn 5 năm như hiện nay) chỉ những trẻ ở các lớp C và một số lớn những trẻ ở các lớp B sẽ được hướng qua *chuyên nghiệp* (nông, lâm, tiểu công nghệ và kỹ nghệ) vì những trẻ đó kém thông minh, thường 13, 14 tuổi mới thấu thái được hết chương trình tiểu học và lúc đó người ta có thể biết được chúng nên học những nghề nào rồi.

Một số trẻ ở các lớp B mà khá thông minh sẽ được hướng vào những ban Trung học mà tôi gọi là *Trung học B* để hấp thụ một văn hóa trung bình, sau này thành những cán bộ hạng trung : cán sự, giáo viên, thư ký, tham tá, y tá...

Một số rất ít ở các lớp B (những trẻ thực xuất sắc) sẽ được hướng vào ban Trung học mà tôi gọi là ban *Trung học A*, cùng với các trẻ em ở các lớp A để hấp thụ một nền văn hóa cao hơn nữa, sau này thành những nhà chỉ huy trong một ngành. Tất nhiên những trẻ ở các lớp A (ban tiểu học) mà kém thì cũng phải qua những trường Trung học B.

Vào các trường Trung học B và A đó đều phải thi cả.

Chương trình thi ở hai trường đó sẽ khác nhau, ở trường A cần lựa những trẻ thông minh, mà nhớ nhiều không nhất định là thông minh. Có thể áp dụng một số trắc nghiệm của Âu, Mỹ sau khi sửa đổi cho hợp với nước mình.

Một số trẻ em khác ở các lớp A và B mà có khiếu riêng về Nhạc và Họa sẽ vào những trường Nhạc và Họa.

— *Chương trình các trường Chuyên nghiệp* tất nhiên chú trọng vào việc dạy nghề để đào tạo những thợ chuyên môn và những nhà nông rành nghề.

Có hai cấp. Cấp I học 3 năm. Mỗi tuần học chừng 10 giờ về thường thức và hai chục giờ (hoặc hơn nữa) về nghề. Không dạy ngoại ngữ ; nhưng học sinh phải trau dồi thêm về Việt ngữ để có thể viết được bài tường thuật một hai trang mà đủ ý, sáng sủa, không mắc nhiều lỗi quá.

Chỉ dạy những môn khoa học nào cần thiết cho nghề thôi. Chẳng hạn một ít toán, vật lý hóa (thực dụng), còn thì dạy thêm vệ sinh; công dân giáo dục, phép xử thế, cách dạy con, nuôi con...

Học xong ba năm, họ phải tập sự một năm rồi mới thành thợ chuyên môn.

Một số học sinh xuất sắc sẽ được đưa ngay lên lớp II mà khỏi phải tập sự một năm. Tại cấp này, họ học thêm ba năm nữa. Về Việt ngữ, khoa học thực dụng (nhất là môn tổ chức công việc, môn tâm lý thực hành...) họ được học kỹ hơn. Nhưng số giờ học nghề vẫn phải quan trọng hơn số giờ học những môn đó.

Ngoại ngữ không bắt buộc phải học, nhưng nếu học sinh nào có đủ sức thì có thể được dạy mỗi tuần sáu giờ để hết ba năm, họ có được một ngàn dụng ngữ căn bản.

Học hết ba năm, họ phải tập sự trong một năm mới thành đốc công. Trong năm tập sự đó, những học sinh đã biết chút ngoại ngữ, được học thêm về môn đó mỗi tuần 6 giờ nữa để có thể đọc được những sách dễ về nghề của mình. Một số đốc công sau ít năm làm việc tỏ ra có nhiều khả năng mà chịu tự học, có thể được học thêm trong những trường Tu nghiệp lập riêng cho họ để sau họ thành những kỹ sư chuyên nghiệp hoặc những giáo sư dạy riêng phần thực hành ở cấp II các trường Chuyên nghiệp; phần lý thuyết sẽ giao cho các giáo sư có bằng cấp Đại học hay Cao đẳng.

* *

Các trường *Trung học B* có mục đích đào tạo những cán bộ nông thôn công

chức, từ chức sơ cấp và trung cấp về mọi ngành: thư ký, y tá, giáo viên, kế toán viên...

Cũng gồm hai cấp. Cấp I dạy những kiến thức phổ thông trong ba năm. Chương trình ở cấp này sẽ chỉ bằng nửa chương trình Trung học đệ nhất cấp hiện nay. Vẫn chú trọng đến Việt ngữ trước hết. Hết năm thứ ba học sinh nào cũng phải thông tiếng Việt, viết được rõ ràng mà ít lỗi, không thể làm *ít với ít, cao với cao* được, phải hiểu được nghĩa những tiếng thường dùng như *kích thích, đạo tặc, dân nguyện*... Không cần biết nghị luận văn chương, không cần hiểu cổ văn, nhưng có một ý nghĩ nào thì phải biết phô diễn ra cho có mạch lạc để người khác hiểu được.

Không bắt buộc phải học ngoại ngữ, nhưng trò nào thông minh có đủ sức, có thể được học thêm mỗi tuần 6 giờ, và chỉ học độ 1000 dụng ngữ căn bản của một ngôn ngữ thôi.

Môn toán sẽ giảm tới mức tối thiểu về lý thuyết, mà tăng nhiều về thực hành. Chẳng hạn về toán chỉ cần cho trẻ hiểu phương pháp suy luận, chứng minh, nhớ được ít định lý quan trọng rồi áp dụng vào đời sống hằng ngày. Ba phần tư chương trình về Quỹ tích hiện nay, cả chương về Lượng giác đều đáng bỏ đi hết. Lý, Hóa, Vạn vật cũng có thể bỏ đi ba phần tư, để có thì giờ dạy thêm cho học sinh về môn vệ sinh, phép xử thế, phép sống vui, cách thức làm việc, cách thức tự học, tự luyện tâm trí, công dân giáo dục...

Trong ba năm học, trẻ được tập làm những việc tay chân, để thực hành những

PHẢI MẠNH BẠO CÁI TỒ NÊN GIÁO DỤC VIỆT NAM

điều học trong phần lý thuyết. Ở thôn quê cho trẻ tập làm vườn, nuôi súc vật, dùng máy bơm, sửa xe máy..., ở châu thành chúng làm quen với những công việc sổ sách, giấy tờ, những công việc lật vật trong nhà, như sửa xe, sửa điện, đóng lại cái chân bàn, thay vài viên ngói, sơn lại cái cửa, quét vôi cái hàng rào; cũng nên tập cho chúng quen với những công việc xã hội.

Hết ba năm học sẽ thi vào một lớp học nghề; mục đích của lớp này là đào tạo những nhân viên sơ cấp trong các công sở, tư sở, nhất là các cán bộ hương thôn. Trẻ nào không muốn học nghề đó hoặc không đủ sức học nữa thì về nhà cũng biết dùng hai bàn tay chứ không đến vô dụng như ngày nay; chúng có thể giúp việc trong những tiệm buôn, để rồi sau ít tháng, ít năm, mở một tiệm bán sách, sửa xe máy, bán đồ điện, bán vải...

Những trẻ giỏi ở cấp I sẽ được tuyển lên học cấp II để học ba năm nữa. Ở đây đã bắt đầu chuyên môn rồi, người ta sẽ đào tạo những cán bộ Trung cấp cho các công sở chẳng hạn y tá, dược tá, thư ký, kế toán viên, giáo viên, cán bộ thanh niên... Ngoài số giờ dạy nghề, còn một số giờ dạy những kiến thức phổ thông. Việt ngữ vẫn được chú trọng nhất. Học sinh phải tập thảo được một bản trần thuật sáng sủa, gọn ghẽ, đầy đủ, phải tập trình bày một vấn đề trước công chúng. Họ được học mỗi tuần 6 giờ một ngoại ngữ thôi, ngoại ngữ mà họ đã được phép học thêm ở cấp I, như vậy ở trường ra, họ có thể đọc được một trang sách dễ dễ, có thể tự học thêm nữa được. Cũng bắt buộc phải tập sự một năm và trong năm đó, họ trau dồi thêm ngoại ngữ.

Mục đích của chúng ta là đào tạo những cán bộ trung cấp rành tiếng Việt, và có một sức học căn bản về ngoại ngữ đủ để tìm hiểu thêm trong những sách ngoại quốc về nghề của họ, chứ chúng ta không cần họ bình luận được về văn học sử ngoại quốc.

Một số cán sự Trung cấp sau ít năm làm việc, tỏ ra có nhiều khả năng mà chịu tự học cũng có thể được học thêm trong những trường Tu nghiệp lập riêng cho họ để sau họ thành những cán sự cao cấp hoặc những giáo sư dạy riêng phần thực hành ở cấp II các trường Trung học B; phần lý thuyết sẽ giao cho các giáo sư có bằng cấp Đại học hoặc Cao đẳng.

Sự học của các thanh niên có bằng Trung học đệ nhất cấp hiện nay thực là vô dụng. Họ biết lam nham nhiều quá, và tự cho rằng mình vào hàng trí thức, xa cách hẳn nông dân vì nông dân không biết cổ văn, lịch sử thế giới, định lý này, định luật nọ như họ. Họ như bị nhỏ rẻ mà nông dân chẳng thấy nhờ cậy gì họ được cả, thấy mình phải đóng góp để đào tạo một hạng vô dụng.

Sự đào tạo cán bộ nông thôn là quan trọng nhất, hạng này sẽ là những nhân viên đặc lực của chính quyền, tiếp xúc hằng ngày với nông dân, làm mối liên lạc giữa hạng trí thức và nông dân. Chúng ta thiếu nhiều bác sĩ, mà đợi tới khi mỗi làng có được một bác sĩ như ở Âu Mỹ thì biết bao nhiêu năm nữa? Nông dân bây giờ cần gấp những người biết dùng thuốc ký ninh để trị bệnh sốt rét ngã nước, biết chữa mụn nhọt và các vết thương, biết đánh mi mắt cho những người bị

đau mắt hột... Về luật học, giáo dục, nông lâm... cũng vậy, cần nhiều cán bộ nông thôn hơn là luật sư, giáo sư, kỹ sư... Mà hiện nay sự đào tạo cán bộ nông thôn chưa có một tổ chức, một kế hoạch nào rõ ràng cả: mỗi tỉnh, mỗi nha tự ý đào tạo lấy, phương tiện thường là rất sơ-sài, thiếu thốn; mà những cán bộ nông thôn đó tất nhiên không được trọng dụng, tin cậy, thành thử họ không muốn về hương thôn mà ở lại châu thành thì cũng chẳng biết làm gì.

* *

— Các trường *Trung học A* dành riêng cho những trẻ thông minh, có mục đích đào tạo những người chỉ huy sau này. Cũng có hai cấp.

Cấp I, gồm 4 năm, dạy những tri thức phổ thông. Chương trình gần như *Trung học đệ nhất cấp* hiện nay, nhưng vẫn phải có tính cách thiết thực, bớt nhồi sọ. Vẫn chú trọng đến Việt ngữ thực hành trước hết. Giảng cái đẹp của một số danh tác từ đời Nguyễn đến nay cho trẻ hiểu, đừng bắt trẻ học cổ văn vội, ở cấp đó kim văn mới là quan trọng.

Trẻ chỉ phải học một ngoại ngữ thôi. Chúng ta nên đặt Anh ngữ lên địa vị ưu tiên — tôi nói ưu tiên, chứ không nói độc tôn — không phải vì văn hóa dân tộc này cao hơn văn hóa dân tộc khác, cũng không phải vì lúc này ta cần liên lạc mật thiết với quốc gia này hơn với quốc gia khác, mà chỉ vì ai cũng phải nhận rằng ở thế kỷ này, Anh ngữ được thông dụng nhất khắp thế giới, bỏ xa Pháp ngữ, Đức ngữ v.v...

Như vậy có phần bất tiện cho lớp người trên bốn chục tuổi — trong đó có tôi —; họ phải học thêm Anh ngữ; nhưng có lợi nhiều cho lớp người mới lớn lên và cho những thế hệ sau này. Chúng ta không ngại thiếu sách viết bằng Anh văn, vì một mặt chúng ta sẽ mua, một mặt Anh, Mỹ sẽ tặng; điều khó khăn là làm sao có thể đào tạo trong vài ba năm bốn năm trăm giáo sư Anh ngữ, nói đúng giọng và viết thông được tiếng Anh. Tất phải có một sự viện trợ tích cực về văn hóa của Anh và Mỹ thì mới thành công mau được.

Một số trẻ rất thông minh, có khiếu về sinh ngữ mà ở *Tiểu học* đã bắt đầu học một sinh ngữ rồi lên đây có thể — nhưng không bắt buộc — học thêm một sinh ngữ thứ nhì. Giáo sư sẽ xét trẻ nào đủ tư cách, trẻ nào không. Có đủ tư cách mới cho học.

Học sinh ngữ hết bốn năm, trẻ có thể đọc, viết được rồi — vì hạng trẻ đó thông minh — có một trình độ tương đương với trình độ các lớp 7è của Pháp chẳng hạn.

Các môn khoa học sẽ dạy kỹ hơn cấp I các trường *Trung học B*, vì trẻ học tới 4 năm.

Chương trình các môn đó sẽ nặng gần bằng chương trình *Trung học đệ nhất cấp* hiện nay, nhưng vẫn phải chú trọng đến phần thiết thực: vệ sinh, công dân giáo dục...

Cũng nên noi gương Đức, Mỹ, cho trẻ đi du lãm, đọc nhiều sách rồi tường thuật lại; hoạt động trong các hội thiếu niên, nghiên cứu đời các danh nhân,

nghe diễn thuyết (về nhà tóm tắt lại), tập phỏng vấn, đóng kịch, tổ chức, trước tác...

Ngay năm đầu ở cấp I mở thêm một lớp cổ điển; lựa những em có khiếu về Việt ngữ, cho học mỗi tuần mười giờ Hán tự (rút bớt các môn khoa học) để đào tạo những giáo sư Việt ngữ hoặc những nhà khảo cổ cho tương lai. Phải khuyến khích trẻ em vào lớp đó.

Hết bốn năm, trẻ nào tư cách xét ra là kém thì cho chuyển qua cấp II các trường Trung học B, để học nghề mà sau thành những cán bộ trung cấp. Số đó chắc ít. Phần đông sẽ được tiếp tục lên cấp II trường Trung học A để học chuyên khoa: Cổ điển (tiếp tục ở dưới lên), Sinh ngữ, Toán, Khoa học thực nghiệm.

Ở cấp II này, chương trình có tính cách chuyên khoa hơn chương trình đệ nhị cấp ngày nay. Chẳng hạn ban Cổ điển học rất nhiều về Hán tự, Việt ngữ, Triết học Đông phương, Sử ký Đông phương... mà học rất ít về khoa học. Trẻ cần phải thông một ngoại ngữ thôi. Ở ban Toán, dạy nhiều về Toán Lý Hóa, còn Văn vật, Sử địa, Triết học thì chỉ dạy những điều căn bản.

Ở ban Sinh ngữ, cần học nhiều về sinh ngữ, còn Toán, Lý Hóa, Văn vật, chỉ học qua loa.

Tại tất cả các ban, học sinh chỉ bắt buộc học một sinh ngữ để có thể giỏi được, có đủ sức mới cho phép học thêm sinh ngữ thứ nhì.

Chúng tôi nghĩ rằng chương trình Triết học hiện nay nặng quá; đại đa số học sinh không « tiêu hóa » nổi, và một số

chỉ học thuộc lòng để trả bài — có khi học thuộc lòng cả những bài luận kiểu mẫu nữa, không biết suy nghĩ gì cả. Như vậy hoàn toàn vô ích.

Trong các trường Chuyên nghiệp và cả trong những trường Trung học B, môn Triết học không cần thiết. Mà ngay cả trong những trường Trung học A, trẻ thông minh hơn, có thể hiểu được nhiều hơn, cũng chỉ nên dạy ít về Triết học thôi. Quy tắc là chúng hiểu được tới đâu thì dạy tới đấy. Tôi chắc rằng trẻ 17, 18 tuổi thì phải là bậc anh tuấn mới hiểu được Đạo đức kinh, Kant, Bergson... Vậy chương trình triết học hiện nay có thể rút đi được một nửa ở mọi ban. Riêng về hai ban Khoa học và Toán, nếu học sinh hiểu được chương trình luận lý học, và đọc được bản dịch cuốn *Introduction à l'étude de la Médecine expérimentale* của Claude Bernard, thì cũng đã là giỏi rồi. Về triết học phương đông, học sinh ban Văn chương chỉ cần biết ít tư tưởng của Khổng, Mạnh (Lão, Trang và Phật khó quá), rồi ra trường, họ sẽ học thêm. Ta không nên có tham vọng cổ « nhồi » cho đủ!

Vì sự tuyển lựa rất kỹ, ngay từ ở tiểu học, rồi liên tiếp lên đến Trung học, và cũng nhờ chương trình không quá tổng quát và quảng bác như hiện nay, có tính cách thiết thực, chuyên khoa hơn, nên hạng thanh niên ưu tú đó, học hết cấp II đậu tú tài rồi, lên Đại học hoặc các ban Cao đẳng chuyên môn sẽ theo nổi chương trình, khảo cứu thêm trong những sách ngoại quốc, nghe nổi những bài giảng thêm của giáo sư ngoại quốc về một vài môn nào đó, và sẽ không bị đào thải nhiều như hiện nay.

Chương trình tuy là 7 năm, nhưng hạng anh tuấn có thể cho nhảy một năm chẳng hạn năm đệ tam, còn lại 6 năm, như vậy có trẻ 15, 16 tuổi đã đậu Tú tài toàn phần được rồi.

Một số thanh niên ưu tú có Tú tài sẽ được tuyển gọi qua học ngoại quốc. Nếu cần thì cho họ thêm một năm dự bị để trau dồi thêm khả năng về ngoại ngữ hoặc về môn họ sẽ lựa.

Chắc một số độc giả cho rằng sự phân biệt ra ba hạng A, B, C có tính cách máy móc vì có những trẻ hồi nhỏ học chậm rồi tới một tuổi nào đó đột nhiên hóa ra thông minh, và ngược lại cũng có một số trẻ hồi nhỏ thông minh mà lớn lên học lại kém. Vâng, những trường hợp như vậy vẫn xảy ra nhưng cứ theo những thống kê của các nhà tâm lý học như Terman thì những trường hợp đó chỉ là lệ ngoại, hiếm thấy, bình thường thì thương số trí năng lớn lên không thay đổi quá 5 0/0 (coi *Bách khoa số* 127).

Vả lại chúng tôi đã nghĩ đến thiếu số đó cho nên ở những trang trên, ngay cả ở trên lược đồ dự án nữa, chúng tôi đã đưa ra một đề nghị uyển chuyển: bắt kỳ trong niên khóa nào ở tiểu học cũng như ở trung học, một trẻ xuất sắc ở các lớp C có thể chuyển qua các lớp B, một trẻ xuất sắc ở các lớp B cũng có thể chuyển qua các lớp A; ngược lại những trẻ đương ở các lớp A hoặc B mà tỏ ra rằng thông minh kém thì cũng phải chuyển qua các lớp B hoặc C. Quy tắc của chúng tôi là luôn luôn dạy trẻ tùy theo trình độ tinh thần của chúng. Xin độc giả nhớ kỹ điều đó.

Sự phân biệt ra ba hạng trẻ như vậy có thể làm cho một số phụ huynh học sinh bất bình. Ở Pháp khi ông Binet dùng phương pháp trắc nghiệm để lựa những trẻ « kém thông minh » cho học một lớp riêng, nhiều phụ huynh cũng không bằng lòng — làm cha mẹ ai mà không có lòng tự ái? — nhưng rồi lần lần họ phải nhận rằng con cái họ được săn sóc riêng, được dạy dỗ đúng theo trình độ tinh thần của chúng thì chỉ có lợi cho chúng: học tấn tới hơn, đỡ bị rầy máng một cách vô lý, vui vẻ hơn, vì khỏi phải học chung với những trẻ thông minh gấp bốn gấp năm chúng, và sau này học được một nghề hợp với khả năng hơn. Và hiện nay không còn ai không vui vẻ nhận rằng hễ trẻ « kém thông minh » thì phải cho học riêng. Chúng ta phải giảng cho các vị phụ huynh hiểu rằng nên tìm hạnh phúc cho trẻ chứ không nên bắt chúng phải làm thỏa mãn lòng tự ái của mình; có bắt chúng như vậy thì chỉ khổ chúng mà kết quả cũng không đi tới đâu.

Sau cùng một số độc giả có thể trách chúng tôi là « bàn để mà chơi », vì ngay ở Âu, Mỹ người ta còn chưa thực hành được thì ở nước mình đưa đề nghị đó ra làm gì cho phí giấy mực. Trong *Bách khoa số* 127, chúng tôi đã thừa rằng ở Mỹ, Đức, Nhật tuy chính sách phân biệt ra ba hạng trẻ như trên chưa được áp dụng ở khắp các trường, nhưng cũng đã được đem thí nghiệm ở nhiều trường và kết quả luôn luôn khả quan. Chúng tôi nghĩ rằng hiện nay các nước văn minh còn phải lo chể tạo những vô khí, lo cải thiện mực sống của các giới cần lao... nên chưa đặc biệt chú trọng đến vấn đề giáo

PHẢI MẠNH BẠO CẢI TỐ NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

dục, nhưng sau này thế nào người ta cũng phải đi tới chính sách phân biệt đó. Ở nước nhà cũng nên thử áp dụng trong những đô thị lớn để rút kinh nghiệm xem sao, và nếu có thử ngay đi thì cũng đã là đi sau người chứ không phải là đi trước người đâu. Và lời bàn của chúng tôi, nếu quả thực chỉ là « để mà chơi », thì cũng không phải là hoàn toàn vô dụng: độc giả chắc còn nhớ rằng nếu không có những lời « bàn để mà chơi » của J. J. Rousseau, của Pestalozzi, của John Dewey, vân vân... thì chắc ngày nay Sài-gòn vẫn chưa có lớp Mẫu giáo, một Vườn trẻ nào. Huống hồ quy tắc chúng tôi đưa ra chẳng có gì là mới cả, nhiều nhà giáo dục và tâm lý

Âu, Mỹ đã bàn đến nó từ thế kỷ trước rồi. (1)

(1) Chúng tôi mới được đọc bài : « Xin thận trọng trong cách thức mới để xếp học sinh lên lớp ở Tiểu học » (Tự Do ngày 13-5-62) thấy Bộ Quốc Gia Giáo Dục cũng đã bắt đầu lưu tâm tới sự phân biệt nhiều hạng học sinh ; lại thấy đề nghị của tác giả bài đó cũng không khác đề nghị của chúng tôi là mấy.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(còn tiếp)

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt-Nam » ở số trước (B.K. 129) ; trang 31 cột bên mặt, hàng 13 đếm từ dưới lên xin đọc : « École Nationale des Ponts et Chaussées ».

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

MARCEL,

Trần-Hương-Tiê

Hiện-sinh và Huyền-nhiệm

(xem từ B. K. số 129)

Trong bài trước, về *Hiện-sinh và Hiện-hữu*, chúng ta đã nhận thấy rằng, đối với Marcel, thì *Hiện-sinh* là *Hiện-hữu*. *Hiện-sinh* không phải là *Chiếm-hữu*, cho nên tất cả những gì có tính-chất lâm-lĩ, thụ-động và tĩnh-chỉ, đều rất tai hại cho nhân-vị con người. Thụ-động và tĩnh-chỉ là đặc-điểm của *sự vật* và những cái mà ta có thể khách-thể-hóa. Và đó cũng là những cái mà chúng ta có thể *chiếm-hữu* : thành thử luôn luôn có mối tương-quan nhất-thiết giữa *Sự vật* và *Chiếm-hữu*, và ngược lại, giữa *Chiếm-hữu* và

Sự vật. Chỉ có những *sự vật* mới bất-động và rắn chắc để có thể chuyển từ nơi này qua nơi khác, từ tay chủ này qua tay chủ khác ; và ngược lại, mỗi khi ta *Chiếm-hữu*, thì ta coi đối-tượng của sự *chiếm-hữu* đó như một *sự vật* : trong trường-hợp đó, chúng ta có thể coi người yêu, coi dĩ-vãng của ta, coi những kiến-thức của ta như những *sở-hữu* của ta. Còn gì cứng đờng và đáng gọi là *Sự-vật* bằng những *sở-hữu* ? Cho nên chúng ta không lạ gì khi thấy Marcel chủ-trương *Chiếm-hữu* là quy-chế *sự*

vật, và Hiện-hữu là cách sống của con người, của Hiện-sinh. Hiện-sinh là Hiện-hữu. Hiện-sinh là sống như Chủ-thể, tránh cách sống thụ-động và an-hưởng, vì tinh-chỉ là quy-chế của vật-thể.

Hôm nay, với chủ-đề *Hiện-hữu* và *Huyền-nhiệm*, chúng ta sẽ cùng với Marcel bước vào những vấn-đề then-chốt nhất của triết-học : nhân-vị, tha-nhân, Thượng-đế. Để dễ nhớ và dễ theo dõi tư-tưởng của Marcel, chúng ta cần nhận-định ngay rằng : chữ *Huyền-nhiệm* của Marcel không có tính-chất tôn-giáo, nhưng có tính-chất triết-học. Nói một cách tổng quát, tất cả những gì không thể xác-định và không thể khách-thể-hóa được, đều là những huyền-nhiệm. Như vậy, huyền-nhiệm không phải là đối-tượng của một tri-thức hay một suy-tưởng, nhưng huyền-nhiệm là đối-tượng của một tin-tưởng. Nhờ suy-tưởng, chúng ta có thể đạt được những ý-tưởng rõ ràng, những nội-dung khúc - chiết : những tri-thức khoa-học là bằng-chứng cụ-thể của những loại suy-tưởng khách-quan này. Tri-thức khoa-học có tính-chất phổ-quát, nhất-thiết và khách-quan : thí dụ 2 với 2 là 4, tổng-hợp hai H và một O sẽ có nước là v.v.. Những tri-thức này không có chi huyền-nhiệm hết, và một khi con người đã khám phá ra những tri-thức đó, thì có thể dạy cho người khác và truyền lại cho hậu lai. Marcel gọi những tri-thức này là tri-thức của con người : đó là những *sở-hữu* của con người. Lĩnh-vực của tri-thức khoa-học là lãnh-vực mà con người là chủ : con người khám phá những định-luật của vũ-trụ vạn vật, nhờ đó con người càng ngày càng mở rộng quyền bá-chủ của mình trên thiên-nhiên. Vũ-trụ

là khách - thể, là đối-vật, cho nên vũ-trụ được cai - trị bởi những định - luật chặt chẽ, những định - luật mà khoa-học thực-nghiệm đã diễn tả bằng những công - thức bất di - dịch. Trái lại, sinh-hoạt của con người là một cái chi không thể khách-thể-hóa được. Con người là chủ-thể ; chủ-thể và khách-thể là hai thực-tại đối-lập nhau ; nếu ta nói chúng khác nhau một trời một vực, thì vẫn chưa nói lên được sự khác biệt thực sự của chúng. Muốn nói cho đúng, có lẽ phải gọi chủ-thể và sự vật là hai thể giới : thể giới tinh-thần và thể giới vật-chất. Nói đến vũ-trụ vật-chất càng dễ bao nhiêu, thì nói đến thể giới tinh-thần lại càng khó bấy nhiêu, cho nên Marcel đã dùng tới chữ *Huyền-nhiệm* để diễn tả thứ tri-thức mà ta có về nhân-vị con người, về tha-nhân và về Thượng-đế.

Trước khi đi sâu vào tư-tưởng của Marcel về ba đề-tài chủ chốt đó, chúng ta nên hiểu cho chắc thể nào là một *Huyền-nhiệm*. Dĩ nhiên Marcel không thể định nghĩa cho ta nghe về *Huyền-nhiệm*, vì bản-tính của *Huyền-nhiệm* là vượt qua tất cả những câu định nghĩa ta có thể đưa ra ; thành thử Marcel buộc lòng phải dùng cách so sánh. Ông đã so sánh *Huyền-nhiệm* với *Vấn-đề*. Và đây là đại ý một đoạn then chốt của ông trong cuốn *Position et Approches concrètes du Mystère ontologique* (Lập-trường và những gần gũi cụ-thể của *Huyền-nhiệm hữu-thể*) :

« Tôi không thể đặt *vấn-đề* Vũ-trụ, vì
« đặt *vấn-đề* bao giờ cũng có nghĩa là
« ném một đối-tượng về phía trước mặt
« ta. Như thế *vấn-đề* không phải là tôi ;
« nó chỉ là cái chi tôi đặt ra trước mặt

« tôi. Đã vậy, tôi không thể đặt vấn-đề
 « Vũ-trụ, vì tôi không thể ném vũ-trụ về
 « phía trước mặt tôi : thực sự Vũ-trụ
 « đang bao quanh tôi, đang trước và đang
 « sau tôi, hơn nữa tôi là thành phần của
 « Vũ-trụ : Vũ-trụ thâm nhập vào tận
 « xương tủy tôi, vào tận tâm tư tôi.
 « Thành thử khi đặt Vũ-trụ làm vấn-đề
 « như người ta thấy nơi những học thuyết
 « Duy-trí, chúng ta đã làm một việc phi
 « lý ».

Như thế, bản-tính của vấn-đề là có thể được ta đặt ra trước mắt : nội dung của vấn-đề là cái chi không phải là ta, là cái chi hoàn toàn ở ngoài ta. Rồi bản-tính của vấn-đề còn là : có phạm-vi rõ rệt, định-hình. Người ta chỉ giải-quyết được vấn-đề khi đã xác-định được nó : cũng vì thế, người ta thường nói : « Đặt xong vấn-đề là đã bắt đầu giải-quyết rồi đó ». Thực vậy, đặt được vấn-đề cho đúng cách tức là đã tìm ra hướng đi để giải-quyết vấn-đề đó. Nhiều buổi hội, người ta cãi vã lâu từng mấy giờ mà không quyết-nghị được điều chi, chỉ vì người ta không vạch rõ được vấn-đề : người ta tranh luận mà không biết vấn-đề đó là vấn-đề chi, nghĩa là người ta không am-tường cái điều làm chúng ta phải hội nhau lại để suy-tính bây giờ đây. Vậy bản-tính của vấn-đề là có thể thu hẹp trong một phạm-vi rõ rệt. Trái lại bản-tính của Huyền-nhiệm là vượt ra ngoài tất cả các phạm-vi, và nhất là tôi không thể đặt nó ra trước mặt tôi : trên đây, Marcel đã lấy thí dụ về Vũ-trụ ; tôi không thể đặt Vũ-trụ làm vấn-đề, vì Vũ-trụ ở cả đang trước và đang sau tôi, ở cả trên và dưới tôi, và còn ở cả trong thâm tâm tôi nữa. Tại sao Vũ-trụ lại ở trong thâm tâm

tôi ? Thưa vì như Kant đã nói : « Ta có thể có ý thức thuần-túy, nhưng ý-thức đó chỉ là ý-thức trơn, ý-thức rỗng. Hễ tôi có ý-thức về cái chi, thì lập tức ý-thức liền trở thành ý-thức về vũ-trụ, bởi vì tất cả những cái mà tôi ý-thức như thế, đều là những cái gì trong Vũ-trụ. « Như vậy, vũ trụ quán lấy tôi trong ngoài, cho nên tôi không thể ném vũ trụ ra trước mắt để đặt nó thành vấn đề. Không là vấn-đề thì Vũ trụ là gì đối với tôi ? Thưa là một Huyền-nhiệm. Vì không thể trực tiếp trình bày cho ta thấy bản-tính của Huyền-nhiệm, Marcel đã phải dùng cách gián-tiếp là so sánh Huyền-nhiệm với Vấn-đề, đồng thời triết-nhân vạch cho ta thấy hai thực-tại đó có bản-tính trái ngược nhau : Vấn-đề có chu-vi rõ rệt, còn Huyền-nhiệm thì vượt ra ngoài tất cả các giới-hạn ; Vấn-đề là cái ta ném về phía trước mặt, còn Huyền-nhiệm là cái bao vây ta trong ngoài, đang trước và đang sau ; Vấn-đề là cái ta có thể xác định trong một cái nhìn hoặc trong một câu định-nghĩa, còn Huyền-nhiệm thì không thể xác-định được vì quá bao la như trời bể. Tóm lại, Sự vật có bản tính định-hình, cho nên ta có thể định nghĩa nó, và *chiếm-hữu* nó như một sở-hữu, còn Hiện-hữu tức Hiện-sinh thì có bản-tính *động* và *tiến*, cho nên ta không thể xác-định nó mà không làm nó biến-thể và mất đặc-tính của nó. Vì Hiện-hữu không sinh-hoạt theo quy-chế tĩnh của sự vật, cho nên ta không thể đặt Hiện-hữu thành vấn đề và cũng không thể đưa ra những định-nghĩa về Hữu-thể ; nói cách khác, *Hiện-hữu là một thực-tại huyền-nhiệm*.

Dưới đây, chúng ta lần lượt xem qua ba thực-tại huyền-nhiệm mà Marcel đã nhiều lần bàn tới.

A. Hiện-sinh nhân-vị. Marcel nhắc đi

nhắc lại rằng: «Nhưng cái tôi có đều là những sở-hữu của tôi. Như vậy chúng không phải là tôi, và tất nhiên tôi càng không phải là chúng.» Sau khi đã làm quen với tư-tưởng của Marcel, người ta thấy hình như tất cả nền triết-học của ông đã xây trên hai phạm trù Hiện-hữu và Chiếm-hữu (Être et avoir). Hiện-hữu và Chiếm-hữu là hai thực-tại đối lập nhau; tuy nhiên con người chưa vươn tới Hiện-sinh thường lẫn lộn hai thực-tại đó một cách vô cùng tai hại: chẳng hạn những kẻ hãnh-diện vì giàu sang và lấy tiền tài làm giá trị nhân-bản của mình. Những kẻ này tự đồng-hóa mình với tiền tài là những sự vật: họ đã đồng-hóa mình với những sở-hữu của họ; những sở-hữu này càng dễ tiện bao nhiêu, thì họ càng trở thành những người dễ tiện bấy nhiêu. Họ không có một chút giá trị tinh-thần nào hết; họ chưa vươn tới Hiện-hữu; họ vẫn sa lầy trong Chiếm-hữu. Trong một xã-hội chợ cniều, thì ai càng gian hùng càng được kính nể, và thiên hạ thường đánh giá con người theo tiền lương tháng hoặc chiếc xe hơi, những giá-trị tinh-thần như Công bằng và Bác-ái, Nhân-nghĩa và Trung-tín chỉ còn là những kỷ niệm nhợt nhạt của thời xưa. Những xã-hội như thế hơn kém chỉ là những đoàn người chưa bỏ được tính dã-thú của mình: người La-Mã xưa có câu « *Homo homini lupus, người với người như lang với sói* ». Bao lâu con người còn lấy những giá-trị vật-chất làm chủ-đích hành-vi và sinh-hoạt của mình, thì chúng ta vẫn chưa có quyền hy-vọng sống trong những xã-hội nhân-đạo hơn.

Để chống lại sức tàn-phá của con người đối với những giá-trị nhân-bản, không những Marcel đã viết cuốn « *Les hommes contre l'humain* » (Người ta chống lại những gì là nhân-đạo), ông còn luôn luôn thét vào tai con người rằng: «Chức-vị, tiền-tài và cả những ý-tưởng hay của ta, thấy đều là những sở-hữu của ta. Ta có thể dùng chúng, và ta cũng có thể bị chúng dùng ta, nghĩa là biến ta thành nô-lệ chúng. Khi ta tự đồng-hóa mình với chúng, thì ta liền trở thành sự vật như chúng ». Còn gì quý bằng kỹ-thuật, nhưng cũng không gì vô-nhân-đạo bằng kỹ-thuật: khi ta dùng kỹ-thuật để biến-chế các tài-nguyên hầu phụng-sự con người, thì khi đó kỹ-thuật giúp ích cho con người; còn khi con người nô-lệ vào những sản-phẩm của kỹ-thuật đến nỗi trở thành một người máy đứng trong đồng máy, hơn nữa, nếu ta cơ-giới-hóa những bang-giao của gia-đình và xã-hội, thì khi đó kỹ-thuật đã giết chết nhân-đạo, giết chết những gì là tinh-hoa nơi con người: khi đó con người chỉ còn là một cơ-năng sản-xuất, một bộ máy sản xuất, như ta thấy nơi những nước Cộng sản ngày nay.

Hiện-hữu khác Chiếm-hữu. Con người khác sự vật. Nhưng khác nhau ở điểm nào nhất? Marcel thường nhấn mạnh về hai đặc-điểm của Hiện-sinh: tự-do và định-mệnh. Và đó là hai điểm làm con người khác sự vật, và làm cho một người đã vươn tới Hiện-sinh khác một người sống trong tình-trạng sự vật.

Tự-do — Ai cũng dễ thấy đây là quan điểm chung cho tất cả các triết-gia hiện-đại: coi tự-do tính là yếu-tính của con

người. Trong khi triết-học cổ-truyền thường định-nghĩa con người là « con vật có lý-trí », thì triết-học ngày nay lại coi lý-trí mới chỉ là kiện-tính (facticité) của con người mà thôi, lý-trí chưa phải là cái làm cho tôi là tôi và anh là anh. Lý-trí là cái chi có chung cho mọi người ; hơn nữa lý-trí không phải là giá-trị căn-bản của nhân-vị : thiếu chi những kẻ « thượng trí », thông minh và giáo-quyết, vậy mà những kẻ đó ăn ở ngang tàng và gian ác gấp trăm lần những người quê mùa thất học. Đáng khác, triết-học hiện-đại coi lý-trí là kiện-tính, thì có ý nhấn mạnh rằng đó không phải là cái làm nên *nhân-cách* của mỗi người chúng ta : kiện-tính là cái ta nhận được *do Trời cho không* ta ; nhân-cách mới thực là cái *do ta làm ra* nhờ cái vốn mà Trời phú bẩm cho mỗi người, cho nên tự-do (*do chính ta làm*) mới thực là thước đo giá trị nhân-bản của con người. Nhưng tự-do là gì ?

Ngoài những nét mà Marcel có chung với các triết-gia khác, và chúng tôi đã trình bày tổng quát ngay từ đầu loạt bài này (B. K. số 114), Marcel còn lưu ý chúng ta về mấy đặc-điểm sau đây của một tự-do đích-thực. Trước hết Marcel đã tự đặt câu hỏi : « Tự-do có phải là muốn làm chi thì làm không ? » Thoạt tiên, ai cũng nghĩ tự-do là được làm mọi sự như ý mình. Marcel cũng không chối điều đó : theo ông, con người bị ràng buộc bởi những nhu-cầu sinh-lý, xã-hội và tinh thần ; bao lâu con người còn sống trong sự thiếu thốn, bị căng thẳng bởi những đòi hỏi chính đáng, thì con người vẫn chưa được « thông dong », và vẫn luôn luôn bị giầy vò bởi những lo nghĩ

sinh-sống. Tuy nhiên, Marcel vội nói ngay : thỏa mãn những nhu-cầu, dầu là những nhu-cầu rất chính-đáng, mới chỉ là một thứ tự-do tiêu-cực, tự-do của con người được thả ra khỏi tù. Đúng thế, những nhu-cầu kia giống như trăm ngàn thúc-bách luôn luôn hành hạ ta : sự hành hạ này đôi khi đi tới mức « những suy-tính thường xuyên » làm cho ta hình như chỉ sống để lo những công việc đó, và không còn thời giờ để lo tới ý-nghĩa đời sống của ta nữa (Heidegger). Marcel nhấn mạnh đến trường hợp những người nhân-danh tự-do để hành-động bạt mạng : những người này không tự-do chút nào ; họ hoàn toàn sống dưới sức thúc đẩy của những bản năng và những dục-vọng ; họ không đủ tự-chủ để xử dụng sức thúc đẩy của hoàn cảnh, nhưng họ đã bị hoàn cảnh chi-phối và thúc đẩy.

Vậy tự-do không phải là « muốn làm chi thì làm ».

Tự-do có phải là « tôi có toàn quyền quyết-định và xử dụng bản-thân tôi ? » Không thiếu triết-gia như Sartre đã nghĩ như thế ; còn Marcel, với những suy-nghĩ thận trọng về hai phạm-trù Hiện-hữu và Chiếm-hữu, đã từ chối cách nhìn đó. Theo ông, khi con người « xử dụng » cuộc đời mình, « xử dụng » bản-thân mình, thì con người sống hoàn toàn bằng phạm-trù Chiếm-hữu : khi đó con người coi bản-thân mình như một sự vật, và như vậy thì còn gì có tự-do ? Tự-do là đặc-tính của con người hiện-sinh, tức con người nhận mình là chủ-thể tinh-thần, khác xa những sự vật. Cho nên khi tôi dùng tài-nghệ của tôi để phụng sự một Đoàn thể, một Chủ-nghĩa v. v. đến nỗi

bỏ quên bản-thân và *định mệnh* của tôi, thì khi đó tôi tự phản bội mình ; và đã tự-phản bội, thì sự phục vụ của tôi cũng chỉ là một phản bội đối với những người mà tôi phục vụ. Marcel đã giải-nghĩa tỉ mỉ như sau : một người dám « xử dụng » cuộc đời của mình như xử dụng một món tiền, người đó đã vật-thể-hóa bản thân họ. Họ đã coi bản thân họ như có thể đánh giá bằng những giá-trị vật-chất và tinh-thần, trong khi thực sự bản-thân ta vượt trên tất cả mọi giá-trị vật-chất và tinh-thần. Những giá-trị, dầu là giá-trị tinh-thần, đều thuộc loại *sở-hữu* (đã nói « giá-trị » tức phải hiểu giá-trị của cái gì và giá-trị bằng nào. Thành thử khi ta đánh giá con người, vô tình ta đã coi họ như những sự vật rồi đó. Và khi ta coi bản-thân ta như có thể đánh giá được, thì ta đã tự coi mình như sự vật : ta là chủ-thể *đánh* giá, chứ không phải là vật *chịu* đánh giá). — Tóm lại, cả hai loại người trên đây, loại người coi tự-do là « muốn làm chi thì làm » và loại người dám « xử dụng » bản-thân và định mệnh của mình, cả hai loại người đó đều mới chỉ sống như những sự vật. Họ sống bằng Chiếm-hữu. Họ chưa Hiện-hữu. Chưa Hiện-hữu, họ chưa thực sự tự-do.

Tự-do đích-thực là gì ?

Marcel trở lại vấn đề những giá-trị, và ông viết : Giá-trị là như hình dáng sự vật ; giá-trị chưa phải là hữu-thể, nhưng chỉ là một lộ diện của hữu-thể mà thôi, cũng như những thái độ và những tấm hình chưa phải là chủ-thể-tính, nhưng mới chỉ là những biểu-lộ của một chủ-thể, của một con người. « Thật đấy, chúng

ta sẽ phản-bội và đánh rơi mất thực chất của giá-trị, nếu chúng ta tách giá-trị ra khỏi hành-vi đã hun đúc và cấu-tạo nên nó. » (TROISFONTAINES, Op cit. p. 312). Nói thế nghĩa là khi giá-trị còn gắn liền với chủ-thể như hoa đang nở trên cành, và như tư-tưởng đang thành hình nơi hành-động của tâm-linh, thì đó là giá-trị *sống*, giá-trị hiện-sinh và nhân-bản ; trái lại, khi ta coi giá-trị như một cái chi độc-lập, mô-phạm, điển-hình, cứng đống, thì khi đó giá-trị không còn đứng trong lãnh-vực Hiện-hữu nữa, nhưng đã rơi xuống hàng *sở-hữu* mà mỗi người có thể *chiếm-hữu* như chúng ta chiếm-hữu khu nhà, mảnh vườn, món tiền v. v.

Vậy tự-do đích-thực là hành-vi *sáng-tạo* của con người hiện-sinh. Người tự-do là người tự tìm lấy đường mà đi, — hoặc đảm-nhận lấy con đường đạo-lý của tiền-nhân làm con đường của mình, sau khi đã suy-nghĩ và nhận xét kỹ càng. Không phải ai cũng có khả năng tìm ra một cách sống thích-hợp với địa vị cao quý của con người, nhưng ai cũng có thể và *phải* sống tự-do và tự-chủ, nếu không thì không đáng gọi là người. Vấn-đề đảm-nhận trên đây có thể thực hiện hai cách khác nhau : cách của Marcel và cách của Sartre. Sartre cho rằng : mỗi người đều tuyệt-đối tự-do ; tự-do là tự chọn, và tôi có quyền muốn chọn thế nào thì chọn ; hơn nữa, sau khi đã chọn thế này rồi, mai kia tôi lại có quyền phủ-nhận cách chọn đó để chọn khác hẳn đi. Sự chọn của Sartre tỏ ra hoàn toàn không cần lý-do (*gratuit*). Nói cách khác, theo Sartre, sự chọn bao giờ cũng phi-lý, nghĩa là chẳng có lý nào hết : khi tôi nghĩ đến lý, thì thực sự tôi đã chọn rồi, và những

lý tôi đưa ra để biện-minh cho sự chọn kia, chẳng qua chỉ là những lẽ đến sau sự chọn. Tóm lại, theo Sartre, chính sự chọn của tôi đã đặt giá-trị cho sự vật : *cái nó tốt, chỉ vì tôi đã chọn nó, chứ không phải tôi chọn nó vì nó tốt*. Marcel đã phê bình gay gắt lập trường này của Sartre. Thực ra lập trường của Marcel có trước, và lập trường đó là một suy-nghĩ thăm thía cho những ai theo Sartre.

Chống lại tư-tưởng trên đây của Sartre, Marcel chủ-trương rằng « không gì phá hoại giá-trị con người bằng tư-tưởng của mấy triết-gia thời mới : các ông này không truy-nhận một tương-quan nào giữa Giá-trị và Hữu-thể hết, và các ông đã biến Hữu-thể thành một cái đầu-lâu không hồn ». (Etre et Avoir, page 330). Như vậy, theo Marcel, con người hiện-sinh là con người tự-do, và tự-do là sáng-tạo. Nhưng sáng tạo *chung tay với Tạo-hóa và trong niềm thông-hiệp với Ngài*. Ta không tự tạo nên ta ; ta không có quyền phủ-nhận Lịch-sử, phủ-nhận văn-hóa ngàn năm của dân-tộc và của nhân loại, nhất là tôi không có quyền coi mình tôi như chúa-tể sáng-tạo ra một thế giới mới. Tôi không có quyền tự coi mình như Nguyên-thủy của một kỷ nguyên mới : chính những ý-tưởng điên-rồ đó của một trào-lưu hiện-sinh rẻ tiền đã xô đẩy thanh thiếu niên tới chỗ sống lơ lửng, ngang tàng, phá hoại. Họ muốn « sáng tạo », nhưng « sáng tạo » của họ là những lập dị và những đảo lộn tai quái. Họ muốn tỏ ra có hành-động, vì hiện-sinh là chủ-động và hành-động, nhưng những « hành động » của họ là những hành-vi gàn dở, liều lĩnh, phá hoại, bất chấp luân thường đạo lý.

Dẫu sao, chúng ta cũng phải công nhận rằng quan-niệm về Chọn và Tự chọn của Sartre mang nhiều sức quyến rũ đối với con người và riêng thanh thiếu niên. Marcel cũng nhận là quan-niệm đó của Sartre có đôi chút căn-bản hiện-sinh : sự chọn và tự định-đoạt làm cho con người thoát ra khỏi tình trạng thụ-động ; chọn là hành-động và nắm được chủ-động ; tuy nhiên sự Chọn của Sartre đi tới quá trớn và phi lý. Marcel cũng ưa dùng chữ Chọn, nhưng chọn đây là *tự chọn trong mỗi hoàn cảnh cụ-thể* (*Journal Métaph.* p. 119). Để nói hết ý nghĩ của ông về vấn-đề này, Marcel đã không ngần ngại viết : « Khi tôi yêu, tôi có *chọn* yêu như thế không ? Tự-do không phải là *chọn* đấy ư ? Thực ra phải phân biệt tự-do và chọn. Nhưng phân biệt thế nào, đó chính là chỗ khó khăn ». (*Journal Métaphys.* p. 228). Và Marcel đã lấy một thí dụ để giải-nghĩa : khi tôi yêu, tôi thấy yêu thế là đúng ; tôi không thể nghĩ khác được ; khi đó tôi *là* cách yêu đó, và tôi không thể đứng ngoài để ngó xem tôi yêu như vậy ; nhưng sau đó, tôi có thể thấy tình yêu kia chưa đích-thực ; tôi thấy tình yêu kia chưa đúng nghĩa nhân-vị, chưa coi người yêu của tôi hoàn toàn đồng quyền và đồng hàng với tôi, phải được tôi kính yêu cũng như tôi được yêu kính. Như vậy tình yêu lúc trước đó là một hành-vi, một cách yêu đã được tôi *chọn* : khi đó tôi coi cách đó là hơn cả, nhưng hôm nay, khi tiến thêm trên đường triết-lý nhân-bản, tôi nhận thấy rằng cách đó chưa lột được tình yêu đích-thực : vậy tình yêu đích-thực ở đâu ? Tình đó chưa ở cách yêu trước đây của tôi ; đang có thể ở trong cách

yêu hôm nay, nhưng tôi biết rằng mai ngày tôi sẽ còn tiến xa thêm và sẽ thấy những miền xa lạ mở ra trước mắt tôi, và bản-tính của Tình Yêu không thể gói gọn trong những cái nhìn phiến diện của tôi. Thành thử về Tình Yêu, cũng như về tất cả những giá-trị khác, con người không phải là mực thước cho mình, nhưng con người phải ước-mình trên Mực thước cao-cả là Thượng-đế. Con người sẽ tìm thấy tự-do đích-thực và cách sống toàn thiện khi con người cộng tác với Ý Trời để phát triển đầy đủ các khả-năng của mình, hòng thể-hiện cuộc hiện-sinh của mình một cách tuyệt-mỹ.

Kết luận, tự-do chỉ phát triển trong lãnh-vực Hiện-hữu mà thôi, không ở trong lãnh-vực những quan-niệm hoặc những

giá-trị hình-thức. Tự-do là cái chỉ tinh-túy nhất của con người, nên nó không phải là một giá trị, không phải là một sở-hữu. Tự-do là *hiện-hữu* : trong tự-do, ta không gặp những sự vật, nhưng chỉ gặp tha-nhân và gặp Thượng-đế. Ta không gặp những sự vật, vì sự vật không biết đối-thoại với ta ; cho nên đối với sự vật, ta chỉ sống *giữa* chúng mà thôi : chúng là vũ-trụ của ta, nơi ta đứng và chỗ ta sinh-hoạt. Vì tự do là *hiện-hữu* và *sinh-hoạt*, cho nên ta phải bàn qua về những người mà ta sinh-hoạt *với* : đó là ha-nhân và Thượng-đế.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Ký tới : Tha-nhân — Thượng-Đế.

Tất cả các bạn ưa đọc sách cũng như lười đọc sách đều tìm đọc

TIN SÁCH

Đã phát - hành số 4/1962

Nội dung gồm có :

1.— Cô THU-LIỀU giới-thiệu Carl Sandburg — Bà THU-VÂN thanh-minh đôi lời.

2.— Phần điểm sách : NHẬT-ANH đọc Đường vào Tình Sử — NGUYỄN-NGU-Í đọc Nhớ thương — NGUYỄN-TẠO-LÂM đọc *Une Philosophie pour la Jeunesse d'Aujourd'hui* — THU-TRUNG đọc Giã Từ.

3.— Giới-thiệu tất cả các sách mới trong tháng.

Độc-giả ở xa, muốn nhận được số báo này :
Xin gửi 10\$00 tem thư để tên ông TRẦN-ĐÌNH-TÌNH,
Quản-nhiệm, Số 38, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

nguồn lợi của đại-dương

TRỊNH-THIÊN-TỬ

TRONG vài chục năm gần đây, nhờ sự tiên-triển nhanh chóng của khoa vật-lý-học, văn-đề thám-hiểm không-gian đã được tiến xa trong khi những hiện-tượng xảy ra ngay ở trái đất và đặc-biệt trong đại-dương, chưa được hiểu biết tường-tận, nếu không nói còn trong thời kỳ ấu-trĩ so với nhiều lãnh vực khác.

Hiện giờ, người ta chưa hiểu rõ hình thể đáy biển bằng hình thể mặt trăng mặc-dẫu đại-dương trực-tiếp ảnh hưởng đến đời sống thường nhật của toàn-thể nhân-loại, cung-cấp cho chúng ta một kho thực-phẩm vô-tận, một nguồn năng-lực có nhiều hứa hẹn và là một nhà băng kim-loại, kể cả kim-loại quý như vàng bạc, giàu như thế-giới.

Nhiều nhà khoa-học đã lớn tiếng kêu gọi loài người nên dành lại một

ít kinh phí trong chương-trình thí đua đưa người lên gặp Chì Hằng để tìm hiểu rõ ràng nơi mình đang sống hầu giúp cho nhân loại, trong tương lai, có thể chống lại các thiên tai từ ngàn đời : động-đất, sóng thần v.v... ; giải-quyết văn-đề thực phẩm đang cần cho nhu-cầu của dân-số mỗi ngày mỗi tăng và sau hết, tìm cách khai thác các nguồn năng-lực sẵn có trong đại-dương.

Hiện giờ, đại-dương có thể cung cấp cho nhân-loại các nguồn-lợi gì, tác-giả sẽ trình bày một cách rất sơ-lược dưới đây.

A. — Nguồn lợi về thực-phẩm.

Từ xưa, người ta đã biết lợi dụng các sinh-vật trong đại-dương để làm thực-phẩm. Nhiều dân-tộc đã biết ăn rong biển. Lợi ích của đại-dương khi



Nhà máy khai thác magnésium trong nước biển

khoa-học chưa tiên-triển, có thể nói không ra ngoài lãnh vực thực-phẩm. Đền hiện tại, với sự gia-tăng dân-số quá nhanh chóng, người ta cảm thấy cần và chỉ có thể tìm thêm thực-phẩm ở đại-dương, ngoài phần đất nhỏ hẹp đầy núi cao rừng rậm hay sa mạc hoang vu. Đại-dương còn cung cấp cho loài người một nhu-cầu tối cần khác và ít được để ý đến là nước ngọt. Hiện giờ ở nhiều vùng như các ốc đảo ở Thái Bình-Dương, trên các chiến hạm và nhứt là ở các trung-tâm dầu hỏa, vấn-đề chế-biến nước ngọt từ đại-dương đã quan trọng số một. Hoa-Kỳ đã bỏ ra một ngân sách lớn lao để thiết lập các nhà máy biến chế ra nước ngọt cung cấp cho nhiều tiểu bang, trong đó vùng Texas quan trọng hơn cả. Có rất nhiều phương pháp điều chế nước biển thành nước ngọt, nhưng phần nhiều đều bắt

chước thiên nhiên : đun nóng cho bốc hơi hay làm đông đặc. Phương pháp sau ít tốn kém nhưng còn chứa nhiều muối. Người ta cũng có thể dùng phương pháp điện-giải, lọc trong các bình mịn, cho rong hút bớt chất mặn v. v... Trong tương-lai, khi nước ngọt có được từ đại-dương, tiến sâu vào các vùng sa mạc hiện còn cằn cỗi, các miền này sẽ trở nên trù phú.

Nguồn lợi về hải-vật khai thác nhiều nhứt và quan trọng nhứt trong đại-dương là cá. Trong những năm gần đây, ngành ngư nghiệp đã tiên triển vượt bậc : số cá đánh được năm 1954 chỉ vào khoảng 24 triệu đã gia tăng lên 40 triệu trong năm 1960 và người ta hy vọng con số này sẽ tăng lên đến 60 triệu trong vài năm nữa. Tuy đã có sự gia tăng đến

150%, nhưng các chuyên viên về ngư-nghiệp của cơ quan Lương Nông Quốc-tê (FAO) vẫn chưa thỏa mãn và còn cho rằng người ta có thể khai thác nhiều hơn với các nhận xét sau đây :

— Sò cá hiện khai thác được đa số (75%) nằm ở Bắc Bán cầu trong khi ở Nam Bán cầu, diện tích biển nhiều hơn. Người ta chưa khai thác cá đúng mức ở vùng này.

— Nhiều đoàn cá di chuyển dưới sâu chưa được khám phá.

— Đánh cá chưa có phương pháp, kỹ thuật chưa được canh-tân v. v...

Ngoài cá, đại-dương còn chứa nhiều hải-vật khác như cua, tôm, ốc, mực. Ngày trước người ta không nghĩ đến các nguồn lợi này vì chưa khám phá ra được sự sinh sống từng bầy của chúng nhưng từ ngày tìm thấy vô số tôm ở vịnh Mễ-Tây-Cơ và vô số cua ở eo biển Bering, người ta chú trọng đặc biệt đến các hải-vật kể trên.

Phiêu-sinh-vật, tức những động và thực vật nhỏ sống lơ lửng theo dòng nước, cũng cho loài người một nguồn lợi đáng kể. Người ta có thể ăn phiêu-sinh-vật trừ cơm trong một thời gian ngắn. Người ta cũng có thể dùng phiêu-sinh như một món ăn thường. Văn-đề nghiên cứu về phiêu-sinh-vật đang được xúc tiến ở nhiều quốc gia, một phần vì lý do chúng đứng trung-gian giữa chất bổ dưỡng và số lượng cá, một phần khác với hy vọng tìm thêm một loại thực-

phẩm mới như trong văn-đề khảo cứu rong biển bây giờ.

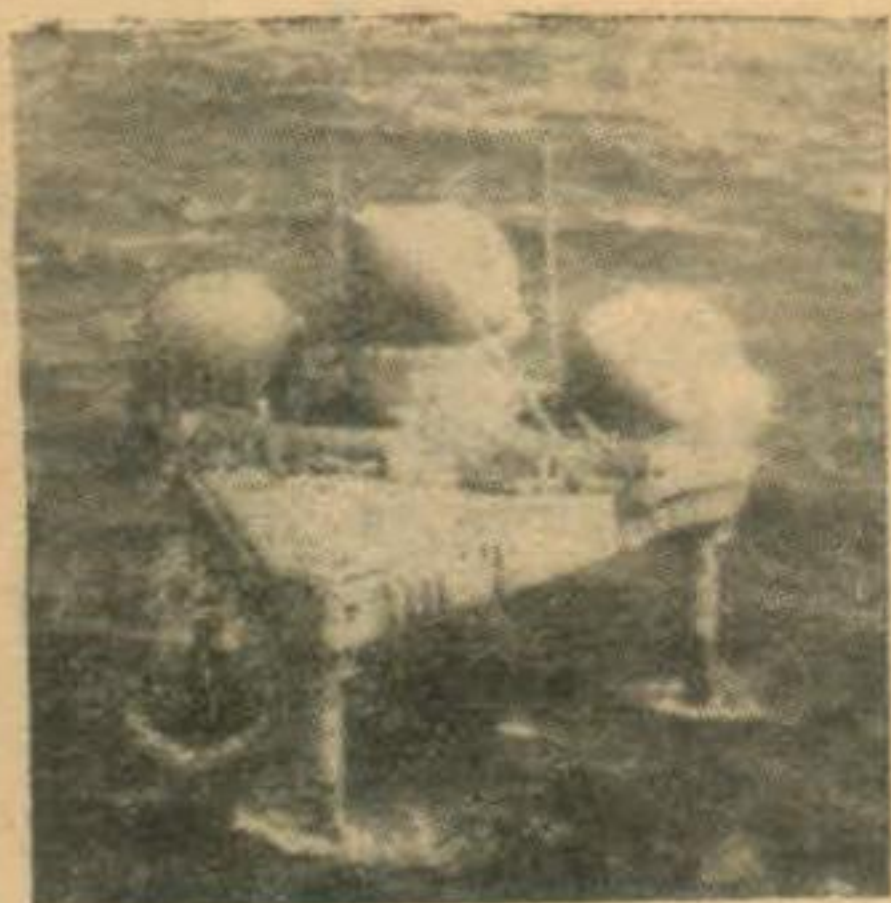
Sau hết, ta phải nói đến công dụng của rong biển. Từ công dụng để ăn ở một số dân tộc thời xưa, rong biển đã được dùng trong nhiều lãnh vực ở hiện tại. Người ta đã dùng rong biển để điều-chê ny-lon ở Mỹ, để chữa bệnh, để làm phân bón v.v... Rong cũng cho chúng ta nhiều chất cần thiết trong kỹ-nghệ hóa-học như xút, pô-tát, i-ốt v.v... Hiện giờ, nhiều nhà bác học, đáng kể nhất là các nhà bác học người Nhật, đang ra công nghiên cứu một vài loại rong biển với mục đích tìm thêm một nguồn thực phẩm mới vừa rẻ vừa bổ-dưỡng cho nhân loại. Đã có một vài kết quả khả quan đáng làm cho chúng ta tin tưởng. Ở Việt-Nam chúng ta, có rất nhiều loại rong ăn được nhưng hiện giờ đồng bào sống gần biển chỉ có dùng một số lượng các loại rau câu.

Tóm lại, nếu được khảo sát tường tận, đại dương có thể cung cấp cho nhân loại một nhu cầu thiết yếu nhất : văn-đề bao tử.

B. — Những nguồn năng-lực

Những nguồn năng-lực người ta có thể khai-thác được trong đại-dương là dầu hỏa, năng lực của các hiện tượng tuần hoàn (thủy triều, sóng) năng lực của dòng nước và nhiệt-năng.

Văn-đề khám phá cũng cách khai thác dầu hỏa trong đại dương đã được đề cập đến nhiều, tác giả xin



Tháp Texas nằm chơi vơi giữa Đại-Dương
khám phá dầu hỏa dưới đáy biển

nêu lên một vài con số để chứng tỏ sự dồi dào của nguyên liệu số một này.

Trong các mỏ kim loại tìm thấy ở các thềm đại dương (plateau continental) sâu từ hai trăm đến sáu trăm thước, mỏ dầu hỏa quan trọng hơn cả. Theo ước đoán hiện giờ còn trên 120 triệu cây số khối, tức gần 40 tỷ tấn, dầu hỏa chưa được khai thác trong đại dương. Các mỏ này nằm ở ngoài khơi vịnh Mê-tây-Cơ, ngoài khơi California, trong vịnh Ba-tư, biển Caspienne. Hiện giờ người ta đang khảo sát vùng bờ biển Texas, Louisane, California với nhiều hy-vọng.

Theo nguyên-lý Carnot, người ta có thể lợi dụng sự chênh độ nhiệt ở bề mặt và dưới đáy biển để thiết lập các nhà máy điện. Trong thực tế vẫn đề gặp nhiều khó khăn, trước hết là vẫn đề đặt các ống dẫn nước ở dưới sâu lên. Một nhà máy

đã được thiết-lập ở Abidjan (Côte d'Ivoire) cách đây năm năm. Ngoài ra, người ta cũng đã dùng một chiếc-tàu (Tunisie), neo cố định một chỗ dùng làm nhà máy. Ngoài số năng lượng đáng kể, vào khoảng 50 triệu KwH mỗi năm, đồng-thời người ta còn thu thêm nhiều mối lợi khác : muối, magnésium, brome, i-ốt.

Năng lực của thủy triều đã được lợi dụng từ thời xưa với di-tích các cối xay thủy triều hiện còn trên bờ biển nước Anh, nhưng mãi đến năm 1890, người ta mới thấy có một dự án thiết-lập một triều-động-cơ (marrémotrice). Nhiều chương trình có vẻ qui mô như chương trình sông Western (Anh) chương trình vịnh Fundy (Mỹ) đều phải thất bại vì nhiều lý do, trong đó lý do chánh là vấn đề kỹ thuật xây cất các đập chắn. Ở Pháp, nhà máy sông Rance đang hoạt động và cho mỗi năm vào khoảng 360 KwH. Cũng nên biết, ở nhiều nơi, thủy triều rất cao, có khi đến mười ba thước, và lên xuống hai lần trong một ngày nên năng lực của khối nước lên xuống rất lớn.

Sức sóng tác dụng vào bờ cho chúng ta một nguồn năng lực đáng kể. Một cây sóng có biên-độ bảy thước và độ dài sóng một trăm năm mươi thước sẽ truyền đi với một vận tốc một trăm năm mươi thước mỗi giây và cho một công chừng bảy trăm mã-lực. Người ta đã tìm cách lợi dụng năng-lực dồi dào này, hoặc theo thành phần thẳng đứng hoặc theo thành phần nằm ngang

của nó, nhưng nói chung đều chưa có kết-quả. Sau nhiều công trình khảo cứu của ông Fusenot và bác sĩ Richard, các nhà máy được thiết-lập, đã bỏ hư từ lâu, sau chừng mười năm hoạt động. Người ta đang soạn thảo nhiều chương-trình qui-mô về vấn-đề này.

Cuối cùng là vấn-đề năng lực của dòng nước. Nhiều dòng nước trong đại-dương, nóng hoặc lạnh, có lưu-lượng lớn hơn cả sông Amazone, như dòng nước Gulf Stream chẳng hạn. Theo nguyên-tắc, muốn lợi dụng năng lực dòng nước, người ta phải tạo ra một chênh-mực (dénivellation) và như vậy công có được sẽ tỷ lệ thuận với chiều cao cùng lưu lượng của dòng nước. Vấn đề xây cất các đập, thường xuyên qua các eo biển hay vịnh để dòng nước có một lưu lượng lớn và tạo nên một chênh mực, gặp phải rất nhiều trở ngại nên nhiều chương trình đề ra không thực hiện được.

Tóm lại, vấn đề lợi dụng các nguồn năng lực trong đại dương trừ vấn đề khai thác dầu hỏa, có thể nói còn đang trong thời kỳ dò dẫm. Hai trở ngại chính là vấn đề xây cất trong đại dương còn gặp rất nhiều khó khăn và vấn đề kinh phí quá cao làm cho một số quốc gia không dám phiêu lưu trong khi họ có thể sản-xuất năng-lực ở lục địa.

C. — Kim loại trong đại dương

Dung-dịch nước biển chứa gần đủ tất cả hơn một trăm nguyên tố hiện

có trong vũ-trụ, trong đó muối chiếm vào khoảng ba mươi lăm phần ngàn (độ mặn 35 ‰). Tính toàn thể đại-dương số muối lên đến ba mươi tám triệu tấn trong khi số tiêu thụ của gần ba tỷ người hiện có trên thế-giới hàng năm chừng 25 triệu tấn, trong đó 15 triệu đã được khai thác ở đất liền. Từ muối ClNa trong đại dương, người ta có thể điều chế nhiều chất hóa-học quan trọng như acide chlohydrique, hypochlorite, perchlorite, carbonate và bicarbonate de soude v.v...

Sau muối, người ta có thể kể đến các chất khác, tuy thành phần bách phân không đáng kể nhưng nhờ chứa trong 1.350 triệu tấn số khối, số lượng khai thác sẽ rất lớn. Tuy chứa vào khoảng sáu phần ngàn gam trong một lít nước biển, vàng ở đại dương đã làm cho nhiều người, đa số là các nhà bác học thèm khát. Tất cả có vào khoảng mười ngàn tấn vàng. Nhưng vấn đề khai thác hiện còn gặp rất nhiều khó khăn. Nhà hóa học người Đức, ông Haber, đã vỡ mộng khi tìm đủ mọi phương pháp để lấy vàng từ nước biển ra làm thế nào cho rẻ hơn giá trên thị trường, để trả nợ chiến tranh cho quốc gia ông. Hiện giờ chưa có phương pháp nào khả quan. Nước nào có «siêu nhân» tìm cách khai thác được số lượng vàng khổng lồ nói trên sẽ có thể làm bá chủ thế giới mà không cần tốn một lời nói.

Bạc, bạch kim trong nước biển cũng được nhiều người tìm cách

ĐẠI-DƯƠNG VÀ CÁC NGUỒN LỢI CỦA ĐẠI-DƯƠNG

khai-thác nhưng tất cả đều chưa có kết quả như ý muốn.

Một số nguyên tố khác thường dùng trong chiến tranh cũng được khai thác từ đại-dương.

Magnésium, một kim loại chính trong kỹ-nghệ hàng không được hoàn toàn khai thác trong đại-dương. Magnésium có tỷ trọng khá nhẹ (1,7) và chứa vào khoảng một ký ba trong một thước khối nước biển. Trong hai kỳ thế chiến, Đức đều độc quyền chiếm tất cả các mỏ trên lục địa, bắt đồng minh phải gấp rút khai thác trong nước biển. Nhiều nhà máy được thiết lập để thỏa mãn nhu cầu và hiện còn tồn tại đến ngày nay. Hiện giờ nhiều quốc gia đang thi đua khai thác nguyên tố này vì ngoài vấn đề chuẩn-bị chiến-tranh, magnésium còn có nhiều công dụng trong kỹ-nghệ.

Sau magnésium đến pô-tát. Năm 1914, Đức chiếm trọn hai mỏ duy nhất trên thế-giới (Stassfurt và Alsace) làm cho đồng-minh thiếu pô-tát để làm phân bón. Tuy gặp rất nhiều khó khăn, đồng minh vẫn phải thiết-lập các nhà máy khai-thác pô-tát trong biển để thỏa mãn nhu-cầu phân bón hầu có đủ số lượng thực. Khi Đế-nhị thế chiến bùng nổ, Hoa-kỳ đã khai thác được mỗi năm vào khoảng ba trăm ngàn tấn. Anh, Pháp, Nga, Ý đều đua nhau khai thác để có đủ phân bón.

Một thước khối nước biển chứa vào khoảng bảy trăm gam pô-tát.

Brome, một chất lỏng có màu đỏ da cam, được dùng làm hơi ngạt, hoàn toàn khai thác trong đại dương. Trong các trận thế chiến, vì chiếm được mỏ Stassfurt có rất nhiều trong brome nên nước Đức đã chế nhiều hơi ngạt để dùng trong chiến tranh. Cũng như hai nguyên-tố trên, nguyên do thúc đẩy việc khai thác brome trong nước biển là hai trận thế chiến. Số mạng của một vài nhà máy đã gắn liền với tình trạng chiến-tranh. Sau thế chiến thứ nhất một số nhà máy phải đóng cửa và hoạt động lại từ năm 1940.

Ngoài các thứ kim-loại được khai thác trên, trong mấy năm gần đây, nhờ những tiến triển của khoa địa-chân Hải-dương và phép chụp ảnh dưới sâu, người ta đã khám phá ra dưới đáy nhiều thêm đại dương rộng lớn có chứa những hợp chất kim-loại. Các hợp chất này thường là Óc-xýt sắt, hỗn hợp magnésium với các kim loại hiếm như nickel, cobalt, đồng. Những vùng bao la chứa các hợp-chất trên sẽ cho nhân loại một nguồn lợi đáng kể khi kỹ-thuật hút, lọc các « quặng » trên tiên-triển.

Những nguồn kim loại khác trong nước biển cũng trở nên quan trọng khi người ta làm đông đặc nước biển dễ dàng và ít tốn kém. Người ta sẽ khai thác được một số muối khác ngoài muối ăn như chlorure de potassium, chlorure de magnésium và một số lượng dồi dào về borax, về brome, về lithium v. v... ở trong các biển cũ.

Muôn khai thác có kết quả tất cả các nguồn lợi dồi dào trên, loài người cần hiểu biết tường tận về đại-dương hay nói cách khác, ngành hải-học cần được phát-triển mạnh.

Nều hải-học, một khoa học khá tồn kém, đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân-loại thì những người có trách nhiệm trong văn-đề phát-triển kinh - tế thê - giới phải ý thức được vai trò quan trọng của nó. Về phương diện kỹ-nghệ căn bản cũng như về năng-lực, các nhu cầu của nhân loại trong tương lai vượt quá số mà phần lục địa có thể cung cấp nên người ta phải khai thác trong đại-dương. Biển có thể cung ứng gần đủ nhu-cầu của loài người. Cần ăn thêm cho đủ chất bổ, có cá, rong v. v..., cần có thêm điện-lực, hãy lợi dụng các nguồn năng-lực ở đây. Người ta sẽ đánh được nhiều cá hơn, sẽ khai thác hàng khối tấn

protéines gốc phiêu sinh hay cây rong để có thêm một loại thực-phẩm mới.

Một vài nước đã ý thức được vai trò quan trọng của ngành hải-học và đã thiết-lập nhiều viện khảo-cứu đồ-sộ với ngân-khoản tự-trị lớn lao. Đáng kể nhất là ba nước Hoa-Kỳ, Nhật và Anh. Mãi đến năm 1959 mới có một hội-nghị quốc tế và hải-học được triệu-tập tại Cựu-Kim-Sơn và đến năm 1960 mới có một cuộc họp tác quốc-tê về hải học rộng rãi với sự tham dự của nhiều quốc gia trong chương trình khảo sát mười năm ở Ấn-Độ-Dương.

Người ta hy vọng tương lai, khi ngành hải-học đã được đưa lên tầm quan trọng đúng mức của nó, các nguồn lợi kể trên sẽ được khai thác dồi dào và hợp lý.

TRỊNH-THIÊN-TỬ

NHẬT BÁO

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẬT

THỎA MÃN ĐƯỢC
CỦA
TRONG

MOI

NHU CẦU
NGƯỜI
GIA ĐÌNH

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHOM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

2

Kinh nghiệm đời văn (*call it experience*)

ERSKINE CALDWELL

PHONG-GIAO dịch

(xem từ B.K. số 129)

PHẦN III

Số tiền dành dụm của tôi giờ đây đã tiêu tan vì một chiếc máy đánh chữ cũ và tôi đã bỏ rơi cái chỗ làm duy-nhất tương đối có giá trị trong tỉnh. Tôi tới xin việc tại nhà máy làm nước đá nhưng không có chỗ nào trống cả. Hai tiệm bách-hóa và chừng nửa tá tiệm چاپ-phô đều cũng có đầy đủ người làm. Mùa tía bông đã qua rồi và mùa hái bông thì còn lâu mới tới. Tôi cảm thấy ân hận đã bỏ chỗ làm cũ ở *The Jefferson Reporter*.

Sau chót, cũng giống như hầu hết các thanh-niên và đàn ông ở Wrens, mùa hè năm đó tôi bắt đầu năng tới xem các trận đấu dã-cầu tổ-chức nhiều lần trong một tuần, giữa một hội nhà và các đội từ vùng lân cận tới chơi. Người chủ-tịch đội cầu có nhiều điều lo âu, phần lớn là về chuyện tiền bạc, nên rất vui vẻ thỏa thuận cho tôi trông coi bảng kết-quả những trận cầu đấu ở Wrens. Khoảng sau một tuần lễ tôi đã có đủ khả-năng để làm một công việc ngay thẳng đáng khen, và tôi được tuyển dụng, làm

việc không lương, giữ chức người ghi điểm chính-thức cho hội. Tôi được phép tới dự khán tất cả mọi trận cầu đấu tại sân nhà, được phép ngồi trên dãy ghế dành cho cầu-thủ, và đôi khi còn được theo đoàn cầu nhà đi đấu tại mấy tỉnh lân cận.

Trong kỳ tập sự vừa qua ở tòa báo *Reporter* tôi đã khám phá ra rằng hầu hết những nhật-báo ở tiểu-bang (1) đều dùng những người lượm tin ở mọi địa-phương hẻo lánh. Những người này được trả công theo giá-biểu là 2 Mỹ-kim một cột báo dành cho những tin nào họ gửi về mà được tòa soạn lựa đăng. Nhưng họ phải tự tay cắt lấy những mẫu tin nào được đăng, rồi nối ghép lại và dán làm sao cho đủ chiều dài của cột báo, để gửi tới ty trị-sự đòi tiền mỗi cuối tháng. Tôi suy tính thấy rằng ở tỉnh Wrens này sẽ khó mà có đủ tin tức đáng kể đối với một tờ đại nhật-báo và dù cố công, hàng tháng tôi cũng chẳng có nổi một cột báo, vì vậy tôi quyết định sẽ tìm

(1) Georgia (lời chú của người dịch).

cách xin viết mục thể-thao cho tờ nhật-báo gần nhất là tờ *The Augusta chronicle* có lẽ lại bỏ công hơn.

Để phúc-đáp đề-ngợi cộng tác của tôi, người phụ-trách mục thể-thao của báo *Chronicle* gửi tới tôi một lô bao thư có dán tem và đề sẵn địa-chỉ của tòa báo, và tôi cho rằng như vậy là tôi đã được chính-thức công-nhận là người thông-tín-viên thể-thao chính-thức của tờ *Chronicle* tại Wrens. Vì tờ báo này có sẵn số đông độc-giả ở Wrens, và cũng có thể vì những trận cầu tranh đấu trong mùa hè năm đó tại sân nhà sôi nổi và hấp dẫn tới mức ai nấy đều theo dõi bài tường thuật, nên tôi nhận thấy tờ *Chronicle* in thật đầy đủ những bài tôi gửi về, không bỏ qua một chữ. Hàng ngày báo in thật sớm bài của tôi tường thuật đầy đủ trận đấu, với bảng kết-quả và chữ ký tên tôi.

Với danh-hiệu thông-tín-viên thể-thao, thật ra tôi đã có thể làm ăn khá lắm, nếu như tôi quên được những lời cảnh cáo của người hội-trưởng sau một trận đấu thật sôi nổi ở sân Wrens. Ông ta dọa sẽ thu hồi giấy phép không cho tôi coi bảng kết-quả nữa, và sẽ ngăn cấm không cho tôi lai vãng tới sân banh nếu tôi còn gửi cái bài dài một cột trong đó tôi tường thuật lại đầy đủ mọi chi-tiết về cuộc vật lộn dữ dội đã xảy ra giữa một cầu thủ hung ác từ tỉnh bên tới và một người ủng hộ quá khích tại địa-phương nhà — cuộc vật lộn đã chấm dứt bằng kết cục thảm hại là người cầu-thủ thì bị mất một phần cái tai, còn người suýt-pọt-te (1) nằm ngã lăn ra bất tỉnh, và phải khiêng về nhà. Viên hội trưởng than rằng nếu một chuyện như thế

được đăng lên báo sẽ làm thiệt hại rất nhiều tới số tiền bán vé vô cửa, trong suốt phần còn lại của mùa banh.

Tinh thần tôi « xuống dốc » (2) một cách thảm hại khi mùa banh chấm dứt. Mùa thu năm đó tôi đi học trở lại, trong lòng buồn rầu cảm thấy rằng thêm một lần nữa tôi lại thất-nghiệp mà chẳng có cách gì kiếm sống cả. Tuy nhiên, tôi hãy còn cái máy đánh chữ, và giờ đây tôi đã có thể đánh bằng hai ngón tay thay vì chỉ mổ cò có đọc một ngón như trước.

Mừng rỡ vì sự tiến-bộ đó, tôi bèn viết thư cho tất cả các vị phụ trách làm tin tại các nhật-báo thuộc tiểu bang Georgia để xin làm thông-tín-viên địa-phương tại quê nhà. Những báo ở phía Savannah không trả lời tôi, nhưng tôi cũng nhận được nhiều lô bao thư có dán tem và ghi sẵn địa-chỉ của tòa-báo *The Atlanta Constitution* và *The Macon Telegraph*. Trong nhiều tháng sau đó, tôi gửi tới hai báo đó, và cả tờ *The Augusta Chronicle* những bài tường thuật ngọn ngành về những sự việc vật vãnh đã xảy ra trong cái số sinh Jefferson Country này, mà tôi hi vọng sẽ đáng được coi là quan-trọng. Những mẫu thư được đăng khiến tôi thất vọng khi tôi đem so sánh với chiều dài của những bài tường thuật các trận dâ-cầu ở Wrens mùa hè vừa qua. Tại tòa-soạn của tất cả các báo, một người nào đó đã cắt xén một cách thật khoa-học những bản tin dài hai ba trang đánh máy của tôi, để in thành những mẫu tin nhỏ mọn dài

(1) fan

(2) letdown

chùng 2, 3 phân (1). Và như thế, phải mất nhiều thời giờ lắm mới cắt dán nổi một cột báo dài tới 22 phân.

Tuy nhiên, tôi vẫn cố gắng làm việc, với hi vọng là nhờ đó tôi sẽ thu lượm được ít nhiều tiến-bộ. Tôi bỏ rơi tờ *Constitution* để viết cho tờ *Journal* ở Atlanta; tôi xoay từ tờ *Telegraph* sang tờ *News* ở Macon; và ở Augusta tôi chuyển từ tờ *Chronicle* sang tờ *Herald*. Những thay đổi đó không những chẳng làm tôi kiếm được khá hơn, mà tới cuối tháng số tiền của tôi còn ngắn hơn trước nữa. Tới lúc đó tôi mới nhận ra rằng ở Wrens những nhật-báo được phổ-biến rộng rãi hơn là các văn-báo, vì lẽ nhật-báo được phát-hành mau lẹ trong ngày, còn các văn-báo thì có khi mãi ngày hôm sau mới tới. Và tôi lại trở lại viết cho các nhật-báo trước đây.

Lúc nào cũng tìm cách để kéo dài những cột tin cắt dán, nên mùa Xuân năm tới tôi xin cha tôi dẫn tôi tới thăm những người trông coi về tin tức của các nhật-báo. Cha tôi ưng thuận dẫn tôi đi Macon và chúng tôi vượt qua chặng đường dài một trăm dặm (2) trên một chiếc xe Ford xưa đã 8 năm, giữa đám bụi mù bốc lên từ mặt đường không lát đá. Khởi hành từ 6 giờ sáng, mãi tới 2 giờ chiều chúng tôi mới tới được Macon, sau khi đã phải dừng lại nhiều lần dọc đường để vá ruột xe bị bể, cũng như để lau chùi các bu-di (3) bị dơ. Lúc tới Macon tôi vẫn không dự tính sẽ nói những gì với các tay lão-luyện trong làng báo, và tới khi bước vào văn-phòng tòa báo *Telegraph*, tôi thăm trách đã đại dột lắm mới làm một việc tương tự.

Viên trưởng phòng tin tức của tờ *Telegraph* tên là Mark Ethridge. Đây là lần đầu tiên tôi được diện-kiến một ký-giả thực thụ, và việc đó làm tôi xúc động tới nỗi chỉ còn biết gật đầu nhiều lần mỗi khi ông ta nói với tôi. Cha tôi và Mark ngồi nói chuyện với nhau lâu tới cả tiếng đồng hồ, toàn bàn chuyện chính trị trong xứ. Mãi tới phút chót đúng lúc chúng tôi bắt tay nhau và sẵn sàng từ giã, cha tôi mới nhắc tới tôi. Người nhân mạnh rằng tôi đã làm thông-tín-viên cho tờ *Telegraph* ở News được nhiều tháng nay.

Mark nói rằng ông ta có đọc một vài tin tức do tôi gửi về. Đoạn, vừa mỉm cười, ông ta vừa cho biết là tại tòa báo họ thường coi Wrens không thuộc về khu vực phát-hành báo quan trọng bậc nhất, có thể cũng không ở trong khu-vực quan-trọng bậc hai, và ông ta ngại rằng trong toàn khu Jefferson số người mua báo không quá 12 người.

Tôi không biết cái gì đã xui khiến tôi có thể là do lòng ham muốn được gần gũi nghề làm báo, mà tôi đã buột ra đề-nghị là tôi sẽ làm cổ-động-viên bán báo ở Wrens nếu tôi được thuê nhận làm thông-tín-viên. Tôi đã từng bán báo ở ngoài phố các tỉnh Charlotte và Staunton, khi tôi chỉ là một chú bé.

Mark vừa lắc đầu vừa cười mà hỏi :

— Nhưng tham vọng của chú không phải chỉ là đi bán báo rong đây chứ, Erskine ơ ?

(1) measly two-or-three-inch items.

(2) the hundred-mile trip — khoảng chừng 160 cây số.

(3) spark-plug — chữ Pháp bougie được Việt-hóa.

KINH NGHIỆM ĐỜI VẦN

— Thật ra thì tôi muốn viết báo. Tôi nói toạc ra như vậy.

Mark trả lời, giọng thật nghiêm trọng :

— Tôi cũng nghĩ như vậy đó. Chú đã can đảm và nỗ lực nhiều lắm để được viết cho tờ *Telegraph*. Điều đó đáng để tôi khuyên chú nên làm việc gì. Chú hãy trở về Wrens và hãy viết về những điều gì chú chứng kiến tận mắt. Đừng có nghe lời kể lại của bất cứ ai. Hãy tự quan sát sự việc và chỉ nên tin ở đôi mắt của chính mình. Sớm hay muộn, bất cứ ở thành phố nào, rồi chú sẽ tìm thấy những điều đáng viết. Và nếu như chú có thể làm cho đề tài trở nên đủ sức hấp dẫn thì chắc chắn là bài của chú sẽ được in ngay. Đừng e ngại điều gì cả.

Điều cần nhất là cách nhìn sự việc, và lối diễn tả sự việc đó.

Sau khi từ già Mark Ethridge, chúng tôi đi xuống phố Cherry Street, và tới nhà hàng dùng cơm, có món thịt muối hâm nóng, khoai tây chiên ngọt và mứt táo. Khi ăn xong, bữa cơm tôi cảm thấy còn đói hơn bao giờ hết, và cha tôi phải mua một tá bánh quế để ăn trong chặng đường dài và vẫn bụi bẩn trở về nhà. Tôi còn nhớ thật rõ ràng ngày hôm đó, bởi vì mỗi khi cha tôi mua bánh quế cho chúng tôi ăn, người thường gọi là kẹo-đỗ-trẻ. (1)

PHONG-GIAO dịch
(còn tiếp)

(1) Ở đây xin hiểu là « trò trẻ con ».

— Các bạn yêu hội họa.

— Các bạn chưa có dịp chú ý đến Hội họa.

XIN ĐÓN COI

TÌM HIỂU HỘI HỌA

của ĐOÀN-THÊM

Nam-Chi Tùng-Thư xuất-bản

- Nghiên-cứu đầu-tiên ở Việt-Nam về Hội-họa.
- Một kho tài-liệu thâu thập rất công phu.
- Những chỉ dẫn tường tận...
- Những ý-kiến xác-đáng về Hội-họa và Nghệ-thuật.

HƠN 200 TRANH VÀ 20 PHỤ BẢN IN MÀU

SẼ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH LỚN
Ở ĐÓ THÀNH VÀ CÁC TỈNH



HỨA HẸN

BÌNH MINH

Rút ngắn truyện « *La promesse de l'aube* »
của Romain Gary

CÔ-LIÊU

KỂ lại chuyện đời tôi, tôi muốn xé tan tấm màn bất công đen tối phủ kín thế giới để làm tỏ rạng bộ mặt công bình và nhân ái, trả lại hạnh phúc cho những người can đảm và đức độ. Thế giới đã bị lung lạc vì sự thắng thế của những hung thần xuẩn động, tàn bạo, hẹp hòi, hiểm thù, đồ kỵ, hợm hĩnh. Đời tôi, ngay từ thuở bình minh, tôi đã hứa hẹn phải làm gì để đem lại ý nghĩa cho sự hy sinh của mẹ tôi và chiến đấu chống uy vũ của những kẻ bạo tàn.

Tôi hiểu lòng hy sinh vô bờ bến của mẹ tôi cho đứa con duy nhất từ năm tôi 13 tuổi. Đã 13 năm mẹ tôi sống đời quả phụ, xoay xỏa đủ nghề để nuôi tôi

được bằng anh bằng em. Trưa nào tôi đi học về ngồi vào bàn cũng có miếng bít tết. Miếng bít tết bà long trọng để trước mặt tôi, như dấu hiệu chiến thắng cảnh nghèo túng. Mẹ tôi đứng nhìn tôi ăn với điệu bộ hả hê của chó cho con bú. Nhưng mẹ tôi không ăn, lấy có thầy thuốc cấm ăn thịt và mỡ.

Một hôm tôi xuống bếp chợt thấy mẹ tôi ngồi lấy bánh vét kỹ lưỡng chảo mỡ ăn ngẫu nhiên như người thèm khát lắm, cái chảo đã chiên miếng bít tết cho tôi. Thấy con, mẹ tôi giấu vội cái chảo đi, nhưng, bất thần tôi hiểu tất cả sự thực về câu chuyện kiêng thịt mỡ của mẹ.

Tôi đứng chờ người nhìn cái chảo bà giấu còn hờ quai, nhìn mẹ tôi nhoeo miệng cười bên lên lần lo ngại, tôi bật ra khóc và bỏ chạy ra khỏi nhà. Tôi muốn đâm đầu vào xe lửa để khỏi xấu hổ và phẫn uất, nhưng rồi nghĩ lại, tôi quyết định sẽ đem tài sức mọn làm cho xã hội được công bình hơn và đền bù công lao của mẹ tôi. Sau này tôi lớn lên, ý thức bị tước đoạt, ý thức tự ty và ước vọng cầu tiến không phai mờ, chúng trở thành những ám ảnh mà ái tình với nghệ thuật không bao giờ đủ mãnh lực làm nguôi đi.

Mẹ tôi đến ngồi cạnh tôi :

— Con đừng giận mẹ, mẹ buồn lòng lắm. Con đã biết nghĩ, con thương mẹ chứ !

Tôi đã nguôi nguôi, mẹ tôi đưa gói thuốc lá cho tôi :

— Con hút thuốc không ?

— Không.

Mẹ tôi muốn đãi ngộ tôi như tôi đã lớn. Có lẽ bà trông đợi ngày tôi trở nên người lớn vì bà đã ngoài năm mươi tuổi rồi.

* * *

Mẹ tôi nhận làm thuê mướn cho khách. Kiếm tiền rất khó khăn, tuy bà đã nghĩ ra cách quảng cáo khá màu mè : « Cựu giám đốc một tiệm may lớn ở Ba-Lê nhận làm mướn tại nhà, chỉ nhận một số ít khách hàng chọn lọc ».

Mẹ tôi cũng làm nhiều nghề khác như gội đầu cho khách trong một phòng uốn tóc, tắm chó thuê. Sau đến nhà những kiều dân Anh giàu có bán nữ trang, với tư

cách một bà giòng quý phái Nga lánh nạn. Thực ra mẹ tôi đã nhận những « bảo vật gia đình » ấy của một tiệm Mỹ-kim.

Tôi chỉ biết mẹ tôi là con một người thợ sửa đồng hồ Do-Thái ở miền đông cổ nước Nga. Lúc trẻ mẹ tôi đẹp lắm, bà đã bỏ nhà ra đi từ năm 16 tuổi. Bà đã lấy chồng, ly dị, rồi lại tái giá mấy lần. Bà đã là một cô đào danh tiếng ở Mạc-tư-Khoa. Tôi không biết cha tôi là ai. Người thân, tôi chỉ biết có mẹ, nhất là lúc mẹ tôi ép má vào má tôi, mái tóc xòa xuống mặt tôi thoáng mùi nước hoa linh lan, giọng mẹ trong trẻo, cười, nói, hát, đây là tất cả cho đứa trẻ đã 13 năm nay, bây giờ đứa bé bắt đầu hiểu biết.

Cha tôi đã bỏ mẹ tôi sau khi tôi ra đời được một năm. Cha tôi đã có vợ con, người hiền từ. Sau này tôi gặp nhiều lần, người niềm nở với con, nhưng không giấu được vẻ lúng túng. Khi người nhìn tôi với hai mắt buồn rầu lần trách móc, tôi cúi mặt xuống tránh mắt người. Tôi chỉ thực lòng yêu mến cha từ khi ông chết về tay quân Quốc Xã Đức, chung số phận với những người Do Thái khác. Tuy cũng được góp phần vào chảo mỡ nấu xà-bông cho dân chúng Đức dùng, nhưng không cần bước vào phòng hơi ngạt. Ông chưa bước chân qua ngưỡng cửa đã chết ngất vì khiếp sợ.

Tôi vẫn còn thấy rõ trong trí nhớ mẹ ngồi trước mặt tôi, điều thuốc ở tay, giảng dạy nghệ thuật tặng quà phụ nữ :

— Nếu đứa nào có học, sinh văn chương, con tặng sách. Nếu con gặp người khiêm tốn, đứng đắn, có học, con tặng một món đồ quý, một lọ nước hoa. Tặng áo, khăn, nên lựa thứ hợp với

màu con mắt, như thể đàn bà có mắt và tóc đồng màu để phục sức hơn, mà đỡ tốn tiền. Nhưng cần nhất con không được nhận tiền của đàn bà, con có thể nhận của họ cái bút máy, cái ca-vát, đất tiền như cái xe hơi cũng được, nhưng chớ có nhận tiền.

Bà muốn cho tôi sau này sẽ là một nghệ sĩ tài ba, tất cả phụ nữ đẹp trên hoàn cầu sẽ chết mệt, nhưng ác quá tôi mù tịt cả về ca kịch, vũ nghệ, âm nhạc và hội họa, chỉ còn con đường văn nghệ, nơi trú ẩn cuối cùng của những người như tôi, không biết nhúng mũi vào lãnh vực nào cho ổn. Vì vậy tôi bắt đầu viết văn từ năm 12 tuổi. Tuy mẹ tôi thất vọng nhưng không đến nỗi ác cảm với văn chương: Goethe cũng là người danh vọng, Tolstoi là bá tước, Victor Hugo là Tổng Thống nước Pháp — tôi không hiểu sao bà tin được như vậy — nhưng bỗng nhiên bà xa xăm mặt lại:

— Nhưng con phải coi chừng, đừng có mắc bệnh hoa liễu. Con biết không, Maupassant, Heine, người thì hóa điên, người thì bán thân bắt toại...

Tôi phải hứa với mẹ sẽ hết sức giữ gìn bà mới yên chí cho tôi theo đuổi nghề văn tuy biết rằng văn chương cũng có chỗ nguy hiểm là bệnh hoa liễu.

Có lẽ mẹ tôi sống cô độc đã lâu nên trong tiềm thức có khát vọng thầm kín đòi một sự đền bù cho đời sống tình ái của con. Bà muốn ngày sau tôi sẽ chiếm được trái tim nhiều phụ nữ, bà cho đó là cạnh khía quan trọng nhất của sự thành công ở đời, cái gì có giá trị tương đương với danh vọng, huy chương, tiền của.

Mẹ tôi yêu chiều tôi quá độ. Sau này; đến tuổi 40, tôi mới biết tình yêu là lướt ấy đã làm cho tôi lạnh lùng với tất cả, kể cả vòng tay ân ái của người con gái say mê tôi nhất, vì không gì cân bằng với tình yêu của mẹ, tôi đợi cái gì hơn thế không bao giờ có!

Bấy giờ chúng tôi ở Wilno, một tỉnh nhỏ xứ Ba-Lan. Lân bang không ưa gì mẹ con tôi, người đàn bà không có chồng ngày ngày xách va-li đi như thể có vẻ bí mật đáng ngờ vực, họ xấu miệng phao vu là chứa chấp đồ ăn cắp. Mẹ tôi khóc cả nửa ngày, nhưng rồi đau khổ biến thành gậy gố, bà đến đập cửa từng nhà gọi mọi người ra. Cuộc đấu khẩu mới khởi sự, mẹ tôi đã tỏ ra không thua ai. Rồi bà kéo tôi lại gần, nhìn mọi người với điệu kẻ cả:

— Các người là kẻ tiểu nhân hèn nhát. Các người có biết các người đứng trước mặt ai đây không? Con tao sau này sẽ là đại sứ nước Pháp, có huy chương Bắc Đẩu bội tinh, đại văn hào như Ibsen, Gabriele d'Annunzio...

Đến bây giờ tôi còn đỏ mặt tía tai về tiếng cười khinh bỉ, chế giễu của họ. Tôi tưởng nên nói ngay để bạn đọc rõ chuyện là ngay nay tôi là đại sứ nước Pháp thật, tôi cũng có Bắc Đẩu bội tinh, và được giải thưởng văn chương Pháp (1). Để làm đẹp ý mẹ tôi dưới tuổi vàng, tôi may quần áo ở Luân-Đôn, tuy rằng tôi ngán thợ may Ăng-Lê vô cùng.

Danh từ Đại sứ Pháp ám ảnh tôi trong mấy tháng sau. Một hôm người thợ

(1) Les Racines du Ciel, giải thưởng Goncourt 1958

làm bánh cạnh nhà bắt được tôi ăn vụng chiếc bánh bông lang, hấn gọi mọi người đến chứng kiến và chứng minh rằng quyền bất khả xâm phạm ngoại giao không bảo đảm được hai bên mông tôi khỏi mũi giày của hấn trong những trường hợp ấy.



Dần dần công việc làm ăn phát đạt. Những « kiểu y phục Ba Lê » của mẹ tôi được nhân vật tỉnh Wilno ưa chuộng. Khách lấy làm hãnh diện mặc áo may tại nhà tôi. Mẹ tôi cho đăng quảng cáo lên nhật trình : là độc quyền những kiểu tối tân của nhà may Paul Poiret ở Ba-Lê. Mẹ tôi đóng vai một bà chủ tiệm may lớn thật hoàn toàn. Tôi ngồi trên ghế bành trước mặt mẹ ăn bánh bông lang, bây giờ thì bánh mua với tiền hấn hoi. Tuy ông Paul Poiret chỉ có trong trí tưởng tượng của mẹ tôi, nhưng bà cũng kiếm ra được một người bằng xương bằng thịt đến chủ tọa buổi tổ chức trình bày những kiểu áo mới nhất ở Ba-Lê. Bà triệu một người kếp già từ Varsovie đến. Tuy diễn xuất không được trối, nhưng không ai biết rõ sự dối trá nên công việc làm ăn của mẹ tôi phát đạt, tiền vào rất nhiều.

Có lẽ mẹ tôi bày chuyện lờ thiên hạ này không phải chỉ có mục đích quảng cáo mẹ tôi cần làm cái gì huy hoàng, nổi bật lên, để thỏa mãn ước vọng thầm kín về sự giàu sang, về sự thán phục của mọi người.

Với tiền của ấy mẹ tôi mượn cho tôi một bà quản gia như những nhà quyền quý, dạy tôi hôn tay, tặng hoa cho đàn

bà, học đánh kiếm, cưỡi ngựa. Bà tạo ra một lễ lối sống phong lưu mà thượng lối thời mà thực ra bà chỉ biết qua các tiểu-thuyết từ trước 1900.

Tôi nhớ những bài học làm sang của mẹ tôi đến nỗi sau này đã làm nhiều cô sững sốt, có khi cười vào mũi tôi. Xin chớ vội cười, tôi chỉ nghe lời mẹ tôi đấy thôi.



Tôi bắt đầu biết mê gái từ năm lên 9 tuổi, mê điên cuồng, đại đột, suýt nguy đến tính mạng.

« Nàng » tên là Valentine, mới 8 tuổi, tôi thường gặp nàng mặc áo trắng, tay cầm trái banh chơi, không để ý gì đến tôi. Tôi biết rằng tôi có đôi mắt đẹp làm các bà phải khen ngợi, nhưng nàng không trông thấy gì cả. Tôi ăn cắp 3 trái táo xanh tặng nàng, nàng nhận, nhưng nàng báo cho tôi biết :

— Thằng Janek dám ăn hết tập bưu hoa của nó vì tao cơ !

Tôi phải bảnh hơn Janek, tôi ăn một nắm trùn, một xâu bướm bướm, một con chuột nhắt, 3 con cá vàng, và điều này dám thách thức tất cả khách đa tình xưa nay : tôi ăn hết một chiếc giày cao su của tôi.

Thật tôi chưa biết một người yêu thứ hai nào đòi hỏi quá quắt như thế. Từ ngày ấy tôi có thể nói là tôi biết tất cả về ái tình.

Tôi phát bệnh nặng, phải vào nhà thương vì ăn chiếc giày. Nhưng tôi rất bằng lòng tôi. Mỗi tình con trẻ đã thay đổi hẳn quan niệm của tôi về cuộc đời.

Tôi luôn luôn tìm cách vượt mình, tỏ ra can đảm, hơn người, để đánh bại tình địch. Tôi đã học dùng cảm, học liều mình, nếu cần, điều rất có ích cho tôi sau này khi tổ quốc đòi hỏi tôi phải hy sinh tất cả cho tất cả.

Tôi còn nhớ một trò « rơn với sự chết » thường chơi với Jan, người tình địch của tôi. Cửa sổ trên tầng lầu cao nhất nhà tôi có cái bệ ở dưới chìa ra ngoài. Chúng tôi, một đứa ngồi lên ngưỡng cửa thông chân xuống để cho đứa kia đẩy mạnh vào lưng, tính vừa đúng cho người bật xuống bệ chứ không nhào ra ngoài thì bỏ mạng.

Chúng tôi chơi trò nguy hiểm ấy không biết bao nhiêu lần. Khi bắt bình với nhau chúng tôi đưa mắt thách đố nhau rồi lên tầng lầu thứ tư chơi trò nguy hiểm đó, chơi một cách thẳng thắn không chút tà tâm — chút tà tâm đánh giá bằng một mạng người.

Sau này tôi gặp Jan tại xứ quán Ba-Lan ở Ba-Lê. Jan là nhân vật trọng yếu của Cộng-sản Ba-Lan. Chúng tôi đưa mắt thách đố nhau như hồi còn nhỏ, rồi lẳng lẳng lên tầng lầu hai. Jan đã mở cửa sổ, và tôi đã leo lên, thì bà Đại-Sứ Ba-Lan bước vào phòng. Tôi vội rụt chân lại cúi chào bà.

Tôi không khỏi nghĩ đến sự kinh ngạc của hoàn cầu khi được tin một công chức cao cấp Ba-Lan hay một Đại-sứ Pháp rút từ lầu cao xuống hè, giữa lúc cuộc chiến tranh lạnh đang tiếp diễn ác liệt.

Được ít lâu tôi mắc bệnh nặng, mẹ tôi bỏ cả công việc săn sóc tôi nên nhà

may phải vỡ nợ. Chúng tôi không còn cách gì sinh sống ở Wilno nên rời đến Varsovie, để trở lại làm những nghề lật vật thuở trước. Ở đây chúng tôi gặp một sự thất bại đau đớn hơn : tôi không thể theo học trường Trung-học Pháp ở đây vì phí tổn nặng quá.

Tôi đã 10 tuổi và bắt đầu ham đọc sách. Tôi hay mang một cuốn sách và một ít dưa gang muối ra công viên ngồi. Những lúc ấy tôi thấy người thư thái và thấy hoàn toàn hạnh phúc. Tôi cũng để mỗi ngày năm sáu giờ ra mài dưa mấy văn thơ rồi đọc cho mẹ nghe.

Ở Varsovie tôi phải học trường Ba-Lan. Tôi không giấu bè bạn là chỉ học tạm ở đây đợi lúc về Pháp học những trường lớn hơn. Bạn học nghe vậy ngạo nghễ hỏi : — chắc anh đã báo cho bạn bè biết trước để họ khỏi mong !

Họ nói rồi thích khuấy tay vào nhau, tôi biết là họ chế nhạo tôi, nhưng tôi tự cho mình ở trên những sự chế nhạo nhỏ nhen ấy. Hôm khác một bạn lớn hơn lại đến bao vây tôi :

— Kia ! anh bạn vẫn còn ở đây sao ? Tôi cứ tưởng anh đã sang Pháp rồi, người ta đang mong đợi anh lắm đấy !

Tôi sắp sửa huynh hoang nói liên miên về nước Pháp như mọi lần, thì một anh lớn tuổi nói :

— Ở đây người ta không nhận con mấy người điểm già !

Tôi không hiểu sao lại có chuyện này. Đòi mẹ tôi không làm gì đáng phải chịu lời vu khống ấy. Có lẽ mẹ tôi không phải là một nghệ sĩ danh tiếng như bà thường nói, nhưng bà có hát tại nhiều

rap & Mạc-Tur-Khoa, nhiều người quen biết đều có thiện cảm.

Tôi bị choáng váng người đến nỗi có vẻ hèn nhát. Lần đầu và cũng là lần cuối tôi lánh mặt địch thủ.

Khi về nhà, tôi ôm lấy mẹ tôi, kể lại hết. Tôi đợi mẹ tôi khuyên giải, nhưng bà không nói gì, nhìn tôi lạnh lùng, châm thuốc hút rồi đi xuống bếp. Đêm ấy mẹ tôi không ngủ. Sáng giầy tôi còn thấy mẹ tôi ngồi trên ghế, đầu mẩu thuốc rơi rác dưới đất. Ngày nay có lẽ tôi mới hiểu mẹ tôi đã nghĩ gì. Bà tự hỏi, bao nhiêu sự hy sinh của bà có ý nghĩa gì không, nếu tôi không xứng đáng là người bảo vệ được danh dự.

Khi tôi ngồi ăn sáng, mẹ tôi nhìn tôi với đôi mắt dịu dàng hơn. Có lẽ bà nghĩ rằng dầu sao tôi cũng mới có 12 tuổi. Khi tôi thu xếp sách đi học, bà nghiêm mặt nói :

— Từ nay mày không đi học ở đây nữa. Để rồi sang Pháp học. Ngồi xuống đây...

Tôi lo lắng ngồi xuống.

— Từ đây mày phải nhớ : Lần sau đứa nào nói phạm đến danh dự mẹ, mày phải đánh nó dừ đòn, dù rằng nó đánh mày nát xương phải cáng về nghe không ?

Mắt bà nẩy lửa, giọng nói lớn dần.

— Nếu mày còn là đứa hèn nhát thì chẳng nên sang nước Pháp học làm gì ?

Tôi chưa kịp nói gì thì bàn tay bà giáng xuống má tôi như mưa. Tôi kinh hồn đến nỗi không khóc, không kêu. Lần thứ nhất mẹ tôi đánh con vậy.

Tuy mới 12 tuổi nhưng tôi hiểu hết. Khi đã nguôi giận mẹ tôi tức tốc đến tòa đại sứ Pháp xin cấp ngay giấy thông hành.

* *

Sang đất Pháp, tổ quốc tôi sau này, chúng tôi trú ngụ ở Nice. Nguồn hy vọng cuối cùng của chúng tôi để khỏi ra nằm vĩa hè là bộ đồ bán ăn bằng bạc rất quý. Nhưng khách sang thờ-ơ với những di sản văn hóa của nền quân chủ Nga Hoàng, mẹ tôi đành lưu lại làm gia bảo « phòng sau này con dùng đến khi có cuộc tiếp rước trọng thể ». Mẹ tôi lại đóng vai một bà quyền quý nước Nga thất thế đi bán những « bảo vật gia đình » lãnh của các tiệm bán đồ cổ.

Tôi đã 14 tuổi. Con đường tiến thân của tôi đã được vạch sẵn : trung học, nhập quốc tịch Pháp, cử nhân luật, quân dịch, chánh trị học, rồi sau sẽ là một nhà ngoại giao.

Tôi gặp nhiều thất bại trong đời học sinh, bị chê cười, thóa mạ, nên phải rút vào thư phòng ngồi viết để trú ẩn trong một thế giới tưởng tượng sống qua những nhân vật tôi tạo ra. Tôi khám phá ra một khi giới lợi hại để thắng nghịch cảnh, đó là tinh thần hải hươc. Và sự hải hươc ấy trước tiên tôi đem nó để che giấu tôi, tôi cho rằng đây là một cách vượt con người trong thân phận làm người.

Tôi cũng bắt đầu để ý đến các vấn đề xã hội. Tôi đã biết rằng sự công bình xã hội mới là bước đầu, bước đi chấp chứng của đứa trẻ con, tôi đòi hỏi đồng bào phải làm chủ được vận mệnh mình. Tôi bắt đầu quan niệm rằng con người

là một toan tính cách mạng, tranh đấu cho những tiêu chuẩn đặc thù sinh lý, trí tuệ, đạo đức của riêng mình. Chỉ nhìn bộ mặt mệt mỏi bơ phờ già xạm của mẹ, tôi đủ cương quyết cố gắng làm gì cho đời tươi đẹp hơn.

Ý chí cao đại ấy chỉ có tính « an ủy » tôi phần nào vì thực ra trên đường học vấn và sinh kế tôi kém hẳn ý thức về thực tiễn. Kỳ thi văn đáp tú tài, giám khảo hỏi về hoạt thạch, tôi chỉ biết vờ vờ một câu :

— Hoạt thạch dùng để xây tường.

Giám khảo nóng ruột hỏi lại :

— Có thể thôi à ?

Tôi quay lại thính giả trong phòng hạch :

— Như thế tường cũng đã nhiều lắm rồi. Thừa thầy, bây giờ cứ phá hết tường đi, 99 phần trăm văn minh của chúng ta sẽ sụp đổ.

Tình trạng tài chánh gia đình bây giờ rất bi quan, vì gặp cuộc khủng hoảng 1929. Mẹ tôi đổi căn phòng thành chuồng nuôi chó, mèo, chim, ngoài ra còn thổi cơm trợ, xem tướng tay, làm trung gian bán nhà đất.

Chúng tôi cùng cảnh ngộ với số mười ngàn gia đình Nga tị nạn ở Nice. Khi chúng tôi làm trung gian bán được một biệt thự lớn, sinh kế mới được ổn. Người mua là một khách hàng cũ của mẹ tôi ở Wilno, xứ Ba-Lan, gia đình ông Jedwabnikas, ông chồng già người bé nhỏ, vợ chỉ bằng nửa tuổi nhưng cao gấp đôi. Ông ta thấy mẹ tôi tháo vát và có nghị lực nên muốn làm quản gia, và

cũng theo lời mẹ tôi, dùng biệt thự mở khách sạn. Thế là khách sạn Mermonts ra đời, mở rộng cửa đón « thượng khách quốc tế trong khung cảnh yên tĩnh, tiện nghi và lịch sự ». Tôi chép lại được đúng nguyên văn lời cáo bạch này vì chính tôi là tác giả.

Mẹ tôi đóng vai trò quản lý thật là hoàn toàn. Bà giữ vai trò ấy cho đến hơi thở cuối cùng. Sau này, tôi qua đủ các khách sạn danh tiếng trên hoàn cầu, tôi mới hiểu rằng với những phương tiện eo hẹp và một dóm người làm, mẹ tôi đã vượt hẳn các khách sạn danh tiếng về tổ chức và bếp núc.

Trước hết, mẹ tôi là người mà cả chợ Buffa ở Nice đều ghét cay ghét đắng. Họ thấy bóng bà già chống ba-toong đến là dốt vía dốt van. Chỉ vì họ không thể lừa bà được con cá ươn, miếng dăm-bông hư, mớ rau héo ngâm nước cho tươi lại. Mẹ tôi đã sống những ngày sung sướng nhất đời giữa chợ búa, cơm nước, nhà cửa, thế giới của bà cũng như của nhiều bà nội trợ khác.

Sau này, khi nào có dịp về nhà tôi quanh quẩn hàng giờ ở chợ Buffa, lướt qua những phần thịt, đông rau, dưa, măng, trái cây, rô cá. Tiếng người om sòm, mùi thực phẩm nồng nặc, gần đủ yếu tố để tạo lại cái quá khứ thân mật. Tôi còn thấy bóng mẹ tôi lom khom đi lại giữa chợ.

Một hôm mẹ tôi đang dọn dẹp trong nhà thì người choáng váng, ngồi bệt xuống ghế, mặt tái nhợt. Thầy thuốc mới đến, cho biết ngay căn bệnh. Bà mắc bệnh di truyền tiểu tiện có đường đã hai năm nay nhưng không nói cho tôi

biết. Mỗi sáng bà vẫn tự chích một ống thuốc insuline. Tôi lo sợ không kịp làm gì cho mẹ vì chuỗi ngày tàn của mẹ như thế đã đếm từng ngày. Mẹ tôi có thể từ trần trước khi được biết sự công bình của đảng chí công.

Tôi cần phải vội vàng. Tôi xin tạm nghỉ học để viết văn. Sự sáng tác văn nghệ để trở nên cơ hội để tránh những thôi thúc của cuộc đời, một cách trút linh hồn để bảo toàn sự sống. Nhưng các nhà xuất bản từ chối không in những tác phẩm của tôi.

Sau thầy thuốc cho biết, mẹ tôi còn sống được nhiều năm. Tôi có thể theo 3 năm đại học và 2 năm quân dịch. Bấy giờ mộng tương lai của tôi tạm thu hẹp lại là sẽ mặc nhung phục sĩ quan không quân dật mẹ đi qua chợ Buffa.

Năm 1933 tôi ghi tên vào phân khoa Đại Học Aix en Provence. Mẹ tôi kiếm được 500 quan mỗi tháng, bà chỉ dành lại 200 mua thuốc insuline và tiêu vật, còn gửi cho con. Ngoài ra bà còn gửi xe đồ đến nhiều thức ăn của kho khách sạn Mermonts. Trong phòng trọ của tôi treo lủng lẳng dăm-bông, xúc-xích, trứng, pho-ma, lại cả trái cây. Mùi tỏi lẫn với mùi hoa quả bay khắp phòng.

Tôi vẫn theo đuổi viết văn. Viết xong cuốn Vin des Morts gửi đến nhà xuất bản, người ta trả lời bằng một bản phân tích nói tôi mắc nhiều thứ mặc cảm như mặc cảm « người bị hoạn », mặc cảm tảo hôn, mặc cảm sợ xác chết, và nhiều thứ tai ương nữa, nhưng không biết tại sao

họ không nói đến mặc cảm Oedipe. Họ từ chối không nhận in, nhưng tôi cũng đã thấy mình quan trọng vì được người ta dành cho 20 trang phân tích.

Năm sau tôi lên học phân khoa Ba-Lê. Thực ra tôi không để tâm đến phân khoa mà chỉ cảm cúi viết. Buổi trưa tôi thường xuống phố mua dưa gang muối, tôi ham ăn đến nỗi đứng ngay đầu đường ăn ngẫu nhiên làm một cô sinh viên rất đẹp phải để ý. Tôi không hy vọng cô sinh viên này vì tôi biết người theo đuổi cô là những chàng có xe hơi. Có lẽ cô là người đẹp nhất khu này. Hai mươi năm sau, khi nào tôi gặp lại cô ở Ba-Lê, tìm tôi còn đập mạnh, tôi phải tức tốc vào hàng tạp hóa mua một cân dưa gang muối tiêu sấu.

Hồi ấy tôi biết rằng không nước non gì, — cũng không có tiền đài cô một châu xi nê — tất cả tham vọng của tôi là được ngắm cô trong khi ăn dưa gang muối. Tôi vẫn có tật hể đứng trước những vẻ đẹp của người hay cảnh là thấy đói bụng.

Một ngày kia, giữa lúc tôi vươn mình nuốt hết một trái dưa gang muối cỡ đại, nàng không nhịn được phải bảo tôi :

— Này anh, anh không sợ vỡ bụng à? Giọng nàng có vẻ sẵn sàng thành thực, từ đây chúng tôi quen biết nhau, chỉ quen biết nhau thôi, vì sau tôi yêu một cô gái Thụy Điển vui vẻ, đẹp, thông minh, nhất là giọng nói êm dịu. Chúng tôi có vẻ yêu nhau thắm thiết đến nỗi mọi người xung quanh thấy phải mỉm cười. Brigitte, — tên nàng — thường đến thăm một người bà cô già ở công trường Panthéon. Nàng ở lại rất khuya, có khi đến một hai giờ

sáng. Lúc về nàng mỗi mệt, thường thờ dài. Tôi rất sáng ý nên không khỏi sinh nghi. Một đêm, nàng đi như mọi lần rất khuya, tôi e ngại bà cô hấp hối chẳng nên đến công trường đứng dưới trời mưa nhìn lên khá lâu. Bỗng cửa sổ mở, Brigitte mặc áo ngủ đàn ông, tóc rối bù, hiện ra, rồi một thanh niên ra đứng bên cạnh khẽ ôm nàng hôn. Tôi gầm lên một tiếng định xông lên lâu ngay để ngăn cản tội lỗi. Nhưng tôi đã lầm phòng, tôi đập cửa một phòng khác, một người bé nhỏ thò mặt ra, tôi vội vàng bóp cổ y. Khi biết rằng mình làm lộn tai hại, tôi bỏ chạy xuống, lội qua mưa về nhà.

Khi Brigitte về tôi tát cho nàng mấy cái thật kêu.

— Sao em làm việc đê nhục vậy ?

Nàng giương mắt đầy lệ mà trả lời :

— Tại anh ấy giống anh quá !

Từ đấy tôi nghĩ nhiều về câu trả lời của Brigitte. Tuy không tìm được câu giải đáp nào thỏa đáng nhưng tôi nhờ đó biết cách xử trí với đàn bà. Không bao giờ tôi bị đàn bà lừa dối nữa.

Một buổi sáng, trong túi chỉ còn 50 quan, sắp đến lúc phải xin tiền mẹ, thì mở tờ Gringoire ra, tôi thấy thiên tài truyện Orage của tôi đăng suốt một trang. Tin ấy đưa về chợ Buffa gây sôi nổi cả vùng. Mẹ tôi tức tốc thết một tiệc trà mời mọi người đến dự để nghe bà nói về tài văn nghệ của con. Bà để tờ báo ấy vào trong sách và từ đấy không rời nó bao giờ. Tôi nhận được số tiền nhuận bút 1.000 quan, số tiền chưa bao giờ tôi có, tôi có cảm tưởng là đủ để sống mãi đời.

Tôi viết ngay một bức thư về nhà nói đã ký giao kèo viết thường xuyên cho báo Gringoire và nhiều báo khác, nếu mẹ cần tiền xin cứ cho biết. Xong rồi tôi cầm bút viết một hơi ba tân truyện nữa mà chẳng tờ báo nào chịu đăng. Tác phẩm của tôi có vẻ « làm văn » quá. Tôi phải viết thư về nhà giải thích rằng các chủ báo chỉ chú trọng đến phương diện thương mại của văn chương nên tôi không muốn làm hoen ố danh dự nhà văn, phải ký tên khác và dặn mẹ giấu kín chuyện ấy. Mỗi tuần tôi cắt một truyện ở báo gửi về cho mẹ, thế là lương tâm yên ổn. Phương diện tinh thần của văn đề tạm yên, nhưng phương diện vật chất vẫn nguyên vẹn. Tôi hết tiền đã lâu, nhưng thà chết đói chứ không chịu xin tiền mẹ làm mẹ mất ảo tưởng về con.

Đã có lần tôi dối lả, té xỉu trên vỉa hè. Tự xét mình đã quan trọng hóa mình quá nên thiếu tinh thần khiêm tốn và hải hươc. Tôi thiếu tin tưởng cạnh khía tốt đẹp của người đời. Ngày hôm sau tôi có dịp kiểm soát lại sự nhận định lạc quan ấy. Tôi mượn đờ 10 xu của người canh cửa rồi ra tiệm ngồi ăn một hơi 7 chiếc bánh. Lúc tính tiền anh bồi bàn hỏi, tôi trả lời tự nhiên :

— Một chiếc bánh, một ly cà-phê.

Anh bồi tính toán rồi nhìn tôi :

— Vừa mới đây trong đờ còn chín chiếc.

— Đời này kẻ cắp như rươi ấy, bồ ơi !

Anh nhìn tôi, nhìn bộ dạng, tôi, rồi mỉm cười thông cảm :

— Anh học ở đâu ?

— Còn một năm nữa thì ra trường luật.

— Nhịn đói mấy ngày rồi ?

— Ba ngày.

Từ đấy chúng tôi trở thành đôi bạn thân. Khi bài thứ hai của tôi đăng lên báo Gringoire tôi gửi anh một số với lời đề tặng. Tính ra từ năm 1936 đến năm 1937 tôi ăn quýt của tiệm từ 1.000 đến 1.500 chiếc bánh mà tôi cho là phần đóng góp của tiệm vào học phí của tôi. Bài báo ấy cũng cứu văn danh dự tôi kịp thời, vì tôi đã cắt một bài ký tên André Cortois gửi cho mẹ, mà André Cortois thật đến ở khách sạn Mermonts lại tự nhận là tác giả chính thức. Bài báo đến đúng lúc để che lấp vụ đánh tráo, danh tiếng của tôi lại vang dậy khắp chợ Buffa.

* *

Nước Pháp sống những ngày hồi hộp trước cuộc lịch sử Munich, người ta nói nhiều đến chiến tranh thế giới. Người ta có thể tưởng tượng hoài bão được làm Thiếu-úy Không-Quân đối với tôi quan trọng như thế nào giữa lúc tâm trạng quần chúng sôi nổi vì ý thức bảo vệ đất nước. Tôi khó nhọc mới lấy được mảnh bằng luật học, nhưng sửa soạn chu đáo để thi bằng huấn luyện Quân Sự.

Chính vào thời kỳ ấy đã xảy ra câu chuyện ám sát hụt Hitler của tôi. Báo chí không nói đến. Tôi bỏ lỡ mất cơ hội duy nhất làm cứu tinh của nước Pháp và Thế giới.

Tôi trở về nhà mẹ để đợi ngày vào trường phi công. Mẹ tôi cho biết một

kế hoạch của bà : tôi sẽ đến Bá-Linh giết Hitler để cứu hoàn cầu. Bà đã dự định đủ cả, nếu tôi bị bắt các cường quốc sẽ hạ tối hậu thư đòi phải trả tự do cho tôi.

Phải nói rằng bấy giờ tôi không có hứng đi xe hỏa hạng 3 đến Bá-Linh để giết Hitler giữa lúc trời nóng bức. Hoàn đến tháng 10 để tôi nghỉ mát một chút ở bờ biển Địa Trung Hải thì hơn. Nhưng mẹ tôi đã bảo thì đừng hòng trốn tránh. Tôi sửa soạn gấp rút cuộc đi Bá-Linh, cẩn thận ăn ít dưa gang muối sợ mẹ tôi cho rằng cổ họng gây bệnh để trì hoãn. Nhưng ngày cuối cùng tôi đi tắm biển về thì mẹ tôi khóc suốt một yêu cầu tôi hãy bớt máu anh hùng ở lại với mẹ vì tôi là con một.

Tôi biết rõ mẹ tôi từ lâu.

— Con đã lấy vé tàu rồi.

— Họ sẽ hoàn lại tiền, không lo.

Đó, vì thế mà tôi đã tha chết cho Hitler.

* *

Tôi nhập ngũ ngày mùng 4 tháng 11 năm 1938. Thế hệ thanh niên bấy giờ có tư tưởng chống chiến tranh nên thấy mẹ tôi làm om xòm với khẩu hiệu « Nước Pháp vạn tuế », có người lăm bắm :

— Người ta biết ngay bà này không phải người Pháp ?

Đám thanh niên nhập ngũ, thiếu hứng khởi và tin tưởng, cho rằng người ta bắt buộc mình dự vào một trò chơi ngu xuẩn. Triệu chứng này báo trước sự thảm bại của nước Pháp năm 1940.

Những người cùng một lớp với tôi được đến học trường Không quân Avord, riêng tôi phải ở lại đến gần 6 tuần lễ, sau này tôi mới rõ chỉ vì tôi là người ngoại quốc mới nhập tịch. Mãi sau mới được nhận vào học, trễ mất nhiều ngày nhưng tôi cũng gắng theo kịp các bạn.

Tôi ưa những giờ tập dượt, mặc áo da, đội mũ, đeo kính phi công, leo lên những máy kiểu Potez-25, Leo-20. Với những kiểu máy bay cũ ấy người ta huấn luyện cho chúng tôi đầy đủ khả năng để dự một trận chiến tranh 1914.

Mẹ tôi sửa soạn bộ binh phục không quân cho tôi thật công phu chỉ đợi ngày con về nhà với lon thiếu-úy không quân vàng chói.

Trong số 300 sinh viên Không quân chỉ có một mình tôi không được bổ Sĩ-quan, cũng không được lon Thượng-sĩ. Người ta cho tôi chức Hạ-sĩ, không phải vì tôi kém, mà vì tôi mới nhập quốc tịch Pháp được 3 năm.

Các bạn tôi cũng có nhiều người tỏ vẻ bất bình thay. Tuy nhiên tôi không phẫn uất, chỉ có cảm giác buồn nôn. Tôi hiểu rõ những điều kiện xã hội chánh trị và lịch sử đã gây ra sự thất bại nhục nhã của tôi và tôi cương quyết chống lại những trở ngại ấy, mất tôi hướng về những mục phiêu cao hơn.

Tôi quan niệm cuộc đời như một cuộc chạy đua, trước khi kiệt lực mỗi người phải ráng đưa cuộc thử thách làm người lên một nấc cao hơn. Tôi không chịu nhận một giới hạn nào cho những khả năng sinh lý, trí tuệ và thể chất của con người.

Đối với mẹ tôi thì hơi khó xử. Mới về đến đầu đường đã thấy khách sạn quét vôi sáng choang, cờ tam tài phất phới trên nóc. Tôi hiểu ngay mẹ tôi ăn mừng con được bổ Thiếu-úy Không quân. Liếc qua bộ y phục Hạ-sĩ, mẹ tôi thất vọng ra mặt. Tôi vội kéo mẹ về nhà :

— Con phải hoãn trong 6 tháng mới được bổ Thiếu-úy.

— Sao vậy ?

— Tại có rắc rối với vợ thiếu tá giám đốc. Họ phạt con, xuyết có cuộc đấu súng vì tình.

— Nó đẹp không ?

— Đẹp phải biết !

Mẹ tôi vẫn ưa những chuyện tình. Tôi kể rất nhiều về câu chuyện tình của tôi với bà thiếu tá tưởng tượng.

* * *

Cất nghĩa với mẹ thì dễ, nhưng chịu đựng được sự chế giễu của mọi người ở Buffa khó hơn, tuy nhiên những câu chế nhạo cũng làm tôi đỡ buồn, vì chúng không có nghĩa gì so với sự lo lắng trước kia lúc sắp về nhà với mẹ.

Sau tôi được bổ làm huấn luyện viên hàng không. Mẹ tôi dẫn tôi đến thăm nơi làm việc sau này. Bà ra kiểm điểm một lượt đoàn phi cơ chiến đấu trong sân bay, cau mày suy nghĩ rồi cho ý kiến :

— Ta phải đánh ngay, tiến thẳng vào Bá-Linh.

Tiếc rằng hồi ấy chính phủ Pháp không giao cho mẹ tôi quyền tổng tư lệnh quân đội !

Tại phi trường Bordeaux, mỗi ngày tôi ở trên không 5, 6 giờ, ngồi trong chiếc Potez-540. Chẳng bao lâu tôi được thăng trung sĩ, số lương đã khá nên tôi thấy nên hưởng cuộc đời một chút. Dầu sao tôi vẫn nuôi hy vọng là sẽ có ngày được làm phi công chiến đấu. Ngoài giờ bay công vụ tôi còn dượt thêm một giờ nữa, trước sau đến hơn 100 giờ, hy vọng rồi sau luật lệ sẽ nhân nhượng hơn đối với trường hợp của tôi.

Ngày 4 tháng 4 1940, vài tuần lễ trước trận tấn công Đức, tôi nhận được tin mẹ ốm nặng cần tôi về ngay. Phải mất 48 giờ mới về được tới Nice.

Trong chuyến tàu đưa binh sĩ nghỉ phép về nhà, tôi nhận thấy tinh thần họ xuống quá: « chỉ tại nước Anh lôi chúng ta vào trận này, người ta không hiểu Hitler, đáng lẽ phải thảo luận với hắn thì hơn, nhưng cũng còn có điểm sáng trên trời đen tối: người ta vừa phát minh một thứ thuốc trừ dứt nọc bệnh hoa liễu trong 24 giờ... ? »

Tôi không thất vọng lúc nhà với nước dồn dập đưa lại những tin buồn nản. Trong đời tôi, cái khó khăn nhất là cố gắng thất vọng hoàn toàn. Tôi không sao làm thế được, vẫn có cái gì kín đáo mỉm cười và gợi hy vọng.

Về đến nhà tôi tức tốc đến nhà thương xô cửa vào, viên y tá tưởng rằng cướp đến đánh phá với súng ống.

Tôi ôm lấy mặt mẹ tôi và ngồi xuống giường. Hai ba giờ trôi đi trong sự yên lặng. Mẹ tôi bảo tôi ra kéo màn cửa. Tôi đứng dậy ra phía cửa, không quay lại cũng biết mẹ tôi khóc. Tôi trở lại

chiếc ghế bên cạnh giường và ngồi đấy suốt 48 giờ, chiếc mũ phi công vẫn ở trên đầu, máu xi-gà ở môi.

Nhưng bệnh mẹ tôi thuyên giảm dần. Theo lời thầy thuốc bà có thể chịu đựng được vài năm nữa. Bà khuyên tôi:

— Con phải lấy vợ đi. Đối với con, đường tình duyên còn khó khăn hơn người khác.

Rồi bà khuyên tôi cách cư xử với đàn bà. Đã 26 năm nay mẹ tôi sống cô độc, có lẽ vì đối với mẹ, tôi là hình ảnh người đàn ông hơn là đứa con.

Tôi vẫn giấu kín không nói với mẹ trước ngày xảy ra chiến tranh, tôi đã yêu một cô gái người Hung-gia-Lợi, vì chiến tranh nên nàng về nước, bây giờ tôi mới nói, mẹ tôi vội hỏi:

— Nhà giàu không?

— Con không cần biết.

— Nghề ngoại giao cần phải tiếp đãi nhiều, cần đầy tớ, cần ăn mặc. Chắc gia đình nó phải hiểu như thế.

Tôi cầm tay mẹ:

— Thôi mẹ ơi.

— Để mặc tao, tao sẽ nói với gia đình nó, tao biết cách nói.

Trước khi từ giã mẹ, tôi mỉm cười nhìn mẹ lần nữa. Tội yên dạ. Cái can đảm của mẹ đã truyền sang tôi, đến bây giờ gặp những bước khó khăn tôi cũng không cho tôi được thất vọng.

*
* *

Phi trường Bordeaux — Merignac vào những ngày 15, 16 và 17 tháng 6 năm

1940, ngày nước Pháp bại trận, là một cảnh tượng kỳ-dị. Sân bay tràn ngập những máy bay đủ các kiểu từ 20 năm về trước. Trong lúc giã chết không quân thấy lại quá khứ của mình. Máy bay còn đổ xuống những gia đình chạy nạn. Tôi đã thấy những phi công lái máy bay về cánh thúng như tấm màn rách, mỗi lần báo động có những thanh niên hăng hái nhảy lên máy bay lái đi, không súng ống đạn dược gì cả, chỉ có hy vọng đến đâm nhào vào máy bay oanh tạc địch.

Ngày nước Pháp đầu hàng, tôi ngồi tựa lưng vào tường một kho chứa máy bay với 3 người bạn, mắt lạnh lùng, khẩu súng bên sườn trở nên vô dụng. Tuy chúng tôi ở xa mặt trận, nhưng chúng tôi còn trẻ, tin nước Pháp đầu hàng như trước đoạt sinh lực hăng hái của chúng tôi, khẩu súng sáng chói trong tay chỉ để nhìn mà tỏ sự phẫn uất. Ba chúng tôi chưa đưa nào ra mặt trận, một người nói câu trào lộng tả có ý muốn chung tìm cách trú ẩn trong một thái độ xa rời trước sự thất bại của tổ quốc:

— Thật như ngăn cấm Corneille và Racine không cho viết văn rồi phàn nàn rằng nước Pháp không có văn hào!

Chúng tôi định kiếm một chiếc máy bay để trốn sang nước Anh. Máy bay đã sẵn sàng thì tôi đang lúng túng với chiếc thắt lưng. Vừa để chân lên bậc thang thì một người đi xe đạp đến vậy lại:

— Trung sĩ. Ông có người gọi điện thoại, việc gấp.

Có thể thế chăng? Mẹ tôi đã len lõi được để gọi điện thoại cho con thật là khó tin!

Tôi theo người giắt xe đạp ra khỏi sân bay, chiếc máy bay cất cánh lên cao được 20 thước rồi quay cuồng nhào xuống nổ tung. Tôi đứng lặng nhìn cột khói đen mà sau này biết bao lần còn trông thấy trên những phi cơ tử nạn. Lần thứ nhất tôi biết cảm giác cô độc cháy lòng, bất thần và toàn vẹn. Sau này hàng trăm người bạn tôi cùng chịu cảnh ngộ ấy đã để lại vết tích sâu xa làm tôi có cái vẻ thần thò khác hẳn mọi người.

Vài phút sau tôi cầm máy nói, nghe tiếng mẹ tôi. Tôi không thể nào viết lại những câu đã nói với mẹ.

Trung sĩ Dufour người coi điện thoại để ý nhìn tôi, điều thuốc tắt dín ở môi. Trong mắt anh có một tia hy vọng sáng ngời, tia sáng ấy đối với tôi xưa nay vẫn là biểu hiệu của nguồn sống. Anh thuộc vào loại chiến sĩ không chịu nhận sự đầu hàng nên giúp nhiều anh em cơ hội để xuất ngoại.

Tôi không oán giận những người có trách nhiệm về sự bại trận và hòa ước 1940. Tôi cũng hiểu những người không theo De Gaulle. Họ đã học và dạy cho người học chữ khôn ngoan. Trong thâm tâm họ thầm kín ưa dè dặt hèn yếu, thụ động, chối bỏ khó khăn, không muốn thử làm cái không thể làm được, cho nên họ thừa nhận sự thắng thế của Hitler như đương nhiên phải có.

Những giờ sau tôi lang thang trong sân bay, tìm cơ hội sang Anh quốc. Khi tôi chèo lên một chiếc Farman đen, to lớn, lần thứ nhất tôi nom thấy, chợt gặp một đại tướng hai sao đang ngồi viết, một khẩu súng lục để vừa tầm tay, dè lên tờ giấy. Thấy tôi. Đại tướng đưa

cặp mắt xa vắng nhìn qua rồi lại chăm chú viết. Bất thần tôi hiểu, hay tưởng rằng mình hiểu vị đại tướng bại trận này viết thư tuyệt mệnh trước khi tự vẫn. Tôi cảm động sâu xa, trước hình ảnh cao đẹp, ý nghĩa hào hùng, còn những tướng lãnh khảng khái như vậy, chúng ta còn có thể hy vọng bất cứ cái gì. Mấy lần sau tôi trở lại. Đại tướng vẫn ngồi viết. một xấp thư niêm phong đã xong, để dưới khẩu súng. Bất thần tôi hiểu vị Đại Tướng của tôi không có ý định làm một vị anh hùng khí khái nước Phù Tang hay trong một bi kịch Hy-Lạp. Ông ta chỉ ngồi viết thư thăm nhà, dùng khẩu súng làm cái chặn giấy !

* *

Tôi từ già phi trường Merignac để đến Salanque với ý định sang Algérie thì vừa có lệnh cấm hết tàu bè rời bến. Nhưng gặp được một nhóm người cương quyết ra đi, chúng tôi cứ cho máy bay cất cánh với số xăng còn lại, với hy vọng không đến nỗi hết xăng rớt xuống biển.

Tôi vẫn tin tưởng phần cao đẹp của cuộc đời, ý thức một cuộc đời quân bình và nhịp điệu cho nên nghe theo tiếng gọi huyền bí ấy mà tiến vào những hành động phiêu lưu, nhưng có lẽ viên phi công không nghĩ thế, ông ta vượt biển với chiếc máy bay không bảo đảm, không có sự nâng đỡ tinh thần nào ngoài hai chiếc bánh bơm hơi dùng làm phao khi cần đến.

May mà chúng tôi đến Alger còn dư xăng để bay 10 phút nữa.

Algérie đã nhận được lệnh đình chiến.

Nhật lệnh của tướng De Gaulle kêu gọi tiếp tục chiến đấu ra ngày 18 tháng

6-1940. Sau này tôi mới biết mẹ tôi đã cầm gậy đứng trước những gian hàng thịt, hàng rau củ vô dân chúng chợ Buffa không nhận đầu hàng vào những ngày 15 và 16 tháng 6 vậy nên có lời thanh minh với các nhà sử học. Bản tính gây gổ, ưa bạo động của mẹ tôi đã truyền sang tôi làm tôi mất hẳn tính do dự nhu nhược ; tôi nổi tiếng là người điên cuồng.

Khi tôi đến Fez tìm người bạn để cùng sửa soạn sang Anh thì gặp cô em anh, một mẫu thiếu nữ da trắng sinh ở thuộc địa, da mát mịn, hai mắt u-buồn. Nàng là người có học, vui vẻ, nàng khuyên tôi và anh nàng xuất dương theo đuổi cuộc tranh đấu. Chúng tôi chóng thân nhau lắm, tôi xin hỏi nàng làm vợ. Tôi sẽ cùng với anh nàng sang Anh trước, nàng sẽ theo sang sau. Nhưng tôi bị kẹt lại. Sáu tháng sau tôi nhận được một bức thư của anh nàng từ Luân-Đôn gửi về báo tin nàng đã đẹp duyên với một Kiến-trúc-sư trẻ tuổi ở Casablanca. Tin này làm cho tôi rất buồn nản, không phải vì tôi thất vọng mà vì nó tiết lộ một sự thật không mấy thơ mộng về ái tình của tôi cũng như của nàng. Tôi tưởng rằng đã tìm thấy người đàn bà mình yêu suốt đời, nhưng tôi đã quên hẳn nàng trước khi nhận được thư. Chúng tôi chỉ ý hiệp tâm đầu ở điểm chóng quên nhau đến thế

Tôi đã gia công vận động với Tòa Lãnh-sự Anh để có giấy thông hành giả nhưng không có kết quả, tôi định đánh cắp một chiếc máy bay ở sân bay Meknès để trốn sang Gibraltar. Vợ vẫn đã nhiều ngày trong phi trường, tôi thấy một chiếc Simoun hạ cánh xuống, viên phi công tiến vào kho. Lập tức tôi trèo lên, ngồi vào

ghế lái, chắc rằng không ai thấy mình. Tôi đã làm, lính không cảnh vãn canh chừng sợ có người đào ngũ. Hai người cảnh sát đã lộ đầu ra, một người đang lấy khẩu súng trong bao ra, tôi mở máy mà máy vẫn không chịu chạy. Bực quá tôi nhảy xuống đất. Mười người lính trong kho cũng chạy ra xem, họ chăm chú nhìn tôi nhưng không tỏ vẻ muốn vây bắt. Tôi len lén chạy như con thỏ, tay cầm khẩu súng. Việc này còn làm cho tôi thêm nặng tội khi ra tòa án quân sự, nhưng tôi đã nhất quyết sẽ không có tòa án quân sự. Một loạt còi báo động nổi lên. Nhưng tôi đã ra được tới cổng, ung dung đi qua bót canh gác rất tự nhiên.

Ra đến đường gặp một chiếc xe hàng, tôi đứng ngăn giữa lộ dơ tay bắt xe phải ngừng. Khi đã lên xe ngồi tôi mới thở khoan khoái. Chỉ có một điều ân hận là đã để áo da trong trại. Đời tôi đã mật thiết với chiếc áo da, không có nó tôi thấy lẻ loi. Chắc là cảnh sát sẽ lùng bắt tôi khắp nơi, vậy sự khôn ngoan sơ đẳng là phải tìm chỗ ẩn náu. Ở đây có một khu gái điếm để riêng cho quân đội, ngày đêm tấp nập binh sĩ đủ quốc tịch, tôi có nhiều hy vọng nhân sự trà trộn với mọi người mà thoát tay cảnh binh, có lẽ còn hơn vào cầu cứu sự che chở của một giáo đường, nhất là từ khi quyền che chở của giáo đường không còn được tôn trọng.

Tôi ẩn trong nhà một mụ đầu được vài ngày thì gặp một người bạn. Anh cho tôi biết không có gì đáng lo ngại vì viên trung tá chỉ huy phi đội của tôi không trình báo việc đào ngũ, mà cũng

không thừa nhận tôi đã theo phi đội sang Bắc Phi.

Trong túi không còn xu nhỏ tôi phải vay anh chút tiền mua vé đi Casablanca tính trốn xuống một chiếc tàu sang Anh. Tuy nhiên bỏ Meknès đi ngay thì không đành, nhất là bỏ cái áo da lại Phi Châu. Tôi lên về trại, nhưng chiếc áo da đã không còn đấy, tôi buồn nản nằm vật lên giường ngủ thẳng một giấc 16 giờ liền, lúc tỉnh dậy vẫn nằm nguyên như cũ.

Dẫu sao cũng vẫn còn cái gì an ủi : ra đến đường tôi gặp hàng bán dưa gang muối. Tôi ngồi xuống bên đường ăn thông nửa tá và còn bọc một ít vào giấy nhật trình để lên xe ăn. Giá người bán dưa gang muối này có con gái gả cho tôi, chắc tôi lấy làm thỏa thuê, sẵn sàng sống bên cô hàng bán dưa cho tới trăm tuổi.

Đến Casablanca, tôi lại may mắn được gặp hai sinh viên trường không quân cũng đang tìm đường sang nước Anh. Chúng tôi gặp một viên đội Ba Lan. Ông ta cho 2 bạn tôi người thì mượn mũ, người thì mượn áo, còn tôi, tôi chỉ cần bỏ chiếc áo ngoài đi. Tôi dùng tiếng Ba Lan cất nghĩa cho sĩ quan Ba Lan biết công tác đặc biệt của chúng tôi :

— Công tác liên lạc mật vụ. Winston Churchill Trung úy Maison Rouge, phòng nhì.

Nhờ mưu ấy chúng tôi qua được hàng rào cảnh sát lên tàu chui xuống hầm than. Đến Gibraltar thì gặp hạm đội Anh vừa đi đánh chìm những chiếc tàu to nhất của nước Pháp ở Mers-El-Kébir,

trở về. Trong trường hợp ấy tôi khó chịu đựng được cảnh sống trên một chiếc tàu của người Anh. Tại bến có một chiếc tàu phát phới cờ Pháp, tôi lẳng lặng cởi áo nhảy xuống biển. Khi đã bơi gần đến nơi chỉ còn cách hai trăm thước, bỗng dưng có ý muốn trở lại cầm súng bắn mấy viên đạn vào ngực chi-chít mề đay viên đô đốc thủy quân Anh rồi sẽ tính. Nhưng phải trở lại gần 2 cây số.... Vả chăng, việc ấy tỏ rõ ý muốn của người Anh chiến đấu đến cùng, tôi phải theo họ dù rằng họ đã đánh đắm tàu của nước Pháp. Tôi bơi tới tàu Pháp leo lên, người trần truồng như nhộng. Một hạ-sĩ trông thấy chỉ lễ phép hỏi :

— Không sao chứ !

Anh đã chứng kiến những thảm họa vừa qua nên không lấy làm lạ. Anh ta cho biết tàu này cũng sắp sang Anh theo tướng De Gaulle, và rất sung sướng được tôi giúp một tay để gọt khoai tây. Tôi nghĩ rằng công việc ấy khó lòng hấp dẫn một phi công, chẳng thà trở lại đi nhờ tàu của người Anh. Tôi lại nhào xuống biển.

Sang đến Glasgow chúng tôi được một bộ đội mặc lễ phục tiếp đón. Trong số 50 phi công sang đây chỉ còn sống sót 3 người khi chiến tranh kết thúc. Có lúc tôi cảm thấy rằng tôi còn sống đến ngày nay chỉ là theo phép lịch sự mà thôi, tôi còn để cho trái tim tôi đập chỉ vì tôi còn yêu con vật trong người tôi.

Trong số bè bạn có một người tự bắn một viên đạn vào trái tim vì thất vọng tình ái với một cô điếm. Qua những

cơn khủng hoảng tinh thần vì quốc biến, tôi không lấy làm lạ có những phản ứng không ngờ như thế. Bạn tôi đã bầu víu lấy một cái cọc ngấu nhĩ, cọc gậy, anh bị cuốn đi, thực ra anh ngã gục dưới sức đè nặng những thất vọng chồng chất.

Tôi bám lấy một cái cọc chịu đựng được mọi sự thử thách, đó là mẹ tôi, tuy ở xa nhưng luôn luôn nâng đỡ tinh thần tôi không cho phép tôi quản trí.

Tôi đã theo đoàn RAF đi oanh tạc ban đêm. Hồi ấy đài BBC loan tin không quân Pháp từ căn cứ Anh quốc sang oanh kích nước Đức, thực ra không quân Pháp chỉ có tôi và Morel, 2 người mà thôi.

Sau tôi đến Saint-Athan cùng 2 hạ sĩ nhận công tác chở quan tài một quân nhân đến một nghĩa địa ở xa. Nửa đường xe hỏa phải ngừng vì hư đường rầy, chúng tôi phải gửi quan tài tại nhà ga để vào thành phố nhậu chơi. Mềm mại quá chén chúng tôi say khướt đến nỗi đi không vững nên phải mượn người lãnh và đưa lên tàu giùm. Đến nơi chúng tôi khiêng quan tài vào nghĩa địa phủ cờ tam tài lên đờn hôm sau làm lễ. Hôm sau một hạ sĩ Anh lật cờ tam tài lên coi thấy trên nắp hòm hiện ra một hàng chữ «guinness is good for you» và nhận hiệu một hãng rượu bia quen thuộc. Mấy người phu khuân vác đã làm hòm. Chúng tôi thật bối rối, nhất là ông linh mục đang chờ và 6 người lính ở đó sẵn sàng bắn loạt súng danh dự chào linh hồn người quá cố. Không thể để cho danh dự quân đội hoen ố vì lỗi lầm phu khuân vác, tôi đưa mắt ra hiệu cho viên

hạ sĩ Alh. Ông ta hiểu ngay, bèn đẩy ngay lá cờ lại và cho hạ huyết. Lễ an táng cử hành nghiêm trang, kết rượu bia được mở yên mã đẹp. Tôi không biết số phận chiếc quan tài thật sau ra sao.

*
* *

Từ đây trên nền trời Âu châu diễn ra những trận đánh lịch sử đã thay đổi cục diện hoàn cầu. Tôi không được dự một trận nào. Người ta đưa tôi đi huấn luyện để xung vào đoàn tàu không vận ở mặt trận Phi-Châu.

Trước khi đi tôi còn tìm được dịp đấu súng với 3 sĩ quan Ba-Lan vì một người con gái mà tôi đứng đưng chẳng chút cảm tình chỉ vì cô ta là một nữ sĩ quá ngu xuẩn. Một người trúng đạn, tôi không sao cả chỉ bị khiển trách.

Tôi bắt đầu trở lại viết những trang đầu một tác phẩm dài. Quyển Éducation Européenne tôi viết lúc ở trên tàu sang Phi-Châu. Tôi vẫn tin tưởng rằng người ta có thể dùng văn chương để uốn nắn đời sống theo cảm hứng của văn nhân để trả lại cho đời ý nghĩa chân thực và khuynh hướng sâu xa. Tôi tin tưởng ở sự chân thiện, ở vẻ đẹp của cuộc đời.

Máy bay được đóng hòm gửi đến Takoradi rồi ráp ở đây đưa sang mặt trận Lybie. Tôi chỉ được dịp hộ tống một chuyến bay, mà phi-cơ của tôi không đi đến nơi, nửa đường rớt xuống rừng, tôi thoát nạn nhưng hai phi công tử nạn. Thật không có gì ghê tởm cho bằng một người chết, đầu nát bét, ruồi bâu đen kịt. Thân thể một người sao mà lớn thế khi phải dùng bàn tay đào đất để chôn!

Ruồi muỗi làm tôi ngao ngán. Tôi cố gắng tìm một cách trấn tĩnh. Máy bay có chỗ theo cam xanh. Tôi lấy ra năm trái đứng tung, luyện lại trò chơi hồi thơ ấu. Đó là tất cái gì tôi có thể làm được để chứng tỏ con người ở trên hoàn cảnh.

Trong những ngày đi hộ tống này tôi luôn luôn thấy mình bất lực, phải hết sức cố gắng mới giữ được tinh thần, tỏ ra mình chưa hẳn hết sinh lực. Tại Lybie, chúng tôi sửa soạn cuộc tấn công Rommel. Tại trường bay, một nạn máy bay rừng rợn làm chết 6 phi công Anh và 9 phi công Pháp. Ba phi cơ vừa cất cánh thì ba chiếc khác vừa hiện ra. Cát bụi mù không nom thấy nhau. Ba phi cơ trước trở 3.000 kí-bom. Một vụ nổ và cháy kinh khủng chưa từng có trên lịch sử không quân.

Tôi lại không có mặt trong đoàn phi công ấy vì tôi mắc bệnh thương hàn. Thầy thuốc đã bó tay, chỉ có một phần ngàn hy vọng qua khỏi. Người ta đã mang vào phòng một cái hòm để đợi sẵn, vì tôi chỉ còn sống được vài giờ là may. Nhưng không biết sao, đã mê man 15 ngày liền, tôi còn có lúc tỉnh, thấy cái xăng, tôi hoảng sợ còn đủ sức trỗi dậy lê ra ngoài vườn. Một bộ xương trần truồng đầu đội cát-kết không khác gì một thây ma, làm một người vừa ốm dậy hoảng hốt bỏ chạy. Tối hôm ấy anh ta phải lại. Hồi đó tôi vừa được thăng Thiếu-úy nên không ngờ mình thiết tha với cái mũ có lon Thiếu-úy như thế, có lẽ đây là hậu quả sự thất vọng sâu xa của tôi ba năm về trước.

Tôi không muốn chết. Tôi không muốn bỏ dở dang tác phẩm cuộc đời tôi coi là một tác phẩm mỹ thuật phải hoàn thành.

Người tôi đẩy lỗ loét, lười nứt ra vì ung độc, xương hàm bị gãy vì một tai nạn phi cơ nay lòi một mẩu xương ra ngoài nướu. Sốt nóng đến nỗi phải bọc một tấm dạ ướp lạnh. Ngoài ra còn thêm một con sán sơ mít rất dài, ngày đêm chui ra từng lóng.

Tia lửa sống bừng sáng khi tôi thấy ông cha mang cây thánh giá vào rửa tội. Tôi nhất định từ chối. Nhưng người ta cứ làm, lúc tôi ngất đi mấy phút.

Nhưng rồi tôi cảm cực được với tử thần. Ít lâu sau tôi qua khỏi. Câu hỏi đầu tiên khi tỉnh là bao giờ có thể trở lại hoạt động ngoài mặt trận.

Thầy thuốc mỉm cười. Chưa chắc tôi có thể đi đứng được như thường. Vậy mà ba tháng sau tôi lại ngồi cầm lái chiếc máy bay săn tiềm thủy đình.

Khi không đội của chúng tôi thiên về Anh quốc, tôi biết rằng sắp đến ngày đổ bộ của Đồng-Minh. Tôi phải viết gấp cho xong cuốn Education Européenne vì không lẽ về nhà chân tay không. Tôi đã nghĩ đến niềm vui sướng của mẹ khi thấy tên mình in trên bìa sách.

Tôi viết suốt đêm cho tới ba bốn giờ sáng rồi ra uống ly cà-phê xong trèo lên máy bay đi ra trận. Thường thường mỗi chuyến ra đi, lúc về ít nhất thiếu một người. Dần dần trong bọn chỉ còn có vài người, chúng tôi trầm ngâm nhìn nhau cảm động.

Cuốn sách của tôi đã viết xong, một nhà xuất bản báo cho biết sẽ dịch ra

tiếng Anh để xuất bản. Ở Anh người ta niềm nở chào đón nó ra đời. Nhiều tờ báo đã dành cho những bài phê bình và các phóng viên đợi tôi trên máy bay xuống chụp hình và phỏng vấn.

Một hôm tôi cùng Arnaud Langer đi oanh tạc một căn cứ. Viên phi công bị trúng đạn vào mắt. Tôi vừa hay biết thì bị một viên đạn xuyên vào bụng. Người ta cho phi công dùng một thứ mũ sắt, người Anh đội lên đầu, nhưng người Pháp dùng nó để ngồi lên trên vì cho rằng phía dưới có một cái quý hơn cần phải bảo vệ hơn cả. Tôi vội vàng lật chiếc mũ ra coi, cả mừng vì vẫn còn nguyên vẹn, mừng đến nỗi tình trạng nguy ngập đối với tôi không có gì đáng ngại nữa. Chúng tôi vẫn cố gắng dội hết số bom xuống rồi mới quay về. Tôi lại bị một viên đạn nữa vào lưng. Viên phi công lấy tay kéo được mảnh đạn ở mắt ra, giây thần kinh không bị đứt, nên vẫn trông được mờ mờ. Chỗ tôi ngồi ở đằng trước ngăn cách với chỗ phi công bằng một bức vách sắt nên không thể giúp gì y được. Chúng tôi định nhảy ra ngoài thả dù để xuống, nhưng cửa đã bị đạn làm hóc khóa.

Trong tình trạng ấy máy bay đành phải hạ xuống phi trường với một viên phi công gần mù. Lần thứ nhất trong lịch sử một viên phi công mù hạ máy bay xuống được yên ổn.

Sau chuyến bay ấy, tôi nằm nhà thương ít bữa thì lành mạnh, khi trở về căn cứ Hartford Bridge thì nhận được điện tín của đại tướng De Gaulle báo cho biết được « Huân chương Giải Phóng ».

Ngày đổ bộ của Đồng Minh đã qua, chiến tranh sắp kết liễu. Tôi muốn được thả dù xuống nước Pháp để liên lạc với quân kháng chiến; nhưng vì có cuộc đổ bộ ở miền Nam nước Pháp thành ra không cần nữa. Người ta cấp cho tôi một giấy phép để về Pháp. Xe Jeep đưa đến tận Toulon, từ đây trở về Marseille khó khăn hơn. Tôi đã nhờ báo tin cho mẹ biết bằng nhiều lối. Chắc tin ấy cũng cùng đến nơi một lúc với quân đội đồng minh khi tiến vào Nice.

Những thư từ sau này tôi nhận được của mẹ có một giọng hơi khác: « Con ơi, con đừng nghĩ nhiều đến mẹ, đừng sợ gì cho mẹ. Bây giờ con là người lớn rồi khỏi cần mẹ ở bên như hồi còn nhỏ. Sức khỏe mẹ khá lắm. Con phải can đảm, con không còn bé nữa. » « Đã mấy năm nay xa cách, mẹ mong rằng con quen với hoàn cảnh. Con về nhà con sẽ hiểu hết, con sẽ tha thứ cho mẹ. Mẹ không thể làm khác được ».

Bây giờ tôi mang về cho mẹ tấm băng Huân chương Giải Phóng ở trước ngực,

trên huy chương Bắc Đẩu bội tinh và năm sáu chiếc mề-day khác, lon trung úy trên vai, cuốn tiểu thuyết và các bài phê bình báo chí trong tay. Tôi trở về nhà sau khi đã chứng minh cuộc đời còn ý nghĩa, công bình và danh dự đã thắng.

Khi xe Jeep đến khách sạn Mermonts, không thấy có ai ra đón. Người ta còn nhớ mang máng mẹ tôi ngày xưa, nhưng không ai biết cả. Mấy giờ sau tôi mới biết rõ sự thật. Mẹ tôi mất đã hơn ba năm nay, mấy tháng sau khi tôi sang nước Anh.

Mẹ biết rằng khi mẹ chết rồi con mẹ không chịu nổi mọi cuộc thử thách nên đã dự tính hết. Mấy ngày trước khi nhắm mắt mẹ tôi viết gần hai trăm bức thư giao cho người bạn bên Thụy sĩ để cứ theo đúng định kỳ gửi cho tôi.

Bởi vậy tôi vẫn nhận được lời khuyên nhủ và khuyến khích của mẹ, tuy mẹ chết đã ngoài ba năm.

CÔ-LIÊU

Trong năm 1962 sẽ phát hành

- VIRGIL CONSTANT GHEORGHIU ● JACQUES PERRY
- ANDRÉ MALRAUX và JEAN PAUL SARTRE (Nhận định và giới thiệu) ● CHO THUÊ BẢN THÂN (thơ) ● HIỆN TÌNH VĂN NGHỆ MIỀN NAM (5) Nhận định ● NHẬN ĐIỆN VỐC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH (6)

Đều mang tên một người viết là: **THẾ-PHONG**

Đại Nam Văn Hiến *Xuất-bản-cục phát hành*

Riêng hai cuốn số 5 và 6 không bán ra ngoài. Bạn đọc muốn có xin gửi thư về nhà xuất bản: 201-11, Nguyễn-Huệ, Phú-Nhuận — SAIGON, thư để cho Ô. ĐỖ-MẠNH-TƯỜNG.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Thằng cháu tôi

CHẮC trong số chúng ta, có nhiều bạn cũng đã từng gặp trong đời mình vài nhân vật có một lời nói chuyện đặc biệt mà dù xa cách lâu về sau, bạn cũng khó quên. Có thể đó là những lời rất tẻ nhạt, ngọt ngào của một người lịch sự, mà mỗi khi nhớ đến, bạn có cảm giác vừa hưởng được một cái gì êm dịu như sự vuốt ve. Hoặc những lời cộc lốc của một kẻ cau có đặc biệt mà mười năm sau nhớ lại, bạn còn thấy chán đời ! Hay hoặc như vài vị có cái tật dài dòng văn tự, nghe chán ngay như nghe trúng một bài đít-cua dở ! Nhớ càng bắt bực mình ! Mỗi người mỗi cách để kỷ-niệm cho ta, cũng như chính ta để kỷ niệm cho bao người khác. Nhưng bạn thử kiểm điểm lại coi, có lần nào bạn gặp một người có lời nói chuyện đặc biệt như « nhân vật » tôi sắp kể sau đây chăng ?

« Nhân vật » này không ai lạ ! Ấy là cháu tôi ! Gọi tôi bằng cô, và chỉ kém tôi vài tuổi. Tên cậu là An !

Kể ra chỗ bà con thì không xa. Cha An là anh cô cậu ruột với tôi, con của cô tôi. Song chúng tôi ít thân nhau và cũng ít hiểu nhau, vì ít được sống gần nhau. Cha mẹ tôi ở Cần-Thơ mà cô dưỡng tôi ở mãi Long-Mỹ.

Chỉ trong khoảng thời gian còn đi học là chúng tôi có dịp trò chuyện với nhau, mỗi tuần lễ một lần, vào ngày chúa nhật, An từ nội trú ra chơi nhà chị tôi và tôi thì ở đó.

Như vậy đâu vài năm, rồi thôi. Tôi đi con đường của tôi. An đậu đít-lôm rồi trở về Long-Mỹ. Tôi cũng không thăm hỏi gì nữa.

Rồi bằng một cái hơn hai mươi năm trời không tin tức gì nhau bỗng một hôm ngày năm ngoái chiều thứ bảy thì phải, trong khi tôi đang ngồi cắn bút như học trò bí bài, thì chợt thấy An thẳng chiếc xe mô-bi-lê cũ rích trước nhà tôi.

Thoạt tiên, tôi không nhìn ra được « ông » cháu của tôi đó ! Hai mươi

THẰNG CHÁU TÔI

năm ! Con người đã thay đổi bao nhiêu rồi, riêng An, tôi thấy lại càng thay đổi nhiều lắm lắm ! Cậu học trò trắng trẻo, nhút nhát khi xưa ngày nay đã là một thanh niên đứng tuổi, nét mặt rắn rỏi, da đen như cọt cháy ! Nói thề hơi quá, có lẽ ít hơn một chút vì quanh mép và cằm An, còn thấy được những chân râu lắm chằm màu mực tàu thứ thiệt !

Sở dĩ tôi quá chú ý tới « dung mạo » của An là vì khi nó mới dựng xe xong, tôi bước ra cửa và hoàn toàn chưa thấy một nét quen nào trên mặt nó, thì nó đã chào tôi bằng một cái cười cho thấy một hàm răng trắng toát làm tôi nhớ đến hình ảnh lính lê-dương về đồng năm nào mà rùng mình. Nhưng anh lính lê-dương này lành quá. Anh mở đầu một câu rất là thân thiện :

— Thưa cô, cô mạnh giỏi ? Dựng có nhà không cô ?

Tôi bỡ ngỡ, ngập ngừng :

— Không...

An lại cười, « giúp trí nhớ » cho tôi :

— Cháu là An đây mà, cô quên sao ? Năm cháu còn học ở Cán-Thơ...

À, tôi nhớ được rồi ! Tôi vội vàng mời An vào nhà, trà nước, ân cần chuyện vãn để bù lại chỗ bà con lạnh nhạt nãy giờ.

Sau câu chuyện hàn huyên, tôi biết từ bây giờ An gõ đầu trẻ ở Long-Mỹ, giờ dưới đây xem mời khó

khăn quá, bèn dẫn vợ con lên Saigon tìm việc.

Nhờ người bạn giới thiệu, An có được chân thư ký ở một sở bảo hiểm, lương tháng hai ngàn rưỡi bạc.

Tôi vừa toan phàn nàn chỗ làm ấy vì tôi biết có mấy người cũng chỉ dít-lôm như An mà hiện dạy tư mỗi tháng kiếm không dưới mười ngàn, có người còn được hơn nữa. Nhưng tôi chưa kịp mở miệng thì An đã tiếp — Cháu thật may mắn đó cô ! Có bè bạn cũng có hơn ! Dưới ấy cũng có hai người quen họ lên trước cháu hàng nửa năm nay mà vẫn chưa kiếm được chỗ làm, ăn hết cả tiền túi, quần áo rách xù. Họ giỏi hơn cháu mà chỉ cầu lấy một chỗ làm kiếm hơn cháu, nhưng vẫn không ra ! Hiện cháu muốn được rồi, cháu đã cho hai anh ấy ở nhờ để tìm việc làm. Cứ trưa và tối thì họ về nghỉ, còn thì ngày hai buổi cũng mặc quần áo ra đi như cháu, có điều là họ cứ phải đi chứ không vào được nơi nào để ngồi sau một cái bàn như cháu !

Nó dứt lời bằng một cái lắc đầu. Kèm theo một chuỗi cười khả nhe hàm răng trắng nhớn !

Tôi bèn hỏi thăm nhà để khi nào nhân tiện thì ghé thăm. An hết sức sẵn lòng, hăng hái chỉ cho tôi, bắt đầu như vậy :

— Nhà cháu ở dưới dốc cầu Bông, về phía Gia-định. Nếu từ cầu đi xuống thì phía tay trái, nhưng từ

dưới đi lên cầu thì nó ném về phía bên tay mặt của cô.

— Dĩ nhiên rồi ! Tôi lắm bả song không ngắt lời. Dầu sao An cũng là khách của tôi. An nói tiếp :

— Tới đầu dốc đó, cô quẹo qua tay mặt...

Nói tới đó, An dừng lại. Tôi bèn hỏi :

— Vào hẻm nào ? Khoảng đó rất nhiều đường hẻm !

An cười hả hả ra vẻ thích chí lắm, đáp :

— Cô đừng vào hẻm nào cả, vì nhà cháu ở đi bằng một con đường rộng, có công ngõ hẳn hoi...

Nó lại dừng, như để xem phản-ứng của tôi, rồi tiếp lời. Giọng hạ xuống gần như nói thầm :

— Nhưng mà là công ngõ nhờ của người khác ! Của một trại cura người Tàu ! Tuy vậy cả xóm nghèo ở phía sau đó đều được «ngang nhiên» chun ra vào mỗi bữa !

Tôi lại giữ câu chuyện để khỏi bị rẽ sang lời khác :

— Chun qua cổng đó rồi đi tới đâu nữa ?

An đưa tay ra vẻ trấn tĩnh tôi :

— Cô đừng vội ! Để cháu chỉ rõ. «Đúc kết» quá, cô sẽ mất nửa ngày đi lòng bông ngoài trời nắng và... về không ! Cô quẹo vô cổng đó rồi đi tới, đi thẳng tới, đi hoài...

Tôi không thể không cười và hỏi vặn lại :

— Đi hoài... tới vô tận ?

Nó khoát tay ra ý ngăn tôi lại như sợ tôi đi vào vô tận thật :

— Đâu có được cô ! Vì đi qua hết mây dầy trại cura mênh mông và cái sân trồng để kéo gỗ rồi thì cô bị những túp nhà lá của thợ cura cắt giăng ngang đường, chặn lại...

— Tôi đưa tay lên bóp trán... Nhưng An vẫn điềm nhiên thủng thỉnh tiếp :

— Nếu cô không nở đi thẳng vào để đám dân nghèo ở đó mất vía vì thấy bộ đồ sang trọng của cô mà ngỡ cô tới đuổi bắt họ...

Tôi cá với các bạn ai có thể kiên nhẫn hơn tôi buổi chiều hôm ấy ! Tôi vẫn ngồi yên để nghe An nói tiếp :

— Họ luôn luôn nơm nớp sợ bị đuổi bắt dù thật ra họ không hề được ở trên mặt đất. Dưới chỗ ăn, chỗ ngủ của họ là nước ! Một thứ nước sền sệt, đen thui có đầy đủ các chất dơ và mầm bệnh, lúc nào cũng xông lên một thứ mùi bất khả kháng. Vậy cô chớ nên vô làm, chỉ cô phải dừng lại...

Tôi bỗng bật cười ! May quá ! Tôi vừa chợt nhớ ra được một chuyện đã đọc trong một tờ tạp chí Pháp hồi lâu rồi. Câu chuyện ấy làm tôi vui được trong cái thì giờ phải «chịu đựng» này. Ấy cũng thuộc về đề tài chỉ đường. Trong bài báo, tác giả khuyên ta khi cần chỉ dẫn điều gì cho ai — nhất là chỉ đường, chỉ nhà — thì nên càng ngắn, càng rõ càng hay. Chớ có dài dòng mà

người nghe càng dễ lẫn lộn, dễ quên. Tác giả lược thuật vài mẫu chuyện chỉ đường của dân quê Pháp mà có lẫn tác giả được « lãnh giáo » và đi lạc gần nửa ngày trời ! Cũng những câu rườm rà, ngô nghê, đầu cua tai nheo không kém gì của thàng cháu tôi hôm nay ! Thật là... quê mùa không biên giới ! Thú vị thật !

Có lẽ An đã hiểu lắm tiếng cười của tôi có nghĩa là đồng ý và khuyến khích nên vụt đứng lên, xò hai tay vào túi quần, cười nhả hai khoé miệng và nói :

— Vậy là không thể đi tới được cô phải dừng lại ở... giữa trời ! Vì các khoảng đất trống đồ đá trước dãy nhà thợ cưa đó người ta dùng để trồng cây sùc nên trồng trơn, không có một cây con nào mà mong núp bóng. Nếu đi vào buổi trưa, nắng trên có đồ xuống, hơi đá dưới có bốc lên, mà mặc một cái áo ni lông, cô có cảm giác như ở trong một lò quay đi nữa, cô cũng chớ nên nghe hơi gió mát từ phía Cầu Bông thổi vào mà vội vàng quẹo càn qua hướng đó !

Nếu ở địa vị tôi mà bạn là một chàng nam nhi, thì tôi khuyên bạn cũng chớ nên nổi nóng mà a lại tát An, vì dầu sao nó cũng chưa chỉ dẫn tới nơi, bạn chưa có thể cắt ngang câu chuyện, nếu quả tình — sống giữa đô thành toàn người xa lạ này — bạn thực tâm muốn tới thăm nhà một người bà con hai mươi năm xa cách, bạn định tới một lần và còn nhiều lần nữa. Vậy nên tôi ngồi yên

mân mê tách trà để nghe An nói tiếp :

— Cho nên, cồ nhiên, cô phải quẹo về phía kia, tức là bên mặt. Thì cô thấy một cái cầu ván bẻ ngang độ bốn tấc. Cô cẩn thận, coi chừng...

À, tôi có dịp để nói được một câu thân hữu rồi ! Tôi nói :

— Cầu bốn tấc bẻ ngang thì đâu có nhỏ lắm, cô đi được, cháu yên lòng !

An vội vàng « chỉnh » cái ý tưởng sai của tôi :

— Dạ không, không đâu ! cháu không nhắc cô cẩn thận vì cô, mà là cô cẩn thận vì kẻ khác. Cháu biết rõ cô không hề có tật đi chân chữ bát, nhưng khi qua cầu — rộng bốn tấc cô nhớ — cô giữ dùm hai vạt áo đừng cho bay vào mặt vài đứa nhỏ trong xóm khi nào cũng có thay phiên nhau ngồi thường trực một bên cầu...

Tôi nóng nảy nên hỏi một câu thật là vô ý tứ :

— Ngồi đó chi vậy ?

An nói như rên rĩ :

— Dạ... ời ! khó nói quá ! Nếu giải rõ, cháu sẽ thành vô phép với cô ! Nhưng xin cô cứ nhớ giữ vạt áo vì nếu để bay vào mặt chúng, chúng né rồi té ngã ngay xuống chỗ chứa những gì thừa chúng vừa cho ra... Và nước gánh vào tận đó đến ba đồng một đôi. Cha mẹ chúng thì nghèo mặt, dĩ nhiên...

Có lẽ tôi không còn chịu đựng được nữa, nếu khi ấy An không kết thúc bằng một câu :

— Nếu khi qua khỏi cầu ấy mà cô không gây tai nạn cho ai, và tiếp theo, cô tránh được những mái nhà tôn vừa bé, vừa dài, vừa thấp, le ra hai bên cái ngõ đi rộng không đầy thước rưỡi, để chúng nó khỏi gây thương tích hai bên màng tang cô, và cô khỏi phải trở ra để băng bó, thì cô đi tới một mái nhà lợp ngói đầu tiên, bên tay trái ! Đó là nhà của cháu !

Ồi ! trời thần ! Tôi thờ phào ra như người ngộp hơi vừa được cứu cấp !! Được « tới » nhà An rồi, tôi không dám để cho nó tự do dẫn vào một đầu để nào khác, tôi bèn chặn lại và hỏi xem hôm nay ngoài việc thăm tôi, An vào đây còn có mục đích gì nữa không ? An trả lời còn có một việc nữa là nhờ tôi chỉ dẫn dùm để xin cho đứa con gái đầu lòng vào trường công. An nói :

— Cô vui lòng bỏ chút thì giờ chỉ giúp cách thức cho cháu ! Trên này có điều gì khác với trường làng không ?

Nghe nó nói hai tiếng « thì giờ » mà tôi muốn bật cười ! Nó đã nghĩ đến thì giờ của tôi bằng cách nói chuyện như lời tự nãy giờ ? Có lẽ nó chỉ suy tưởng theo nguyên tắc mà không nhận thức. Phải cho nó biết mới được !

Nhưng vốn không sở trường văn nói ấy, tôi loay hoay mãi chưa tìm ra được một câu mở đầu. An nói thêm :

— Cháu đã viết sẵn đơn và có khai sanh cháu bé.

Vậy chỉ việc sáng ngày tựu trường, cầm tới nộp, hả cô ?

— Ờ ! cốt là chen được tới chỗ cô giáo đứng ?

— Bộ đông lắm sao, cô ?

— Thì trẻ nhiều, trường ít. Phải tới thật sớm...

An vỗ hai tay vào nhau đánh chếp một tiếng ngựa đầu ra sau và nói :

— Cô chớ lo ! Cháu đã nghĩ ra một cách. Đêm hôm sáng ngày tựu trường đó, cháu sẽ đi coi hát. Văn hát cháu đi thẳng tới công trường và đứng tại đó tới sáng để giữ chỗ ưu tiên. Cháu thể với cô là cháu không mời chân !

Đột nhiên, tôi bỗng thấy trong lòng giận An. Tại sao lúc nào tôi cũng bị nó « xoay » hết vậy ? Cả khi nó chỉ dẫn cho tôi và ngược lại ! Tôi bèn có ý muốn « làm khó » nó, nói loanh quanh chơi. Nhưng mãi cũng không tìm ra được câu gì, đành buông xuôi. Không phải dễ đâu ! Người ta đông dầy đặc !

An khoát tay :

— Cô đừng lo ! Dù đông đến đâu, cháu cũng cố vào cho được ! Cô cứ tin đi ! Vì cháu không thể trả nôi học phí suốt năm năm tiểu học nên phải quả quyết « thi » cho con bé « đậu » vào lớp bét !

Nói rồi An cười nhe hàm răng như muốn nhát ai.

THĂNG CHÁU TÔI

Sau đó, thấy trời sẩm tối, An xin kiều từ. Khi đứng lên, như sức nhớ, An lại nói tiếp:

— À, cháu còn quên, chưa dặn cô cách thức đi vô trong nhà cháu!

Tôi trở mặt, ngạc nhiên:

— Còn sao nữa đó?

— Ô! ly kỳ lắm cô ơi! Để cháu xin phân giải. Nếu khi tới trước cửa nhà cháu — Cô nhiên là từ ngoài ánh sáng mới vào — cô nên đứng yên lại định thần vài phút...

Không thể nào không bức dọc, tôi gắt và gần mạnh:

— Để chi?

— Dạ, để nhìn thấy rõ ràng trong ấy thực không có người đang đi ra...

Có bạn nào hiểu được không? Nhưng tôi nín lặng, không hỏi tiếp vì nghe hơi giận căng đầy phổi. Không khéo mà tôi phải nạt nó thôi. May sao tự nó, nó nói tiếp luôn để tôi chưa kịp là một người bắt nhả:

— Không biết trên mặt đất này có một thiên tài nào có thể thiết lập được con đường hai chiều trên một bề ngang năm tấc không, ha cô? Một bên là vách ván thùng, cao dựng ngói, một bên là giường tre, ngựa gỗ nôi liền tận tới cửa bếp. Vậy nên nếu bắt ngờ mà có hai con người ta kỳ ngộ nhau ở khoảng giữa con đường đó thì chỉ có một cách là...

An dừng lại, lắc nhẹ đầu, môi dưới hơi trề ra, mày hơi chau. Tôi nhìn An, lòng dào dạt, nhưng không phải là cơn giận nữa. Một cái gì xót xa...

Nhưng An bỗng bật cười dòn dã:

— Ở nhà cháu, trong trường hợp đó chắc không ai dám vô phép cứ tiến tới để cô phải đi dật lùi trở lại hàng ba. Vậy chỉ còn mỗi một giải pháp giản tiện nhất là cô bằng lòng ngồi ngay xuống bộ ván hay cái giường cây nào tại chỗ đó nếu cô không muốn lừa kẻ kia đi lui mãi vào trong bếp. Lương của cháu chỉ có thể mượn nổi loại nhà năm trăm một tháng như vậy thôi. Tương lai chưa có gì hứa hẹn... Cô có vào chơi, xin cảm phiền...

Câu nói sau cùng của An chấm dứt bằng một chuỗi cười dòn và một tràng tiếng nổ xịch xịch của chiếc xe mô-bi-lê cũ.

Tôi trở vào. Thề là rồi một buổi chiều thứ bảy!

*
*
*

Buổi chiều đó và nhiều buổi chiều khác đã qua theo. Lời nói chuyện dài dòng của An quả là tôi không thích, tôi đã xét kỹ. Chỉ mất thời giờ!

Nhưng không hiểu tại sao cứ mỗi chiều thứ bảy là tôi như có ý ngóng trông tiếng xịch xịch của một chiếc xe mô-bi-lê cũ. Và mỗi lần thấy An tới, tôi vội vàng thu dọn giấy viết, thề vào chỗ đó một bình trà ngon như muốn cảm khách để nghe những câu nói ngoắt ngoéo vô tội vạ thoát tự tâm hồn bình dị của cái đồng quê thân yêu của tôi thuở xưa...

VĂN-TRANG

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUYỄN-NGU-Ĩ phụ-trách



Thái-Tuấn
(do Duy-Thanh vẽ)

★ THÁI-TUẤN

Tên thật : Nguyễn-Xuân-Cống.

Sanh ngày 11-9-1918 ở Hà-Nội.

Dự thính trường Cao-đẳng Mĩ-thuật Hà-Nội (1939-1940). Rồi đọc sách về Thẩm mĩ học và về phê bình Hội họa. Đến 1954 mới bắt đầu vẽ.

Triển lãm ở Pháp văn đồng minh hội (1957) và triển lãm chung ở phòng Triển lãm Đô thành (1959) với Duy-Thanh, Ngọc-Dũng, Vị-Ý, Lê-Thị-Quang, Đào-Sĩ-Chu, Phạm-Thị-Khanh.

Dự các cuộc triển lãm mùa Xuân 1959, 1960, 1961, 1962.

— Trong Hội đồng giám khảo tuyển lựa tranh Triển lãm mùa Xuân 1960 và 1962.

— Đặt việc viết phê bình Hội họa ngang với việc sáng tác.

— Đã cộng tác với Sáng tạo, Văn nghệ mới, Thế kỷ hai mươi, Văn nghệ.

— Phụ trách mục Nghệ thuật ở đài phát thanh Sài-Gòn. (1959-1960).

Câu I.— Hội - họa Việt - Nam hiện thời chưa có những xu hướng rõ rệt. Những dọ dẫm về kĩ thuật tuy có đem lại hình thức diễn tả khác nhau nhưng phần lớn vẫn chưa thoát ra ngoài cái tinh thần cũ : dùng hội họa như một phương tiện để ghi chép : người, sự vật, cảnh trí, hoặc cái lối « kể chuyện » bằng bức họa. Tôi nghĩ rằng : hình thức mới không thể tạo ra một tinh thần mới. Tuy

nhiên trong cái đám lộn xộn đó, có một số nhỏ đã đem lại cho hội họa Việt-Nam những khám phá mới mẻ, những ý thức tiến bộ về nghệ thuật. Riêng phần tôi, tôi không hề nghĩ đến chuyện đi tìm một đường lối riêng biệt. Có riêng biệt hay không là do ý thức về nghệ thuật của mình tạo ra ; không thể là công việc tính toán tìm kiếm trong phạm vi kĩ thuật. Tôi thấy Picasso đúng



Hóa thân

khi ông nói : « Je ne cherche pas, je trouve ».

Câu II.— Người nghệ sĩ cũng như mọi người khác. Không thể thoát được những ảnh hưởng do hoàn cảnh xã hội mình sinh sống, trong đó « tính chất dân tộc » là một. Khi sáng tác, những ảnh hưởng đó tất nhiên để lại dấu vết trên tác phẩm. Phải coi những dấu vết đó là những thứ ngoài « ý muốn nghệ thuật » của nghệ sĩ. Văn hóa, chính trị, kinh tế tạo ra « dân tộc tính ». Nghệ sĩ không tạo ra được mà cũng không tự ý loại bỏ đi được ; cho nên không cần đặt thành vấn đề. Vả lại một họa phẩm đã được coi là có giá trị nghệ thuật, thì không thể vì là của người nước này hay người

nước kia vẽ mà nó sẽ mất hết giá trị nghệ thuật.

Câu III.— Việc tìm hiểu về hội họa của tôi, tôi thường do theo kinh nghiệm trong sách vở, kinh nghiệm trong đời sống và kinh nghiệm trong công việc hành nghề. Tất cả soi sáng lẫn cho nhau và cho tôi một nhận định : dù là sinh hoạt ở trong bộ môn văn nghệ nào, điều quan trọng nhất là trình độ ý thức về nghệ thuật của con người làm văn nghệ. Kĩ thuật cũng là do cái ý thức đó tạo ra.

Câu IV.— Về lối vẽ của tôi, tôi chú trọng đến tinh thần đơn giản, thanh đạm, muốn dùng rất ít đường nét, rất ít màu sắc và ưa để những khoảng trống lớn trong tranh.

Câu V.— Về tình trạng hiện tại của ngành hội họa Việt-Nam, có thể tóm tắt như sau :

Một số tài năng đang thời kì phát triển mạnh, có nhiều hứa hẹn chắc chắn trong tương lai. Phần đông, họ là những họa sĩ trẻ tuổi, mà giá trị và tài nghệ được một số đồng anh em văn nghệ sĩ ở các bộ môn khác hoan nghênh. Ngược lại, tranh họ vẽ không « đất khách », thành thử « hàng họ » ế động ; bẽ tắc phương tiện. Nhiều tác phẩm đành nằm trong tưởng tượng. Có muốn nghiên cứu tìm hiểu thì cũng thiếu sách vở giá trị. Báo chí của ta phần đông coi nhẹ vấn đề nghệ thuật ; vì vậy công việc thông tin cũng như phê bình hội họa đã để cho một tờ báo ngoại quốc « làm mưa làm gió ». Những bài phê bình thiếu ý thức về nghệ thuật, không hiểu biết về chuyên môn kĩ thuật, cái lối phê bình « thẳng mù chỉ đường cho thẳng sáng » cứ đều

đạn sản xuất như vậy sẽ làm bối rối và đánh lạc người xem tranh. Tôi mong mỗi báo chí hãy đặt thành vấn đề; hãy nắm lấy dư luận về nghệ thuật. Tất cả triển vọng của ngành hội họa Việt Nam cũng chỉ có thể đặt tin tưởng vào sự trợ lực của các ngành nghệ thuật anh em khác.

Tôi xin góp thêm vài ý kiến phụ: Công việc giáo dục thẩm mỹ cho công chúng là công việc đòi hỏi một tổ chức qui mô cùng những phương tiện và quyền hạn mà người họa sĩ không thể có được; vả lại công việc chính của người nghệ sĩ là sáng tác chứ. Cho nên việc giáo dục thẩm mỹ là một bổn phận của nhà nước

phải thi hành đối với dân chúng. Ở các nước tân tiến, công việc đó người ta làm từ khi người công dân còn ở tuổi thiếu nhi. Ở nước ta, công việc đó quả là đã bị coi nhẹ. Còn việc buôn bán tranh là một việc có tính cách thương mại. Điều đó phải có giới gọi là «lái tranh» lo liệu cho họa sĩ.

Thời nào thì công chúng cũng thích tranh như nhau. Có khác là thời tiền chiến thì người ta vừa thích xem tranh vừa thích mua về treo ở nhà, còn công chúng ở sau thời chiến tuy thích tranh nhưng mua rất ít. Còn lẽ tiền hiếm chăng?

THÁI-TUẤN



Nhan-Chi

★ NHAN-CHÍ

Họ Nhan, tên Chí, người Minh-hương.

Sanh ngày 20-4-1920 (tuổi Thân, khai sinh ghi 1921) tại làng Trung-Hưng, quận Gò-Vấp, Gia-Định.

Học trường Mỹ-nghệ thực-hành Gia-Định (1935), trường Cao đẳng Mỹ-thuật Hà-Nội (1937).

Chuyên vẽ chân dung bằng phấn tiên (pastel).

— Triển lãm chung tại phòng Thương mại Hà-Nội (1939) và được Trường lệ danh dự tại Pháp văn đồng minh hội (1955), và liên tiếp nhiều năm tại các phòng Triển lãm văn hóa Việt-Nam.

— Dự Triển lãm mùa Xuân các năm 1959, 1961.

— Dự Triển lãm Stanvac năm 1960, 1961.

Huy chương Vàng hội Văn-hóa Việt-Nam (1960).

Tường lệ danh dự Triển lãm Hội họa mùa Xuân năm 1960 và 1961.



Trẻ mồ côi

Lần thứ ba, anh lại mời tôi ra nhà sau để tiện bề trò chuyện, mà tôi vẫn còn nán lại ở phòng khách. Vì hai bức tranh phong cảnh của anh.

Nhà anh là một nhà cao cảng ở tận cùng một ngõ hẻm không lối ra của một con đường hẻm trong cái xóm cù lao của khu Tân-Định, nên tìm lối, hỏi nhà, dẫn xe dưới nắng hè, tôi đã thấm mệt, nhưng vừa bước vô nhà anh, hai bức tranh phong cảnh này đã làm tôi mát mắt và khỏe cả người. Và tôi nhớ đến một anh bạn nhà văn mới về nhà mới nhờ tôi xem trong sổ tranh của các họa sĩ tôi phỏng vẫn có bức nào làm dịu được con người thì giới thiệu cho anh.

— Có phải đây là cảnh Đà-Lạt không anh?

— Phải. Cảnh hồ Than-Thở.

— Chắc khi anh vẽ cảnh này, tâm hồn anh thơ thới lắm.

— Sao anh biết?

— Vì màu sắc và bố cục khiến người xem như muốn quên hết ưu phiền! Anh vẽ ngay tại chỗ hay phác họa rồi về xưởng vẽ tiếp?

— Hai tranh này, tôi vẽ luôn tại chỗ. Tôi ngại xa cảnh, phần « ô trọc » sẽ trở lại làm chủ con người mình, rồi cái chất thanh thần ít khi mình gặp biến đi làm bức tranh sẽ mất cái « mát », cái « khỏe » như anh vừa nói.

« Nhưng mà tôi thỉnh thoảng cao hứng mới vẽ phong cảnh, tôi ngày thường vẽ chân dung. Mời anh ra sau này ta nói chuyện. Ở trước, chật, và lũ con tôi làm ồn quá ».

Tôi theo anh. Sau nhà là chỗ anh làm việc, cái xưởng họa của anh, và cũng là nơi các bạn thân cùng nghề họp để hội đàm và cũng để... hội họa, những ngày chủ nhật.

Anh kéo bức màn mỏng. Một con rạch nhỏ đang phơi một đám rau muống uớt ẻo và triển lãm một mớ chân nhà lông không của xóm nhà sàn bên bờ đối lập. Nước ròng sát, mùi tanh của bùn sinh thoang thoang.

— Anh chuyên về chân dung vì anh thích?

— Thích cũng có, mà cần cũng có. Ban đầu, thì tôi vì thích « chất người » hơn « chất thú », « chất vật », nhưng rồi vì hoàn cảnh, tranh chân dung được tiêu thụ dễ dàng hơn...

— Anh vẽ một bức chân dung, mất bao nhiêu thì giờ?

— Trung bình là bốn giờ. Một ngày, vẽ một giờ thôi, anh à. Vẽ một giờ, người mẫu đã mệt, mà mình cũng chẳng còn khỏe !

— Vẽ chân dung, chắc anh khỏi bận tâm mệt trí chớ ?

— Anh nói sao, tôi chưa hiểu.

— Tôi muốn nói về người, anh thấy sao vẽ vậy, khỏi tìm tòi, khỏi tốn công dàn, xếp, nghiên cứu ánh sáng, màu sắc chẳng hạn.

Có lẽ thấy câu chuyện sẽ khá dài, anh không vội trả lời, gọi con trai lớn, bảo đi mua nước giải khát. Rồi ngồi lại trước mặt tôi, anh mân mê vài sợi râu dài ở mép trên, nhìn thẳng mắt tôi.

— Anh tìm tòi là anh tìm một họa công hay một họa sĩ ?

Tôi nhìn anh, chưa hiểu.

— Nhạc thì có nhạc công, nhạc sĩ ; văn cũng có văn sĩ, văn công. Thì họa cũng thế. Đã có chữ « sĩ » ở sau, thì có bao giờ làm một công trình nghệ thuật — dù đó là vẽ hình người để lấy tiền, nói vẽ muốn đi cho tiện — mà chẳng tìm tòi, chẳng nghiên cứu, chẳng sáng tác.

Đưa con anh vừa mang nước giải khát về, rót ra li. Anh vội mời tôi :

— Uống đi, rồi tôi nói tiếp cho anh nghe. Cái tôi đang tìm kiếm là vẽ sao cho giống...

— Giống như chụp hình ?

— Anh lại « hạ » tôi nữa ! Vẽ mà như chụp hình thì đâu phải là công việc của nghệ thuật. Đó là việc của kĩ thuật. Cái



Giấc mơ (đang dở)

giống tôi nói, là chẳng phải người thật ra sao, người trong tranh y như vậy, từ cái theo đến cái nốt ruồi ! Mà là cái « thần » của người ấy, sao cho nó hiện ra ở con người mình vẽ, để ai biết rõ người kia, xem tranh mình là thấy ngay chính người đó.

— Thế anh định làm cho « giống » bằng cách gì ? Màu sắc hay đường nét ?

— Cả hai. Và tùy theo người, mà tôi dùng màu sắc nhiều hơn đường nét hay ngược lại.

— Thế thì khi anh vẽ, anh phải nghiên cứu kĩ gương mặt người mẫu ?

— Tôi « phá » họ luôn.

— Anh phá họ bằng cách nào ?

— Tùy người. Như vẽ ông A, ông ấy nghiêm, và cái vẽ nghiêm xét hợp với ông thì tôi giữ điệu bộ đàng hoàng. Còn như họa cô X, xét cái vui sẽ làm bật hẳn cái duyên của cô lên, thì tôi kể



Ông lão ăn mày

chuyện vui, hoặc dùng nét mặt, cử chỉ làm cô ấy cười.

Tôi mỉm cười, nói với anh : « Anh cố chọc cho cô X. ấy cười, khiến tôi thấy cảnh mà một nhà thơ tiền chiến này đã họa trước anh bằng chữ :

*Em cười bừng nở hàm răng lựu,
Sáng cả trời xanh mấy dặm trường.*

Anh hít hà.

— Cái tôi muốn « giống » trong bức tranh cô X., chẳng phải hàm răng lựu khi cô ấy cười, mà là cái « sáng cả trời xanh » ấy.

— Thế anh đã đạt được cái « giống » ấy chưa ?

— Tôi đã nói với anh lúc nãy, tôi chưa đạt được, hay mới được một phần chưa đáng kể.

Tôi đứng dậy, lại gần một bức tranh của anh. Hai đứa trẻ. Chị bằng em. Vẽ thiếu thốn rõ rệt, và một thoáng u buồn.

— Con nhà văn của anh để ý cái gì nhất trong tranh này ?

Tôi nhìn kĩ một hồi, lùi mười bước.

— Con mắt. Mắt ngây thơ của đứa em còn non dại. Mắt lo âu của đứa chị vừa lớn khôn và có lẽ cũng vừa hiểu đời là gì.

— Chính tôi dồn sức vào đôi mắt chúng. Thế là tôi đã đạt được chút gì rồi. Vì tên bức tranh này là : « *Trẻ mồ côi* ».

— Chắc anh thích tranh này ?

Anh gật đầu, rồi tiếp với một nụ cười nhẹ :

— Nhưng chưa biết được bao lâu.

Chúng tôi trở lại bàn con.

— Vẽ người, anh thấy có cần dân tộc tính không ?

Anh chăm rãi uống một hớp nước giải khát, rồi mới thông thả đáp :

— Tôi không biết nói với anh sao. Bởi tôi không đặt thành vấn đề. Không tự hỏi mình nên dùng chất gì, theo lối nào, nhấn mạnh khía cạnh nào để người xem tranh mình thấy đó là tác phẩm của một người Việt. Nhưng có lẽ cái gì đặc biệt của dân tộc mình nó theo máu mà truyền ra tay, ra cọ sao chẳng biết, mà những bức chân dung các người ngoại quốc — phần đông là chánh khách — do tôi họa mang một cái gì là lạ, riêng riêng, khiến những người ấy hải lòng ra mặt rồi giới thiệu bạn bè quen biết tìm tôi để nhờ vẽ. Cái đó phải chăng là dân tộc tính ?

Im lặng một lúc, anh nói tiếp :

— Hội họa có cần phải có dân tộc tính hay không, tôi chẳng có ý kiến gì, nhưng trong họa phẩm của mình, nếu có

cái gì riêng của mình trong ấy, mà cái riêng ấy của mình nếu lại bắt nguồn từ dân tộc mình mà ra, thì càng tốt chớ sao !

Rồi anh bỗng xoay câu chuyện :

— Trong bức thư phỏng vấn, câu đầu hỏi về xu hướng nào đáng kể nhất trong nền Hội họa hiện nay ở nước ta, anh chị em khác thì sao chẳng biết, chớ tôi, tôi thấy có xu hướng này là đáng kể nhất : đó là xu hướng tìm kiếm cái gì mới, lạ, khác hơn cái gì mình đang có, mặc dầu lắm khi cái mới, lạ của mình tìm ra, người ta đã tìm thấy rồi mà mình chẳng biết, mặc dầu lắm khi tìm mãi mà kiếm chẳng ra.

— Anh có thấy họa sĩ cần xuất dương không ?

— Xuất dương để mà làm chi ! Trong nước, vẽ trọn đời chưa hết. Mà ra nước ngoài, thì mình tranh đua với thiên hạ sao lại !

— Tôi muốn nói đi nước ngoài để mà nhìn, xem, mà học hỏi chớ chẳng phải để tìm đề tài, hoặc để triển lãm tranh đâu.

Anh uống cạn li rồi gật gù :

— Cái đó thì ai chẳng muốn, huống hồ là bọn tôi vốn sống chết vì màu sắc, vì đường nét, vì đổi thay. Tôi có đôi lần được dịp đi, nhưng rồi tôi bỏ lỡ.

— Anh bỏ lỡ hay là anh tặng lờ cho đôi dịp ấy đi qua.

Anh mở mắt, nhìn tôi :

— Anh đoán đúng. Hồi vẽ cho Bol-laert, Pignon, các « ông lớn » ấy mến tôi, tạo cho cơ hội để đi ra ngoài. Tôi để cho cơ hội ấy qua. Vì mình không muốn đi ra ngoài bằng lối đó.

— Anh có mong gì ở Chánh quyền để ngành Hội họa mình phát triển ?

Anh phát biểu ý kiến bằng một tiếng gọn lỏn.

— Không.

— Sao lại không ? Anh chẳng mong Chánh quyền cấp học bổng đi quan sát hoặc đi trau dồi nghệ thuật ở nước ngoài sao ?

— Mong mà làm chi Vì Chánh quyền không thể làm được trong tình thế này. Chánh quyền chỉ có thể giúp được một điều mà điều ấy Chánh quyền đã làm rồi, đó là Tổ chức cuộc Triển lãm hằng năm.

Thấy anh bắt đầu tỏ vẻ bức, tôi hỏi sang chuyện khác :

— Anh kể cho một kỉ niệm gì hay hay trong cái nghề vẽ chân dung của anh.

Mặt anh tươi tươi lại.

— Tôi có vẽ một bà. Bà này từng hoạt động nhiều ngoài xã hội nên tôi chẳng lạ gì. Nhưng khi bà làm kiểu cho tôi vẽ, thì bà dành cho tôi một sự ngạc nhiên thích thú. Bà tỏ ra vui vẻ, hồn nhiên, và rất kiên nhẫn. Vì cần có bức họa gấp, bà ngồi luôn ba giờ cho tôi họa. Như tôi đã nói với anh, đứng vẽ một giờ, họa sĩ thấm mệt, mà người mẫu cũng khó chịu nhiều, nên tôi chỉ vẽ một giờ, rồi sau vẽ tiếp. Với bà này lại khác, bà vẫn vui tươi trong suốt ba giờ đồng hồ ; và suốt ba tiếng đồng hồ tôi vừa nhìn, vừa vẽ, vừa nói chuyện, vẫn không thấy mệt. Tôi có trước mắt một người đàn bà giản dị, hồn nhiên, vui vẻ trong khung cảnh gia đình, và

CUỘC PHÒNG VẦN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

đẹp một cái đẹp khó tìm ở những người phụ nữ đã quá nửa chừng xuân, một người mình thấy rất gần mình, rất dễ cảm thông, khác hẳn với con người xã hội mà mình được biết giữa đám đông. Sự khám phá kì thú này làm tôi không biết mệt. Bà yêu cầu tôi vẽ thêm một giờ nữa cho xong bức họa, nhưng tôi chối từ, để hôm sau vẽ tiếp.

— Chắc bức chân dung bà ấy là một trong những bức chân dung anh ưng ý nhất ?

— Đúng vậy. Tôi đã say sưa làm bốn phần nghề nghiệp của mình.

— Họa sĩ bằng lòng tác phẩm của mình, nhưng người mẫu có bằng lòng công trình của nhà nghệ sĩ không ?

— Bà nhờ tôi theo bức chân dung ấy vẽ lại bức thứ nhì để bà tặng một người bạn quý. Như thế đủ trả lời câu anh hỏi.

— Và anh vẽ lần thứ nhì kém hứng thú hơn lần thứ nhất ?

— Dĩ nhiên. Có họa sĩ nào vẽ lần thứ nhì một đề tài mà say sưa như cái thuở ban đầu cho được. Lần đầu, tôi sáng tác, lần sau tôi sao chép. Hai cái khác nhau.

(Trích trong bức thư gửi các Họa sĩ)

Dưới đây là những câu hỏi mà chúng tôi xin nêu ra với mục đích gợi ý cho các Họa sĩ tiện việc trả lời :

— Theo ý Bạn, thì Hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất, và riêng Bạn hiện đã ngã về xu hướng nào hay Bạn tự tìm lấy một đường lối riêng biệt ?

— Nếu có người cho rằng Hội họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng Hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý Bạn, hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Bạn có nghiêng về lập luận nào không ?

— Xin Bạn cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của Bạn trên địa hạt Hội họa.

— Trong các họa phẩm của Bạn, bức nào Bạn cho là hợp hơn cả với đường lối riêng của Bạn và xin Bạn vui lòng giải thích rõ các đặc tính của tác phẩm đó.

— Xin Bạn cho biết ý kiến về tình trạng hiện tại và triển vọng của ngành Hội họa Việt-Nam.

Sực nhớ một bạn họa sĩ đàn anh mới nói với tôi : « Nhan-Chí có tâm hồn nghệ sĩ như Van Goh như Gauguin. Thương và tội cho anh ấy quá. Tốt với bạn vô cùng. Sống chật chội và mắm muối với vợ con thế, mà có tiền, là kéo anh em đái đàng, và bạn bè lúc ấy có gì cần anh, là anh sẵn sàng », tôi vừa bắt tay từ già anh vừa hỏi :

— Nghề vẽ có nuôi sống anh và gia đình không ?

— Nhờ Trời, đủ, anh à.

Nhưng anh chưa vội bỏ tay tôi ra :

— Tôi thêm cái đời làm báo của anh quá. Đi đây, chạy đó, hoạt động luôn luôn. Còn nghề tôi, cứ thế mãi : bữa nay, đến nhà này một giờ, vẽ, buổi chiều đến nhà nọ một giờ, vẽ, rồi thì cứ vậy vậy. Điều điều, chán chán, như đời nước đọng.

Và tôi gặp đôi mắt nặng buồn của anh nhìn xuống con rạch con nước triều chưa lên tới. Và từ bên kia rạch, vắng lại bài dạy Pháp văn của một ông giáo già

quen biết mà anh nghe đi nghe lại chẳng biết đã bao nhiêu lần.

Giữa lúc đó, chị đi chợ về. Lũ con ủa ra bu lấy má. Tôi vừa chào chị vừa lớn tiếng hỏi anh :

— Người ta đồn vợ họa sĩ ghen lắm phải không anh ?

Anh phì cười, ôm lấy đứa con áp út lên ba :

— Cái đó, anh phải phỏng vấn vợ tôi chứ, chứ sao lại hỏi tôi.

— Hỏi anh để mà chơi vậy, còn phỏng vấn chị, thì chẳng cần. Vì đàn bà nào mà chẳng ghen khi thấy chồng mình đứng ngó chằm chằm hàng giờ nhưng cô mẫu xinh xinh đẹp đẹp ngay trước mắt mình hay ở tại đâu đâu...

Chị cười :

— Lúc đầu thì có, rồi dần dần quen đi.

— Rồi dần dần quen đi... » Anh như vô tình lặp lại và bỏ tay tôi ra.

NGUYỄN-NGU-Í thuật.

ĐÍNH CHÁNH

B. K. số 129, mục « Phỏng vấn về Hội-họa ».

— Trang 95, tiểu sử họa - sĩ Nguyễn - Văn - Rô, dòng 8 :
« Nguyễn-Văn-Siêu » xin sửa : Nguyễn-Văn-Siên.

— Trang 100, tiểu sử họa sĩ Nguyễn-Sao, dòng áp chót :
« Giải thưởng Avigon » xin sửa : Avignon.

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai Iō HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. I

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Nīngyōchō - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Bangkok - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

TRẦN-THIÊN *đọc*

Hương rừng Cà mau

của SƠN-NAM

ĐÀ T BẮC là nơi phát tích văn hóa của dân tộc, người Bắc tự hào về chỗ « ngàn năm văn vật » của mình. Đôi khi họ có lời nhắc đến cái quá khứ văn hóa ít oi của miền Nam, làm động lòng đến những người miền Nam. Thực ra trong khoảng mấy trăm năm gần đây những người Việt ở trong Nam đã phải hy sinh nhiều thế hệ cho việc mở mang bờ cõi đến tận mũi Cà-Mau, họ mãi lo len lách trong các rừng tràm, dầm mình dưới sinh lầy, chiến đấu với cọp, với cá sấu, sông khuất lấp ở những vùng quê hẻo lánh xa xôi, nên chưa kịp có thì giờ trau dồi văn học nghệ thuật. Sự thiệt thòi ấy làm cho công lao của họ đối với dân tộc càng thêm to tát, đáng kính.

Từ sau ngày đình chiến, các văn nghệ sĩ ở Bắc vào đây đông đảo, như cũng có kích thích thêm phần nào cái xu hướng muốn phô bày các phong tục, và đặc điểm địa phương ở các nhà văn trong Nam. Họ lập ra những

nhà xuất bản lấy tên là *Bến Nghé* là *Phù Sa*... Nhà văn Bình-Nguyên-Lộc (biệt hiệu có nghĩa là *Con Nai ở Đồng*) viết những truyện như *Rừng mắm*, nói về công lao của thế hệ tiền phong khai phá miền Hậu-giang. Phê bình truyện *Đò dọc* của ông, Nguyễn-Văn-Xuân đại khái có nói đến sự « đứng dậy » của văn nghệ miền Nam, và hình như câu đó được tác giả lấy làm bằng lòng.

Nhưng tha thiết với công việc khảo sát và giới thiệu miền Nam có lẽ không ai hơn Sơn-Nam. Sơn-Nam đã gom góp *Chuyện xưa tích cũ* miền Nam, đã *Tìm hiểu đất Hậu giang* về các mặt lịch sử, địa lý rất kỹ lưỡng, lại chuyên viết loại truyện về phong tục sinh hoạt miền Nam.

Hương rừng Cà-Mau (1) là một tập truyện ngắn thuộc loại ấy. Đọc suốt tác phẩm này người ta thấy toàn thể là cảnh sống cơ cực của một lớp

(1) *Phù Sa* xuất bản.

người tâm lý ngay thực giản dị mà can đảm ở miền Cà-Mau. Cảnh và người trong sách ấy, ngay đôi với người Việt-Nam chúng ta mà ở những miền khác nhiều lúc cũng phải lấy làm lạ. Bởi vì đây không là cảnh sống ở những làng xóm có lũy tre xanh yên lành bao bọc, có cổ tục tập quán về người lâu đời như vẫn thường gặp trong tiểu thuyết các tác giả ở Trung và Bắc.

Nhân vật ở đây có khi là những người một mình sống trên một hòn đảo, có một bộ quần áo «nghĩ cũng hơi dư» (*Hòn Cổ Tren*), có khi là một tay cướp biển ở ngoài hải phận Hà-Tiên (*Đáng Cảnh Bướm Đen*) chuyên đánh ghe «tây đen» và thuyền buôn Hải-Nam.

Cảnh vật ở đây có khi là cảnh «len» trâu từng đàn năm bảy trăm con mỗi lần lội từ núi Ba Thê đến miệt Bàn. Núi thì trông «đen đầu, đặc nước», «oai vệ» hơn đàn voi đàn cọp nhiều ! (*Mùa «len» trâu*) có khi là cảnh người đứng trên ghe xem hát bội, xung quanh rào cá sấu ghềch mỏ nhìn vào và trên bờ cọp ngồi trông xuống. (*Hát bội giữa rừng*), lại có khi là cảnh một người bắt một bầy cá sấu trối chân dẫn theo sau xuống, vừa đi vừa hát :

Hồn ở đâu đây,

Hồn ơi hồn hỡi....

Xa cây xa còi,

Xa cội xa nhành,

tiếng hát như khóc lóc như nài nỉ, như phẫn nộ, như bi ai (*Bắt sấu*

rừng U-Minh-Hạ). Đắt đai ở đây cũng có những tên nghe rất lạ tai : xóm Cà-Bảy-Ngọc, rạch Khoen-Tà-Tưng, rạch Cà-Bơ-He...

Nhưng tất cả những điều lạ tai lạ mắt ấy, tác giả không cốt kể ra để thỏa trí tò mò của độc giả. Sơn Nam không hoài công đi làm một việc như vậy. Cốt ý ông là muốn cho ta thấy rõ công cuộc nam tiến khó nhọc đến chừng nào và người Việt ở cực nam thương nước thương nơi đến chừng nào (lòng thương nước ấy thường biểu lộ ở sự thù ghét bọn Tây đến đô hộ xứ ta).

Giọng kể truyện của tác giả thường khi rất giản dị, không có chút gì trau chuốt. Ông bắt đầu : « Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình-Thủy, làng Lung «Truyền, tỉnh Cần-Thơ, đầu cũng vào khoảng năm 1939 hoặc 1940 gì đó » (*Cô Út về rừng*) « Ông già xay lúa » ở bên Cổ Tròn cũng chỉ có thể hỗn nhiên, giản dị đến như vậy là cùng. Tác giả kể thoăn thoắt rất nhanh : trong vòng 171 trang giấy, ông kể đến 18 câu truyện ! (Có lẽ đây là tập sách gồm nhiều truyện nhất xuất bản gần đây). Đôi khi cuối những truyện vẫn tất ấy tác giả rút ra một bài học gấp quá, thành ra có vẻ như hơi vội vàng, cạn cợt.

Nhưng chỗ tài tình của Sơn Nam là sau cái bề ngoài giản dị như vậy, ông vẫn tỏ ra là một người hóm hỉnh sắc bén, ông diễn tả được những sự thực tâm lý tế nhị. Trong truyện « *Tình nghĩa giáo khoa thư* », một thầy phái viên nhà báo ở Sài-Gòn xuống

thâu tiền một độc giả ở tận một miền quê heo hút dưới Rạch-Giá. Đôi bên gặp nhau lần đầu, sau bữa cơm chiều, độc giả buông mừng mời thầy phái viên cùng chun vào trò chuyện cho vui. Thấy phái viên ngượng nghịu, nhưng rồi cũng rón rén dờ mí mừng chun lệ vô, vì ở đây muối nhiều quá. Hai người cùng thuộc lâu nhiều đoạn trong sách *Quốc văn giáo khoa thư*, kẻ này đọc « Chôn quê hương đẹp hơn cả » người kia tiếp đọc « Ai bảo chôn trâu là khổ », cả hai vui thích, « tâm đầu ý hợp », như đôi bạn chí thân. Nhưng sau khi vui vì có dịp gặp lại nhau ở cái tuổi thơ ấu, cùng nhau gọi lên những ngày xa xưa hồi còn cắp sách tới trường, sau đó, « không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi ! Nước chảy mãi mà sao đá không thầy mòn ? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì... » (trang 115) Nỗi vui của họ thực hỗn nhiên, mà nỗi buồn của họ cũng thực là thâm thía. Ít khi một cảnh đơn sơ như thế lại gợi được vật mệnh mông đèn như thế về cảnh đời. Cho nên tác giả chỉ vì nhanh nhẹn quá mà đôi khi « có vẻ » cạn cợt, kỳ thực ông thực là tinh tế.

Nhưng cái buồn vì tàn một cuộc đời lặn đạn ở xóm Cà Bảy-Ngọc xa xôi, ấy phải là cảnh thê thảm nhất của những người tiên phong đi lập nghiệp ở Cà-Mau đêm. Truyện *Một cuộc viễn du* kể một cậu bé chèo

xuống chở người cha nằm bệnh đi giữa miền đầy nước không bờ không bến của ruộng sạ Long - Xuyên. Người cha chết, quạ kéo tới quanh xuống. Cậu bé gặp người giữa đường có lòng tốt lo liệu việc chôn cất thầy cha. Cậu hỏi : « Thưa bác, chôn ở đâu ? » Người kia đáp : « Nói là chôn cho đúng tục lệ chớ đất ở đâu mà chôn ? Tư bề là nước. Có hai cách : Một là xóc cây treo ở giữa đồng rồi treo trên mặt nước, chờ khi nước giạt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dẫn cây dẫn đá mà neo dưới đáy ruộng... »

« Thăng Kim đập đầu xuống sán nhà, hai tay bứt tóc :

« — Trời ơi, phải biết vậy, ba tôi đi tới xứ này làm chi...

« Bà Hai Tích rung rung nước mắt:

« — Cháu đừng khóc. Trời định vậy. Ở đây ai cũng vậy ; người có của, ai tới xứ này ? Trách cha, trách mẹ, trách trời là thậm tội. Cháu thấp nhang đi... » (trg 97).

Xác người đi khai phá đất đều bị vớt xuống ruộng nước như thê, rửa ra, xương người lẫn với xương trâu rải rác. Mỗi mùa cày ruộng người ta mỗi gặp những bộ xương ấy, đành « cứ tưởng đó là xương của người hồi đời Bàn Cổ ». Tưởng như vậy cho khỏi phải đem suy nghĩ về phận làm người của chính mình !

Trước đây mấy năm, nhà xuất bản Trùng Dương đã in một sổ truyện

này của Sơn Nam vào loại sách *Tin yêu đất mẹ*, sách mỏng vài ba chục trang khổ nhỏ, như kiểu sách cho trẻ em. Nhà xuất bản có lời mở đầu «Điều trước tiên mà chúng tôi mong ước là tập sách mỏng nhẹ này có thể giải trí cho các bạn trong những thì giờ nhàn rỗi (*Chiếc ghe ngo*). Điều mong ước trước tiên ấy không thành. Vì những điều Sơn Nam gợi lên về miền đất mẹ Hậu Giang của ông rất ít có tính cách giải trí. Người chết vớt thây, cô Út về rừng, Tư Hiến một đời thù Tây, Từ Thông ở hòn Cỏ Tron lạc loài vào đất liền mà thỉnh thoảng người ta nhớ «như nhớ

một cái vỏ ốc xà cừ ngũ sắc « tập «đền vào bãi bùn. Như nhớ vài «trang sách Phong Thần tình cờ lượm «được trong ngăn tủ bỏ quên, những «trang sách rách nát hơi khó hiểu «vì thiếu hồi thứ nhất và không có «hồi sau phân giải», những chuyện ấy mà giải trí được sao?

Có lẽ trái lại. Truyện của Sơn-Nam viết tuy giản dị nhiều chỗ dễ dài nữa, nhưng phần nhiều có thể làm bận trí người đọc bằng những suy nghĩ dài dòng về miền Nam, đôi khi về cả cuộc sống nói chung.

TRẦN-THIÊN

THU-THỦY

Việc Nam-Tur bắt Milovan Djilas giam lại một lần nữa trong tháng vừa qua làm cho thế giới sửng sốt. Tại sao lại bắt giam Djilas ngay sau khi quốc hội Nam-Tur vừa biểu quyết ngày 13 tháng 3 một đạo luật khoan hồng, xá tội cho hàng 150 nghìn người ở nước ngoài và ngót 1 nghìn tù nhân trong nước Nam-Tur, trong đó có những kẻ đã từng cộng tác với địch trong thời kỳ chiến tranh, có những kẻ vượt biên giới trốn đi sau 1945 v. v...? Hơn nữa tại sao lại bắt giam Djilas về một tác phẩm có vẻ vô hại, một quyển sách nói về Staline là lãnh tụ đã bị hạ bệ rồi?

Trong cuộc xung đột giữa M. Djilas và nhà cầm quyền Nam-Tur, người ta nhận thấy trước nhất là sự can đảm hiềm cố của Djilas. Mở đầu cuốn *Giai cấp thống trị mới*, ông nói: «Suốt tuổi thanh niên, tôi đã đi hết con đường của người cộng sản: từ bậc dưới cùng tới mức tuyệt-đỉnh

Nam Tur và Djilas



Milovan Djilas (1911)

Hình chụp hồi trước khi bị bắt

của bậc thang danh vọng, từ phạm vi địa phương, quốc gia tới lãnh vực diễn đàn quốc tế và từ giai đoạn mà đảng cộng sản còn gây nhân bất rề

trong bóng tối qua các tổ chức cách mạng tới việc thành lập chế độ mệnh danh là chế độ xã hội ». Ông không nói quá lời. Hồi còn đi học, ông đã lãnh đạo sinh viên cộng sản. Khi Đức chiếm Nam Tư, ông cùng với Tito lãnh đạo cuộc kháng chiến. Đồng minh thắng Đức, ông thay mặt Nam tư ký minh ước với Nga Sô. Ông là lý thuyết gia sô một của Nam tư, là chiến hữu kỳ cựu của Tito, là Chủ tịch quốc hội Nam Tư. Người ta đang nghĩ kẻ kờ kờ Tito sau này sẽ không phải ai khác hơn là Djilas. Bỗng nhiên ông nhận thấy các khuyết điểm của chủ nghĩa cộng sản, và từ đó ông nhất định chống lại cộng sản bất kể sự đe dọa nào, suốt trong 7 năm nay.

Trước tiên, hồi 1955, ông viết trên tạp chí Hoa Kỳ những bài phê bình chỉ trích chế độ cộng sản Tito: ông bị tước hết chức vị, khai trừ khỏi đảng, bị xử phạt 18 tháng tù treo.

Rơi từ đỉnh thang danh vọng xuống đèn chường ấy nhục nhã, ông vẫn điềm nhiên như không. Ngay năm sau đó, sau các cuộc khởi nghĩa Poznan và Budapest, ông lại lên tiếng đả kích chế độ cộng-sản: lần này trong phiên tòa ngày 13 tháng 12 năm 1956 ông bị xử 3 năm tù ở hãn-hoi.

Trước khi vào tù ông vội vàng viết quyển *Giai cấp thông trị mới* cho xong, bí mật chuyển sang Mỹ để xuất bản. Ông nhắn gửi độc giả: « Sống trong một tình trạng bấp bênh, tôi thấy cần phải tranh thủ thời gian bộc lộ những điều mắt thấy tai nghe và những kinh nghiệm của mình ra

ngay ». Tình trạng của ông quả thật là bấp bênh: vài ngày sau khi ông gửi bản thảo đi thì ông bị bắt, rồi năm sau, lúc ông đang ngồi trong ngục Sremska Mitrovitsa thì nhà xuất bản Frederick a Preager ở Nữu-Uớc phát hành cuốn sách chân động dư luận ấy ra, tác giả của nó liền bị mang ra tòa ngày 4-10-1957, xử tăng thêm 7 năm tù nữa.

Ông ở trong tù 4 năm, tới ngày 20 tháng 1 năm 1961, chính phủ Nam-Tư thả Djilas ra. Ông về ngôi nhà của mình ở đường Palmoticeva, tại trung tâm thành phố Belgrade, sống với bà vợ và một đứa con 10 tuổi, dưới sự canh chừng của công an. Ở đây ông lại tiếp tục viết một tập hồi ký. Sách viết xong, không có nhà xuất bản nào ở Nam-Tư dám nhận in, ông lại chuyển bản thảo sang Hoa-Kỳ. Ở Nữu-Uớc, người ta loan báo rằng trong tháng 5 năm 1962 này tác phẩm ấy sẽ ra mắt độc giả dưới nhan đề *Những cuộc đàm thoại với Staline*. Tức thì sáng ngày 7 tháng 4 vừa qua, một vị quan tòa với 3 người cảnh binh tới gõ cửa nhà M. Djilas, đưa ông về lại nhà lao.

Đang ở một địa vị cao sang tuyệt đỉnh trong xã hội, ông không ngần ngại từ bỏ mọi ưu đãi để nói sự thật, rồi bị tù tội vẫn cứ cương quyết tiếp tục nói sự thật đến nỗi bị bắt đi bắt lại mãi, thái độ thiết tha đối với tư tưởng, với chân lý ấy thật đáng quý.

Đồng thời, trong cuộc xung đột với Milovan Djilas người ta cũng nhận thấy về phía nhà cầm quyền Nam-

Từ một sự khắt khe có thể cho là kỳ quặc. Trong các tác phẩm của M. Djilas quả thực có những quyền không thể « tha thứ » được, những quyền tàn công phá đổ chủ nghĩa cộng sản tận gốc rễ như quyền *Giai cấp thông trị* mới chẳng hạn. Nhưng còn có những quyền khác hoặc không nói đến chính trị hoặc không có dụng ý công kích chính thể Nam-Tur vẫn không được phép ra đời ở nước này. Theo lời những người đã được đọc qua bản thảo tập *Những cuộc đàm thoại với Staline* thì trong đó không có gì động chạm đến chủ nghĩa Tito cả, thể mà sách vẫn phải lén lút đưa ra nước ngoài và vẫn đưa tác giả vào nhà tù. Trong trường hợp này hoặc giả người ta có thể ngờ rằng trong khi thuật lại các câu chuyện của Staline tác giả đã khêu lại vấn đề Albania và nhắc đến những ý kiến trái với đường lối của khối cộng sản hiện nay về vấn đề này, háy là tác giả đã động chạm đến các nhân vật thân cận Staline trong đó rồi thay lại có kẻ đang nắm giữ quyền hành ở Cẩm-Linh hiện nay. Ngờ như vậy vì tưởng như trong sự giam giữ Djilas lần này có sự can thiệp của Nga-Sô : từ sau cuộc viếng thăm của thông chế Joukov năm 1957, mãi vừa rồi mới có một nhân vật quan trọng nữa của Nga sang Belgrade là ngoại trưởng Gromyko, ông này vừa quay về thì Djilas vừa bị bắt. Có lẽ Tito muốn làm vừa ý « Khơ-rút-sếp một chút chăng?

Nhưng còn đòi với các tác phẩm khác, tại sao lại cấm? Quyền Quốc

gia không công lý là một tập tự truyện về thời kỳ thơ ấu và hoa niên của tác giả rất hấp dẫn, rất có giá trị văn chương và không hề có tác hại chính trị gì, quyền ấy không xuất bản được ở Nam-Tur đã đành mà sau khi được in được dịch ở nhiều nước rồi nó vẫn không được lưu hành ở quê hương.

Rồi đến trong thời kỳ ngồi tù ở Sremska-Mitrovitsa, Djilas viết một tập biên khảo văn học rất công phu, tập biên khảo đó cũng vẫn không thể nào ra đời được ở Nam-Tur.

Lại sau khi ở tù ra, Djilas có một truyện ngắn nhỏ nói về tính cách phi lý của chiến tranh và hậu quả tai hại của chiến-tranh đối với tâm hồn con người. Truyện ấy bị nhà cầm quyền xem là có ý chỉ trích « quân đội giải phóng nhân dân », mặc dù trong truyện không hề có câu nào ám chỉ đến quân đội Nam-Tur cả. Cuối cùng Djilas phải đưa truyện *Chiến tranh* ấy qua Ý, đăng vào tờ tạp chí *Tempo Presente* của Ignazio Silone.

Sự khắt khe quá đáng của nhà cầm quyền Nam-Tur khiến cho Armand Gaspard trên tạp chí *Preuves* ngờ rằng trong vụ M. Djilas hẳn có một ẩn tình gì. Dầu sao sự hạn chế ngôn luận tới mức đó vẫn không xứng đáng với trình độ dân chủ của thể giới văn minh ngày nay.

Riêng về phần Milovan Djilas, đòi với chế độ độc tài ông vẫn coi như đó là kết quả của một sự mê muội đáng thương : « Mong rằng họ sẽ tỉnh ngộ.

Nếu hiểu rõ thực trạng của thế giới, có lẽ họ sẽ bớt độc tài, đỡ cồ chấp và chủ quan, và do đó sẽ nhân đạo, biết điều hơn, tỏ ra xứng đáng là một phần tử của đại gia đình nhân loại ».

Người tù nhân đặc biệt này lại tỏ ý thương hại những kẻ đang áp bức mình !

THU-THỦY



TIỂU - DÂN

Có gì thay đổi nơi Krouchtchev ?

Từ ngày phát hiện trên chính-trường quốc-tê, ngay cả lúc chưa trở nên chủ-tịch hội-đồng bộ-trưởng Nga xô, ông Krouchtchev đã nhiều lần xác nhận rằng ông chủ-trương thực hiện những cuộc tiếp xúc giữa các lãnh-tụ các cường quốc đối lập và ông sẵn sàng đi tới bất cứ nơi nào vì lợi ích hòa-bình. Sự thật ông K. đã đi nhiều và các cuộc du hành của ông đã kích động khá nhiều dư luận quốc tế những năm gần đây.

Nhưng từ sau cuộc hội đàm tại Vienne, ông K không rời khỏi lãnh thổ Nga-Sô.

Tháng Chín vừa qua, người ta đã tưởng ông sẽ đến dự Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc : ông không đến.

Người ta đã hi-vọng ông đến Genève dự Hội nghị Tài binh : ông Gromyko đã đến một mình.

Người ta đã chờ đợi một vài sáng kiến của Mạc-Tư-Khoa sửa soạn một cuộc du hành mới của lãnh-tụ Nga-Sô : không có gì cả.

Giọng điệu mới.

Làm sao cắt nghĩa được sự thay đổi thái độ đó của ông Krouchtchev ?

Một số người đã suy diễn rằng ông ta bị bệnh. Đối với họ, chỉ có thể là vì bệnh nên ông K mới từ bỏ phương-pháp ngoại giao thông-thường của ông (đi nhiều, nói nhiều).

Nhưng ông K đã cải chính nhận-định ấy. Trong đại hội lần thứ XIV của Liên đoàn Thanh niên cộng sản Nga, ông đã tuyên bố : « Năm nay tôi 68 tuổi rồi và theo luật lệ xứ ta, tôi có quyền được về hưu. Nhưng biết sao giờ ?— tôi còn nhiều nghị lực quá, không chịu nổi một cuộc sống nhàn tản, tôi tự thấy luôn luôn đủ sức làm nhiệm vụ của tôi như trước nay. »

Mặc dù có những lời ấy, người ta vẫn thấy hình như ông K đã có thay đổi trong năm rồi. Ông không du-hành nữa, ông không nói theo kiểu trước đây nữa. Sự thay đổi giọng điệu của ông đã phát lộ phần nào

trong các diễn văn, diễn từ gần đây. Nó càng tỏ rõ trong cuộc phỏng vấn tại điện Cẩm-Linh dành cho ông Gardner Cowles, chủ-nhiệm tập san «Look» ở Hoa-kỳ.

Trong cuộc trả lời những câu phỏng vấn nhà báo Hoa-Kỳ này, ông K đã giải thích vì sao ông không nôn nóng gặp trở lại tổng thống Kennedy. Phần tuyên bố này đã được đăng tải trên báo chí quốc tế nhưng không phải ông K chỉ tâm sự có bấy nhiêu. Từ khi vào cầm đầu chính phủ, đây là lần đầu tiên mà ông K đã nói chuyện tự nhiên, cởi mở, với một nhà báo Mỹ, về các vấn đề nội bộ Nga-Sô từ những khó khăn về canh nông, cho đến vụ Staline và nhóm chồng Đảng. Ông đã trả lời cả đến một câu hỏi về Trung Cộng. Cả bài phỏng vấn này đã được đăng trọn trên báo «Pravda».

Không hiểu có phải ông K đã ngạc nhiên vì sự thành thực của chính mình chăng? Nhưng ông đã bảo các nhà báo Hoa-kỳ kia rằng ông tự thấy mắc một món nợ đối với họ, bởi vì chính họ, năm 1955, đã có sáng kiến mời những chuyên gia canh nông Nga-Sô sang viếng thăm, khảo sát công cuộc trồng bắp ở Hoa-Kỳ.

— Các ông đã giúp cho chúng tôi một việc quan trọng lúc bấy giờ. Các ông đã chứng tỏ một sự sáng suốt hết sức và cho tới nay, tôi luôn luôn biết ơn các ông về hành vi can đảm ấy.

Đó là lời của ông K ở phút tiễn biệt ông Gardnes Cowles và người phụ tá.

Người ta nhớ lại, trong cuộc du hành của ông K thăm viếng Hoa-Kỳ lúc ở New-York cũng như ở Los Angelès, khi ở Hoa-Thịnh-Đôn cũng như ở San Francisco, ông luôn luôn có một thái độ duy nhất: không có một lời khen ngợi những công trình đã thực hiện được của Hoa-Kỳ. Ông giải thích sự hà tiện lời khen đó như sau:

— Tất cả những gì các ông làm, chúng tôi đều làm được cũng tốt đẹp như vậy!

Ngay cả ở Iowa, ông K cũng giữ vững, không xê xích lập trường một ly.

Trong một bữa tiệc tại Des Moines như một diễn-giả giải-thích hiệu-lực của công - cuộc canh nông Hoa-Kỳ, bảo rằng mỗi người Hoa-Kỳ, làm việc trong một nông-trại, có thể nuôi sống hai mươi hai người nữa, ngoài mình ra, thủ-tướng Nga đã phản-ứng tức thời, kể một dọc dài con số về hiệu-suất canh-tác ở vùng Krasnodar của Nga rồi ông giải bày cả một lý-thuyết rắc rối, khó hiểu, để chứng-minh rằng trình-độ tiên-bộ của nền canh nông Hoa-Kỳ đạt được phải gây ra sự phá-sản thường trực của những nông-gia, trại chủ ít vốn, nghèo của cải, phương-tiện, trái lại, ở Nga, các nông trường tập-thể tiên-triển một cách điều - hòa, không làm thương - tổn quyền-lợi của nông-gia nào hết.

Qua ngày mai, khi đi thăm những cánh đồng trồng bắp mênh mông của ông Garst — chứng-minh một cách hùng-hồn hiệu-lực của kỹ-thuật, phương-pháp canh-nông Hoa-Kỳ — một lần nữa, thủ-tướng Nga đã phải vận-dụng tất cả trí khôn và nghị lực để chỗi-cãi sự sút kém của nước mình, để chứng minh rằng phương-pháp giao giống bắp ở Nga hay hơn phương-pháp áp-dụng ở Hoa-Kỳ.

Di-sản phong-kiến.

Ba năm sau, trong cuộc phỏng-vấn nói trên đây tại điện Cẩm-linh — ông Cowles tìm hiểu qua, xem có phải vấn-đề canh-nông là vấn-đề số một trong công cuộc phát-triển kinh-tế nội bộ Nga-Sô chăng thì ông Krouchtchev đã không trả lời một cách mơ-hồ, tránh-trờ như thường-lệ ; trái lại ông đã phân-tích cặn-kẽ tình-hình canh-tác ở nông-thôn Nga và thẳng-thắn thừa-nhận hiệu-suất canh-tác Nga kém thua hiệu-suất canh-tác Hoa-Kỳ.

Xa rồi, thái-độ sĩ-diện, cứng-rắn ở Des Moines ngày nào.

Ông Krouchtchev đã nhận-định rằng sở dĩ Hoa-Kỳ có ưu-thế trong lãnh-vực canh-nông là vì canh-nông Hoa-Kỳ, từ khởi-điểm, đã được xây dựng trên cơ-sở tư-bản, nghĩa là phụ thuộc vào các yếu-tố hiệu-suất và khả-năng sinh lợi ; trong khi đó, canh-nông Nga phải khắc-phục tình-trạng kinh-tế bán phong kiến để tiến bộ. Nông dân Nga đáng lẽ phải chọn thứ gì sản-xuất cho sinh lợi nhiều

nhất thì lại chỉ lo canh tác những cây cũ chính họ cần để sống. Đất đai thì qua-phân thành nhiều mảnh nhỏ. Đối với thị-trường, họ gần như chẳng hiểu gì. Ngay cả trong hiện-tình, làm cho nông-dân am-hiểu kỹ-thuật canh-tác tân-tiên, cũng là cả một vấn-đề khó-khăn ở Nga.

Thủ-tướng kể ra với nhà báo Hoa-Kỳ một ví-dụ rõ-ràng : Ở Hoa-Kỳ, các trại-chủ tìm hiểu tỉ-mỉ về số thu-hoạch của các loại giống và mỗi mùa, họ cố gắng tìm, dùng loại giống tốt hơn. « Ở nước tôi, tôi được coi là người quan-tâm về vấn-đề trồng bắp hơn ai hết. Mỗi khi đến một xã, tôi hỏi xem người dân ở đây có trồng bắp hay không. Người ta bảo có. Nhưng khi tôi đi vào chi-tiết, khi tôi hỏi họ trồng bắp gì thì họ bồi-rời. Mới đây, một chủ-tịch nông trường tập-thể bị tôi hỏi, đã trả lời : đây là thứ bắp xứ Kharkov. Khó cho anh ta là không hề có giống bắp mà anh ta nói !... ».

Trong khi tiếp-tục than-phẩm về tình-trạng yếu kém của các nông-trường tập-thể, ông Krouchtchev bỗng bắt qua một cách tự nhiên, một đề-tài cảm-ky nữa : nói về Staline.

Cho tới nay, ông K vẫn cho rằng công cuộc triệt-phá ảnh-hưởng Staline là một vấn-đề nội bộ, không phơi bày với ngoại-nhân. Trong những cuộc tiếp-tân vui-vẻ tại điện Cẩm-linh, đã có lần một phóng-viên Tây phương đề-cập tới vấn-đề ấy. Tức-thời, nhà báo bị « chính ». Tại Hoa-

Kỳ, ông K cũng đã nói dóa trước những lời nhắc nhở xa gần tới Staline.

Thế mà ngày nay, không ai ép, tự ông lại khơi ra trước một nhà báo Hoa-Kỳ vấn đề nội bộ ấy.

Staline và những con heo

Trước tiên, ông K than phiền rằng, thuở sinh-thời, Staline đã chống lại việc bỏ tiền vào công-cuộc phát-triển canh-nông ; rồi ông mỉa-mai « sự dốt nát hoàn-toàn » của nhà độc-tài quá cồ. Theo ông, Staline đã có lần bảo với cán bộ đến xin cấp ngân-khoản về chăn nuôi ở Ukraine : « Các anh điên hay sao mà nuôi heo bằng lúa mì ? Sao [không] để cho loại heo nó tự kiếm ăn như ở Géorgia ? »

Nguyên là, vào đầu thế kỷ này, ở thời trẻ tuổi của ông ta, Staline đã thấy người dân Géorgia cột lục-lạc, chuồng nhỏ, vào heo, thả cho heo chạy rong vào núi tự kiếm ăn.

Ông K bình-luận : lãnh-đạo như vậy thì Nga - Xô làm sao mà khỏi thua sút Hoa-Kỳ nhiều trong lãnh-vực canh-nông ?

Cuối cùng, ông K nói chuyện về nhóm chống Đảng Molotov, Ragano-vitch, Vorochilov, Malenkov. Hai nhà báo Hoa-Kỳ hết sức ngạc-nhiên bởi chính họ không dám hỏi về tấn kịch tranh giành ảnh hưởng giữa các nhà lãnh-đạo Nga-Sô sau khi Staline qua đời.

Ông K bảo rằng nhóm chống Đảng muốn duy-trì nguyên-trạng sau cái chết của nhà độc-tài. « Họ tự tin ở

uy-thể của họ những nhà cồ-văn của Staline và tự cho không thể bị đánh đổ, đổi đời. Nhưng hiện-pháp Liên-Xô không bảo - đảm cho ai được quyền bất-khả xâm phạm hết. Bất cứ nhà lãnh-đạo nào, nếu đi ngược lại trào-lưu tiên - hóa, cũng có thể bị nhân-dân bãi-miễn ».

Tuy nói vậy, ông K hình như không phải lo chịu sò phạt ấy, trong hiện-tình. Giọng nói thành thật, tỉnh táo, chính là giọng nói của một chính khách tin ở mình, không phải lo tìm một thắng lợi gấp gáp để củng cố địa vị.

Tất cả sự khác biệt giữa một Krouchtchev trong cuộc du hành viếng thăm Hoa-Kỳ và một Krouchtchev trả lời cuộc phỏng vấn của nhà báo Hoa-Kỳ Gardner Cowles là ở chỗ đó.

Đối với Trung Cộng và Albanie

Ngày nay, người ta hiểu rằng đường lối « sống chung hòa-bình » của ông Krouchtchev đã gây ra nhiều sức phản-ứng không những ở Bắc-Kinh, mà ở ngay cả nội bộ chính quyền và đảng Cộng-sản Nga. Đã đành ông K vẫn giữ vững được sáng-kiến chính trị của mình và lời hứa đem lại một nền hòa-bình lâu dài, được nhân-dân Nga ủng-hộ, tất-nhiên không cho phép lực-lượng đổi-lập đương diện công kích ông.

Nhưng những phần-tử đổi-lập lại tin rằng đường-lối, chính-sách của ông K chẳng đưa đến được một thành quả nào. Họ chờ để tấn-công ông ở

ngã rẽ, trong những trường-hợp khó khăn thử-thách.

Người Trung-Cộng nghi ông Krouchtchev thân Mỹ, họ chồng cá-nhân của ông nhiều hơn chồng đường lối chính-trị của ông.

Thành ra thủ-tướng Nga đang tiến hành một cuộc chiến-đấu trên nhiều mặt trận; những gì ông nói ra đều lưỡng-vướng nỗi lo-âu về sự phản-ứng của Tây-phương, của nội-bộ ông ở điện Cẩm-Linh và của các nước và đảng huynh đệ trong thế-giới Cộng-sản.

Ông K đã tranh-thủ được thắng-lợi của trận chiến tam giác nầy tại Đại hội lần thứ XXII của Đảng Cộng sản Nga. Mặc dầu tình-hình bang-giao Nga Mỹ vẫn còn rắc-rối, phiền-tạp, khi thủ-tướng Nga bước lên diễn-đàn Đại hội, ông đã có thể dựa vào tình hình các cuộc thương-thuyết, tiếp-xúc bí-mật giữa hai đại-cường, để tin chắc rằng tổng-thống Kennedy thành-thật muốn làm bớt căng-thẳng tình-hình quốc-tế, nói chung và tình hình ở Bá-Linh, nói riêng. Nếu ông chưa có được trong tay một bản thỏa ước để trình Đại hội, ít ra ông cũng đã có đủ luận cứ để khóa miệng những kẻ bi-quan, hoài-nghĩ, đôi-lập.

Bắc-Kinh đã tỏ thái-độ chống-đôi trong vấn-đề xử-trí với Albanie. Thật ra đây chỉ là một trận chiến vì danh dự, một cách biểu-lộ nỗi bức-tức hơn là một thái-độ đôi-lập chính-trị nguy hiểm.

Ông K hiểu rằng bao lâu ông còn nắm vững Đảng ông thì ông còn có thể hòa hợp và lái các nước, các đảng Cộng-sản khác.

Trong khi nói chuyện với ông Cowles, ông K đã tỏ ra thông-cảm với Trung-Cộng cũng như Albanie. Ông bảo rằng các nước và đảng ấy đang vấp phải những khó khăn đặc-biệt, tuy nhiên, ông vẫn tin ở tương lai của họ.

Ông đã cho kẻ đối-thoại thấy rằng Trung - Cộng đã có quá nhiều cao-vọng trong không-khí cách-mạng say sưa của họ và rồi đây Trung-Cộng sẽ phải hiểu rằng bao giờ cũng vậy, cần có một đường - lối chính - trị tương-hợp với khả-năng thực-tế.

Đã xác-định lập-trường của mình, từ đây, ông K có thể tuần-tự tiến-hành đường lối chính-trị của mình.

Ông sẽ gặp Tổng-thống Kennedy — đấu với các lãnh tụ Anh, Pháp hay không — và ông tin hơn bao giờ hết rằng những vấn-đề tranh-chấp giữa Nga Mỹ không phải là nan-giải, với điều-kiện là cả hai đại-cường đều chịu thừa-nhận nguyên-trạng ở châu Âu, đặc biệt là ở Đức-quốc.

Ở Hoa - Thịnh - Đồn, cũng đã có những người tán-thành ý-tưởng ấy.

Tuổi già

Tuy nhiên — vẫn theo cuộc phỏng vấn — ông K không muốn trở thành công-cụ cho một đường lối chính-trị nội bộ ở Hoa-Kỳ hay Anh-Cát-Lợi. Ông cho rằng sở dĩ ông Mac Milan

muôn đèn Mạc-Tư-Khoa chính vì Đảng Bảo-thủ đã mất khá nhiều phiếu trong các cuộc tuyển-cử cục bộ ở Anh. Ông còn hiểu rằng tháng 11 tới đây, Tổng-thống Kennedy sẽ chịu một cuộc thử thách với cuộc bầu cử lại phân nửa Quốc-hội.

Ông cho rằng cuộc gặp gỡ ở cấp tối-cao phải được chuẩn-bị chu-đáo và phải là sự kết-thúc của một đường lối chính trị mà ông đã đem hết tâm lực tiến-hành từ năm năm nay.

Người ta có cảm-tưởng rằng, mặc dầu khoe-khoang sức khỏe, nghị-lực vô-tận, ông K đã ý-thức được tuổi già của mình.

Chính ông đã bảo các thanh-niên Cộng sản rằng ông sẽ không còn đề

chứng-kiến kỷ-nguyên giàu mạnh, tốt đẹp mà ông đã hứa đem lại cho nhân-dân Nga-Sô. Ông cũng hiểu rằng ông sẽ chỉ có thể tham dự một hội-nghị tối-cao Đông Tây nữa mà thôi; nếu nó thất bại thì chắc trải qua nhiều năm lắm mới có thể có trở lại một công-cuộc như thế. Bấy nhiêu hẳn là đủ để cắt nghĩa thái-độ thận-trọng và giọng điệu mới của ông Krouchtchev.

Giọng điệu của một người hiểu mình, hiểu người, tính kỹ lẽ được, thua, của một kẻ về già vậy.

TIỂU DẪN

*Thuật theo K. S. Karol
(L'Express 10-5-1962)*

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

1-3-5, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại: 20.114 — 20.115 — 20.116 — 23.736

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — EDALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Những bài thơ nhũ ca tháng 6 (Hoàng Việt Thủy) 18-20 (P.T. Nghĩa) Mưa chiều... (Lê Hoài Nhân) Tình biển, dọc đường, vườn trăng... (Thái Tú Hạp) Chiều buồn khoảnh (Trúc Bạch) Sơ khởi, Thương ca Tocc hành (S.N. Hoài Thảo) những chạng buồn đêm (Phương Tấn) Bài I, II (Tùng Nguyên Thủy) Hiện tại (Tô Phạm) Hai bài tình buồn (Hoa Tịnh Linh) Ra đi (Hoàng Lạc Chương) Bài buồn đêm — Khuôn mặt (Vi Sao) Tình cảm nin (Hoàng Huân) Chiều (Thế Chí) Ngã ba (Hà Li Hải) Mở đầu (Người Hai Phường) Khúc cô đơn thứ hai (P. Huy Thái) Tim chuyển hướng (Dạ Lý Hương) Hy vọng (Kỳ Lê Văn) Vầng trán lưu đầy... (Chương Đài) Nửa đêm ngoài phố (Yên Giang) Bài thơ viết trên xe đò (Huy Giang) Lối Saigon... (Hoàng Việt Thủy) Thắng con trai thời đại (Hàn Bô) Mơ về Huế—Bài buồn ly xứ (Yến Nguyên Thanh) Tình sử (Tâm Thoại) Yêu bốn mùa, rong rêu (Trương Thủy) Thắng bán tạp chí — Cái chết của Linh (Phạm Nhược Thảo) Bức vẽ một cái chết (Lệ Bình) Con vượn đeo Eo gió (Hà Phương Mai).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Ô Bút Khê Nguyễn-Hữu-Tri** « Chết đắng trong vị ngọt » chúng tôi có nhận được cả 2 bản. Truyện tỏ nhiều cố gắng nhưng nông cạn không đăng được. Cốt truyện xã hội đó nhiều người viết rồi. Mong ông thông cảm và gởi cho sáng tác khác



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Dạ hội mùa xuân** ; tập thơ của **Huy-Lực** do tác-giả gửi-tặng. Sách dày 96 trang, gồm 30 bài thơ in trên giấy bristol, nền «ngay mai» và «hoa bướm», bản đặc biệt không đề giá.
- **Hương lúa tình quê** ; kịch dài xã-hội, tình cảm, của **Anh-Tuyển**, đã được giải thưởng 1961 của Liên đoàn Công-Chức C.M.Q.G, do tác giả gửi tặng. Sách dày 124 trang, bản đặc biệt, không đề giá.
- **Bốn bề anh hùng** ; tập 1, cuốn 1 của loại sách Trẻ, in hoàn toàn bằng tranh ảnh nhiều màu 16 trang, giá 2 đ.
- **Nhận diện vóc dáng Nguyễn-Đức-Quỳnh**, của **Thế-Phong**, in Ronéo dày 28 trang.
- **Nhớ thương** : tập thơ của **Hoàng-Ngọc-Liên**, ấn loát trên giấy quý, Đình-Hùng đề tựa, Vị Ý trình bày, do tác giả gửi tặng. Sách dày 74 trang, gồm 16 bài thơ giá 40 đ.

SÁCH BÁO MỚI

- **Giấc mơ quái gở và Ông Hoàng 7 bò** 2 tập truyện «Một giờ giải Trí» của **Lê-Oanh** nhà Đông-Phương xuất bản. Một tập dày 16 trang giá 1 đ.
- **Hương rừng Cà-mau**, tập truyện ngắn của **Sơn Nam** do **Phù Sa** xuất bản và tác giả gửi tặng, gồm 18 truyện ngắn. Sách dày 172 trang giá bán 34 đ.
- **Ngôi Sao thành phố** tập văn của **Thiệt Tố** in ronéo do **Glao**

diễm ấn hành, gồm 7 truyện ngắn, giá bán 48 đ.

- **Thi-ca và Triết-lý** của **Nguyễn-Văn-Trung** do tác giả gửi tặng.
- **Chuyện của Nàng Thơ** thi phẩm của **Diễn Nghị** do **Lạc Việt** xuất bản, **Đình Cường** vẽ bìa và trình bày, gồm 38 bài thơ, giá bán 60đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả.

VỀ QUYỀN :

« LA MUSIQUE VIÊTNAMIENNE TRADITIONNELLE »

Của **TRẦN-VĂN-KHÊ**

Có những bạn hỏi chúng tôi — từ hai năm trước hoặc gần đây — về luận án trên đây của bạn **Trần-Văn-Khê**, nay chúng tôi xin trả lời chung :

Quyển sách này, nhà « Presses Universitaires de France » vừa in xong, giá 45 N. F., tính theo giá thị trường hối suất tự do là 900 \$.

Vậy những bạn nào muốn có quyển sách trên (hoặc những hiệu sách nào muốn mua về bán) xin liên lạc thẳng với nhà xuất bản.

Les Presses Universitaires de France
108, Boulevard Saint-Germain — PARIS (5^e)

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

Bạn là người yêu văn chương nghĩa lý, hãy đón đọc vào đầu tháng 6-1962 :

VĂN MỚI

TIẾNG NÓI NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI
XUẤT BAN MỖI THÁNG

Số 6

● Khởi đăng : BÀ LOAN, truyện mới nhất của Trần-Thế-Nguyên ● TRÊN ĐỈNH KIM CƯƠNG của Nguyễn-Ái-Lữ có gì lạ ? ● Những tiết lộ thú vị nhất của ÔNG BÒ NGỒI trong HẬU TRƯỞNG VĂN NGHỆ ● Một trăm người leo con đường mòn, một người thành thi sĩ, chín mươi chín còn là tracteur.... Diêm-Châu là một loài tracteur, yêu em sáng nhất chỉ còn, duy một loài dầu cặn ?...

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes *JOB* Surfiner

COFAT CHOLON

Bạn là người Nam ? Bạn phải đọc.... Bạn là người Trung ?
Bạn cần đọc.... Bạn là người Bắc ? Bạn nên đọc....

Hương rừng Cà-Mau

GIÁ 34\$

Sau TÌM HIỂU ĐẤT HẬU-GIANG, lần này SƠN-NAM gợi lại những vang bóng miền quê của tác giả qua cuốn CON BẦY ĐƯA ĐÒ giỏi tài hò hát ; HÁT BỘI GIỮA RỪNG bên cạnh những khán giả cộp, sấu ; CÔ ÚT gả về tận xóm Cạnh-Đền ; CUỘC BIÊN DẦU hằng năm ở miền núi sạ với cậu bé LEN TRÂU ; nàng tiên nữ HOÀNG-MAI với mối tình khôn tả giữa HƯƠNG RỪNG U-MINH-HẠ.

Hình ảnh cuộc Tây-tiến oai hùng nhưng bình dị của dân tộc với những nhân vật yêu đời :

« Ra đi gặp vịt cũng lừa,

« Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu ».

Nhà xuất-bản PHÙ-SA

Xin giao thiệp với Ông DƯƠNG-ĐẠI-TÂM
66, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

—:—

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả.....

Địa chỉ.....

Thời hạn mua (1)..... bắt đầu từ.....

Thẻ thức trả tiền.....

..... ngày..... tháng..... 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 180 \$

6 tháng : 90 \$

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, bay bằng chỉ phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (20 số thường 200 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 240 \$)

• Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong dịp Tết mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913